

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN BỐN

Thiên thứ tư

CHÁNH PHÁI NIỆM PHẬT

Phật do nơi tâm tạo, đạo ở nơi người hoằng hóa. Chỗ chính yếu của sự hoằng đạo không gì hơn niệm Phật. Niệm Phật tức là làm cho tâm chân chánh, tâm chân chánh nên có thể hợp với đạo. Chỗ tốt cùng của đạo gọi là Phật. Phật nghĩa là “giác”. Tất cả chúng sinh đều có tánh bản giác này, nhưng do một niệm sai lầm nên trở thành bất giác. Tướng quốc Bùi Hưu nói: *“Trọn ngày Viên giác, mà chưa từng Viên giác là chúng sinh. Đầy đủ Viên giác, mà an trụ vững chắc tánh Viên giác là Như Lai”*.

Thế nên, đức Phật thành đạo ở xứ Ma-kiệt-đà, nói có bàn không, quán xét tùy theo căn cơ mà chỉ dạy. Đặc biệt ở ngoài các pháp, mở ra một môn niệm Phật. Pháp môn này cắt đứt được cội nguồn đau khổ, là con đường chính yếu để bước vào dòng Thánh. Vì thế, kinh *A-di-đà* nói: “*Từ đây qua phương Tây cách mười muôn ức cõi, có thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có đức Phật hiệu là A-di-đà. Trong cõi Cực Lạc không có ba độc⁶², tám nạn⁶³, mà có bảy loại báu và các thứ*

⁶² **Tam độc:** ba thứ phiền não: tham dục, sân khuể, ngu si. Tất cả phiền não gọi chung là độc, nhưng ba thứ phiền não này có mặt khắp ba cõi, là thứ độc hại nhất trong thiện tâm xuất thế của chúng sinh, khiến cho hữu tình phải chịu khổ nhiều kiếp và không ra khỏi được, nên đặc biệt gọi là Tam độc. Tam độc này còn là nguồn gốc của ba ác hạnh thân, khẩu, ý, nên cũng gọi là tam bất thiện căn, đứng đầu trong các phiền não căn bản. Theo *Luận Đại Trí Độ 34*, Tam độc có hai loại là Chánh tam độc và Tà tam độc. Vì Tà tam độc khó trừ, Chánh tam độc dễ trừ, nên Tịnh độ của chư Phật có Chánh tam độc mà không có Tà tam độc.

Theo *Ma-ha Chỉ Quán 6*, thượng, tham, sân, si về mặt tư hoặc là Chánh Tam độc và tham, sân, si về mặt kiến hoặc là Tà tam độc.

Theo *Đại Tạng Pháp Số 15*, Nhị thừa và Bồ-tát đều có Tam độc. Hàng Nhị thừa thích cầu Niết-bàn là tham dục, chán lìa sinh tử và sân khuể, mê lầm đối với Trung đạo là ngu si. Bồ-tát muốn rộng cầu Phật pháp là tham dục, quả trách Nhị thừa là sân khuể, chưa liễu ngộ Phật tánh là ngu si.

⁶³ **Tám nạn:** tám nơi khổ nạn, chướng ngại chúng sinh đến với pháp đạo. Theo kinh *Thập Thượng, Trường A-hàm 9*; kinh *Bát Nạn, Trung A-hàm 29* thì tám nạn là:

1. Nạn địa ngục: chúng sinh do tạo nghiệp ác chiêu cảm quả báo đọa vào Địa ngục, chịu khổ không ngừng suốt đêm trường tăm tối, không được thấy Phật nghe pháp.

2. Nạn ngạ quỷ: quỷ đói có ba loại:

a. Ngạ quỷ nghiệp nặng nhất, nhiều kiếp không được nghe đến tên nước uống.

b. Ngạ quỷ nghiệp nặng vừa, chỉ ở nhân gian rình tìm nơi tẩy rửa máu mủ dơ ứ để ăn.

c. Ngạ quỷ nghiệp nhẹ, loài này có khi được một bữa no thì lại bị dao rượt đuổi, bức bách không có chỗ trốn, chịu khổ vô lượng.

3. Nạn súc sinh: Súc sinh có nhiều loại, mỗi loại đều theo thân gây tạo mà chịu quả báo hoặc có loài được người nuôi dưỡng hoặc có loài ở núi rừng, sông biển thường bị đánh đập, sát hại. Có loài ăn nuốt lẫn nhau, chịu khổ vô cùng.

4. Nạn sinh lên cõi trời Trường Thọ: cõi trời này thọ 500 kiếp, tức trời Vô Tướng trong đệ tứ thiên thuộc cõi Sắc. Vô tướng là do tâm tướng không vận hành, giống như cá, trùng, sâu bị ướp lạnh. Ngoại đạo tu hành phần nhiều sinh vào cõi trời này, bị chướng ngại không được thấy Phật, nghe pháp.

5. Nạn sinh ở cõi Uất-đan-việt: Uất-đan-việt, Hán dịch là Thắng Xứ. Người sinh vào cõi này thọ đúng 1.000 tuổi, không chết nửa chừng, đo đó tham đắm hưởng lạc không chịu nghe giáo hóa. Cõi này lại không được thấy Phật nghe pháp, thế nên không có Thánh nhân xuất hiện.

6. Nạn điếc, đui, câm, ngọng: những người tuy sinh trong vùng trung tâm (không phải biên địa), nhưng nghiệp chướng rất nặng, các căn không đủ: điếc, đui, câm, ngọng. Tuy có Phật ra đời mà họ không được thấy Phật, nghe pháp.

7. Nạn thế trí biện thông: người tuy thông minh lanh lợi, nhưng chỉ ưa học kinh sách ngoại đạo, không tin chánh pháp xuất thế.

8. Nạn sinh trước Phật và sau Phật: người do nghiệp nặng duyên mỏng, sinh trước hoặc sau Phật, không được thấy Phật, nghe pháp.

Theo kinh *Tăng Nhất A-hàm 16*, phụng trì pháp Bát quan trai có thể đối trị tám nạn này.

trang nghiêm vi diệu, lấy pháp làm thân, lấy các bậc Thánh làm bạn. Nếu có thể chí thành tin tưởng phát nguyện quy hướng về cõi ấy thì liền được vãng sinh, vượt qua Tam giới Cửu hữu, chứng ngộ đạo nhiệm mầu Vô thượng của chư Phật”. Lời nói ấy thật không lừa dối!

Từ khi giáo pháp lưu truyền qua phương Đông, đến ngài Phật Đồ Trừng thì hưng thịnh. Sau ngài Phật Đồ Trừng là ngài Đạo An. Dưới cửa của Đạo An lại có ngài Huệ Viễn. Đại sư Huệ Viễn giới hạnh trong sáng tợ châu ngọc, thấu suốt giáo nghĩa rộng sâu như biển cả bao la, thần thái phi phàm, nên kỹ cương của giáo môn được chấn hưng trở lại, đầy đủ hoàn bị hơn. Đại sư trước tác quyển *Niệm Phật Tam-muội, Vĩnh Thân Khuyến*. Khi ấy, các bậc hiền tài thời Đông Tấn kính mộ đạo đức của Ngài, cùng tranh nhau cứu xét đạo này hướng đến con đường Chánh Giác. Danh tiếng của Đại sư chấn động đến tai vua, một thời đức hạnh của Ngài được mọi người tôn kính. Hòa thượng Đạo An chọn Sư làm đệ tử lớn.

Theo luận *Thành Thật 2* thì dùng tứ luân để đối trị bát nạn, đó là:

- Ở chỗ lành: được sống ở đô thị.
- Nương người thiện: sinh ra đời gặp Phật.
- Tự phát chánh nguyện: đầy đủ chánh kiến.
- Gieo sấm căn lành: các căn đầy đủ.

Pháp sư Cưu-ma-la-thập kết làm bạn hiền. Tri thức và tâm lượng của Đại sư Huệ Viễn rất rộng lớn, siêu xuất xưa nay. Ngài còn dùng lời nói phản đối để hành đạo, làm bậc tông sư cho muôn đời, ích lợi rộng rãi Người, Trời.

Đời Tùy, có ngài Trí Giả; đời Ngụy, có Đàm Loan; đời Đường, có Thiện Đạo chấn hưng tông phong. Đời Tống, Đại sư Tông Đản soạn thuật *Cam Lộ Sơ*, Tỉnh Thường kết Liên Xã, Từ Giác khuyên tu, Thiền sư Diên Thọ dung thông muôn điều thiện để cùng trở về (*Vạn Thiện Đồng Quy Tập*), tông chủ Nguyên toát yếu các kinh viết thành nghi sám hối; thực hành phương tiện rộng rãi, uyển chuyển làm nên từ bi. Tổ sư vì muốn khiến cho mọi chúng sinh trên địa cầu thấy Di-đà bản tánh, đạt Tịnh độ duy tâm, ai nấy đều giác ngộ đạo mầu nhiệm Bồ-đề, nên bèn lập ra bốn chữ “Phổ Giác Diệu Đạo” định danh cho Liên tông.

Xét thấy bốn chữ, một gương soi suốt vô biên đồng một thể dụng. Tại sao biết như vậy? Nói tóm lại, ví như một thân thể con người mà có nhiều tác dụng của đầu, mắt, tay, chân, nhưng không một bộ phận nào có thể phân chia được. Nếu tự mình không phát nguyện rộng lớn, không có tâm từ bi sâu xa, đâu

thể được thiên hạ đời sau tin tưởng.

Tôi từng thâm luận rằng: khắp cả pháp giới chúng sinh gọi là “Phổ”; trí thấu suốt lý này gọi là “Giác”; đức dụng vô biên gọi là “Diệu”; con đường ngàn Thánh cùng cất bước gọi là “Đạo”.

Vả lại, “Phổ” tức là bản thể tự tâm cùng khắp mười phương; “Giác” tức là tác dụng trí tuệ chiếu soi không mê mờ của tự tâm; “Diệu” tức là hạnh lợi tha và ứng cơ của tự tâm; “Đạo” tức là lý thông đạt trung đạo chân chánh của tự tâm. Hằng sa chư Phật chứng ngộ là chứng đạo này, chớ mà bao đời Tổ sư đạt được cũng là đạt đạo này, những người vãng sinh Tịnh độ trong mười phương đã học đạo này, những người tu hành thời vị lai sẽ học đạo này. Huống chi, chư Phật và Bồ-tát thị hiện ở thế gian làm bậc đại Đạo sư, các Ngài đều có tâm nguyện từ bi chẳng bỏ chúng sinh. Hoặc làm vua quan, khanh tướng, cư sĩ, tể quan, xuất tục, tại gia, nghịch hành, thuận hạnh, đều đem đạo này giác ngộ cho người.

Chúng sinh trong ba cõi trôi nổi luân chuyển cho đến ngày nay, qua lại trong sáu đường như kiến bò quanh miệng chén không ngày ra khỏi. Bậc Đại Giác từ bi thiết lập phương tiện để dẫn dắt mọi loài, khiến họ thú hưởng đến chỗ mà Ngài đã từng hưởng đến.

Chỗ hướng đến ấy chẳng phải lục đạo, chẳng phải Tam thừa mà chính là đạo Chánh Giác của Như Lai. Người được đạo này cũng dùng đạo đó giáo hóa những người chưa hướng đến. Ví như một ngọn đèn mỗi sáng trăm ngọn đèn, trao đèn tiếp lửa sáng soi kim cổ. Pháp môn chánh tâm của tông niệm Phật này làm cho tâm chúng sinh được ngay thẳng trở về chánh đạo. Người người trao truyền cho nhau vô tận, cho nên gọi là ngọn đèn vô tận. Thuyết *Phổ Giác Diệu Đạo* đâu phải là lời nói suông!

Bởi lẽ, người người đều có thể làm Phật, chẳng do khoảng cách giữa tăng tục, chẳng do sự phân biệt giữa lợi căn và độn căn, không kia đây, không cao thấp, đồng một bản tánh mà thôi. Thấu được bản tánh ấy là ngộ, quên mất bản tánh ấy là mê, vốn cùng một lý. Mê là phạm phu, ngộ là Thánh nhân. Mê là ngăn cách trên mặt Sự, nhưng Lý thể không ngăn cách; bởi tự mình quên mất, nhưng bản tánh vốn không mất. Thế nên biết, tu Niệm Phật Tam-muội tức là làm ngay thẳng tâm mình. Tâm này ngay thẳng thì tánh thuận với Lý, được tánh thuận với Lý thì sáu trần không thể ô nhiễm, muôn cảnh chẳng thể đổi dời. Động dụng trong một tâm rộng thênh, lặng lẽ trong sự biến hóa của vạn vật. Chẳng rời chỗ ngồi mà cùng khắp mười phương; vượt lên thế giới Cực Lạc đi vào

ngôi nhà Tịch Quang; ở trên đỉnh núi Niết-bàn, hướng về Pháp vương Vô thượng. Nghĩa lý chánh tâm của *Phổ Giác Diệu Đạo* thật rất là cùng tột. Người không biết nghĩa lý này thì công phu ở chỗ nào? Trí tuệ từ đâu phát sinh? Ví như người không có mắt, chẳng thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng, đi trên con đường nguy hiểm sa hầm sụp hố, những hạng người này không thể tính đếm hết được.

Ôi! Cách Phật đã xa, con người phần nhiều hiểu biết sai lầm. Tuy là ở nơi chánh đạo nhưng lại rơi vào tà tông, những kẻ tầm thường mờ tối chỉ thấu nhận tri thức đến nỗi bị bọn tà kiến đối trá mê hoặc, bè phái nổi dậy công kích lẫn nhau, xôn xao luận bàn về có không, cất xén hư không, thi nhau bài bác. Có kẻ chấp vào sự tướng chẳng chịu buông bỏ, có người thuận theo ứng duyên không tự giác ngộ, có người giữ cây khô mà nói Thiên định, có kẻ cậy vào thông minh xưng là trí tuệ, có người rong chạy trên con đường sai quấy lại cho là tài năng, có kẻ nhờ vào quý thần mà nói là thần thông, có người thân tâm buông lung mà nói vô ngã, có kẻ miệng tai thầm truyền mà nói là bí quyết, có người chấp vào chữ “Phổ”, chữ “Giác” là của tông ta, có kẻ nói chữ “Diệu”, chữ “Đạo” của tông kia. Như thế, đều là riêng tư trộm cắp chiếc gương này mà đi vào chỗ tà kiến, đến nỗi

bụi dơ che lấp chẳng hiểu rõ tông thể. Tuy được cái danh của gương này nhưng không đạt được công dụng. Đâu chẳng biết, ngài Từ Chiếu lập bốn chữ ấy có ý nghĩa rất sâu xa. Kẻ mê mờ không hiểu rõ, chấp vào đó thì mất tiêu chuẩn.

Hướng chi lại có lời nói rằng: giáo pháp của Phật Di-đà dành cho người tại gia, giáo pháp của Phật Thích-ca là dành cho người xuất gia. Họ tự tôn làm Tổ, chấp pháp làm tông. Giữ lấy tâm chấp trước kia đây, đưng đầu vương đó, hạn cuộc vào sự hiểu biết thấp kém nghiêng lệch tà vạy, tự cho mình là phải, người khác là sai, khiến cho chúng ta là hậu duệ của Phật Tổ mà không thể phá trừ sự chấp trước ấy, dẹp bỏ mê lầm của họ. Nếu đã vậy thì làm sao nêu cao mặt trời trí tuệ trong con đường tối tăm?

Thật đau lòng thay! Mạng sống trí tuệ của Phật Tổ lâm nguy, đau đớn còn hơn xẻo thịt trên người. Nghĩ nhớ báo đáp ơn sâu của Phật Tổ, ăn ngủ không yên. Nghĩ đến việc Phật tử các nơi lầm đường tu hành nên tuy chưa thể thấu rõ tận cùng được một phần nhỏ của người xưa, nhưng tâm này không hề lừa dối.

Tôi thường khẩn thiết ở nơi đây, cẩn trọng suy xét trong *Cao Tăng Truyện Ký*, tìm cầu khắp cả sự tích chân thật của các bậc Hiền triết, cứ xét cội

nguồn, trích dẫn lý chân thật, thích đáng và những việc còn để lại, tập hợp mà biên soạn ra. Chỗ thiếu sót thì bổ túc, chỗ dư thừa thì lược bớt, những điều uẩn làm cho sáng tỏ, lời nhận định thì trưng dẫn chứng minh. Mong rằng nghìn năm sau, người tu Tịnh nghiệp nhân lời nói mà suy tư về đạo; uống nước biết nguồn, hiểu rõ phong cách của các bậc Thánh xưa để lại; thể hội khuôn phép của Liên tông thuở trước, tiếp nối làm hưng thịnh dòng dõi Phật; xiển dương sáng tỏ đạo nhiệm mầu, khiến cho mạng sống trí tuệ vô cùng, trao truyền ngọn đèn chân thật mãi mãi. Ở trước chẳng nói, bốn chữ một gương soi thấu vô biên đó sao! Người thể hội đạo này nên thận trọng chớ lơ là!

*

Chương 1 **TỔ SƯ HUỆ VIỄN**

(Tổ thứ nhất của Liên tông)

Sư hứu là Huệ Viễn, họ Cổ, nguyên quán ở Lô Phiển Nhạn Môn, nay là Đại Châu ở Hà Đông. Ngài sinh tại Thạch Triệu vào năm Giáp Ngọ, niên hiệu Diên Hy; nhằm niên hiệu làm Hòa thứ chín (334) đời vua Thành Đế nhà Tấn.

Năm mười hai tuổi, Sư theo cậu ở Lĩnh Cô du

Thích Minh Thành dịch

học miền Hứa Lạc. Không bao lâu, Sư bác thông *Lục Kinh* (sáu bộ kinh của nhà Nho: *Kinh Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu*), thấu suốt những thuyết *Chu Dịch, Lão Trang*.

Năm hai mươi mốt tuổi, Sư muốn qua sông ở ẩn với Phạm Tuyên Tử. Nhưng vì lúc ấy có loạn Thạch Hồ, đường giao thông bị trở ngại nên ý nguyện không thành.

Thời gian sau, nghe Pháp sư Đạo An ở tại chùa Nghiệp Trung núi Thái Hành, Sư bèn cùng Sư đệ Huệ Trì tìm đến đó. Sau khi nghe Pháp sư giảng kinh *Bát-nhã*, Sư suốt thông tỏ ngộ, than rằng: “Phật pháp quả thật vi diệu, xét lại học thuyết của Nho Đạo cửu lưu (chín trường phái học thuật thời Chiến Quốc: Nho gia, Đạo gia, Pháp gia, Danh gia, Mặc gia, Tung hoành gia, Tạng gia, Nông gia) khác nào như cặn bã”. Sư và Huệ Trì xin xuất gia, hai vị thường lấy việc gánh vác Đại pháp làm trách nhiệm của mình. Ngài Đạo An thấy vậy khen ngợi rằng: “Về sau, Phật pháp lưu thông ở Trung Quốc, có lẽ do Huệ Viễn này!”.

Năm thứ chín niên hiệu Thái Nguyên (384), đời vua Hiếu Vũ, Sư đến Lô Sơn, cầm tích trượng động xuống đất, nói: “Có suối thì sẽ ở lại nơi đây!”.

Bỗng nhiên có dòng nước phúng lên, Sư bèn lấy

cổ tranh dựng am. Giảng kinh *Niết-bàn*, cảm được Sơn thần hiển linh, mưa giông sấm sét mở mang đất đai, trợ giúp vận chuyển cây gỗ. Thái thú Giang Châu kinh ngạc về sự thần dị ấy, tấu xin xây dựng chùa Đông Lâm, gọi đại điện là Thần Vận.

Năm thứ 11 niên hiệu Thái Nguyên (386), ngôi chùa được hoàn thành. Sư thấy ở phía Đông Nam kinh luật chưa đầy đủ, chưa nghe về thiền pháp, bèn dựng lập thiền thất riêng biệt ở trong chùa, thỉnh một Thiền sư chỉ dạy chúng tu tập thiền định. Lại còn sai đệ tử vượt sa mạc tìm cầu kinh nói về thiền, hầu như bốn chúng ở Giang Biểu đều được tu tập. Sư có tâm nguyện làm cho làm cho sự giáo hóa của Đại thừa từ phương Bắc truyền bá đến tận miền Nam.

Sư thường bảo: *“Pháp thiền sâu xa mâu nhiệm, người không có khả năng thì chẳng trao truyền. Cửa đi vào đạo công đức cao để tiến tu, niệm Phật làm đầu”*.

Đồ chúng tới lui ba ngàn người, những bậc có niềm tin chân thật được 123 người. Trong đó có 18 vị đứng đầu, gọi là Đông Lâm Thập Bát Đại Hiền, ở trước tượng Phật Vô Lượng Thọ kiến lập trai đàn thệ nguyện cùng tu Tây Phương Tịnh độ, kết Bạch Liên Xã. Lưu Di Dân viết văn phát nguyện, Sư viết lời tựa *Niệm Phật Tam-muội*.

Tạ Linh Vận cậy tài kiêu căng nhưng vừa gặp Sư liền cung kính khâm phục, đào ao trồng sen, cầu xin gia nhập Liên Xã. Sư nhận thấy Tạ Linh Vận nội tâm hỗn tạp nên từ chối.

Ở Lô Sơn nhiều rắn, có hành giả không biết là người ở đâu thường hầu bên Sư, rất khéo đuổi rắn, đến nay được gọi là “Thánh giả đuổi rắn”.

Chỗ Sư ở suối chảy vòng quanh chùa, phía dưới vào Hồ Khê. Mỗi khi đưa tiễn khách, Sư lấy Hồ Khê làm ranh giới. Khi ấy, Đào Uyên Minh và Lục Tu Tĩnh tìm đến yết kiến. Lúc đưa khách ra về, vì đàm đạo khế hợp bất giác, Sư bước qua khỏi Hồ Khê hồi nào không hay. Ba người nhìn nhau cả cười, đời sau nhân đó lưu truyền bức họa “Tam tiếu”.

Khi ấy, Pháp sư La-thập gửi thư đến khen Sư là “Bồ-tát hộ pháp phương Đông”. Chúng tăng ngoại quốc đều ca ngợi: “Đất Hán có bậc Đạo sĩ Đại thừa”, mỗi khi dâng hương lễ bái đều hướng về phía Đông cúi lễ, dâng tẩm lòng về Lô Sơn.

Vua Diêu Tần khâm phục đạo đức, gửi thư liên tiếp. Năm đầu niên hiệu Long An (397) thời Tấn An Đế, Hoàn Huyền khuyên vua thanh lọc tăng ni, nhưng lại bảo Lô Sơn là nơi có đạo đức không cần tra

xét. Sư gửi thơ ngăn chặn Hoàn Huyền, bèn được khỏi nạn ấy.

Năm đầu niên hiệu Nguyên Hưng (402), Hoàn Huyền gửi văn thư cho Ngài, nói rõ lời đề nghị của Dữu Bạng muốn Sa-môn phải lễ bái quốc vương. Sư lại gửi thơ bàn luận rõ về việc ấy, nên được bãi bỏ.

Vua An Đế từ Giang Lăng trở về kinh, phụ quốc Hà Vô Kỵ khuyên Sư nghinh tiếp. Sư lấy cơ đau yếu từ khước. Vua sai sứ đến thăm hỏi bảo rằng, tờ biểu của Sư đã được nghe. Nhà vua lại đáp lời bằng chiếu chỉ ưu ái ân cần.

Mồng 01 tháng 11 năm Ất Mão niên hiệu Nghĩa Hy (415), Sư nhập định đến ngày 17 mới xuất định, thấy Phật A-di-đà thân sắc vàng đầy khắp hư không. *Văn Long Thơ Tịnh Độ* nói: “Ngài Huệ Viễn ba lần thấy Thánh tướng mà trầm lặng không nói ra”. Đại sư ở Lô Sơn hơn ba mươi năm, chân không bước ra khỏi núi, từ khước mọi sự liên lạc không cần thiết với thế tục.

Mồng 01 tháng 08 năm Bính Thìn (416), Sư nhuộm bệnh, đến mồng 06 thì bệnh tình trầm trọng. Các bậc Tôn đức kỳ cựu khuyên phương tiện dùng thuốc rượu để điều trị, Sư khước từ. Lại thỉnh Sư tạm dùng mật. Ngài sai Luật sư tra xem trong tạng, nhưng

chưa tìm thấy thì Sư đã tập hợp các đồ đệ dạy rằng: “*Ta từ lúc năm mươi tuổi gởi thân nơi núi này, tự xét ắt có ngày mạng tận mới dứt tuyệt duyên ngoài để mong toại chí nguyện của mình. Chẳng mấy chốc thân thể già suy đã tám mươi ba tuổi rồi, nay ngày giờ đã đến, chỉ mong chôn xương cốt nơi rừng tùng, lấy ngọn núi làm phần mộ, đồng hình trạng với đất đai cây cỏ. Đó là lẽ của người xưa, các ông chớ làm trái ngược! Nếu khiến tinh thần chẳng mờ tối mới mong để đạt đến chỗ chí thành. Thương xót thay! Đức Thế Tôn cũng sẽ dùng đạo lực gia hộ”*”.

Đại sư nói xong, liền qua đời. Hàng đệ tử và Thái thú Tầm Dương cùng các quan làm lễ an táng và xây tháp Sư ở phía Tây Lô Sơn.

Vua An Đế sắc phong cho Đại sư thụy hiệu: “Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh Bạch Liên Xã Chủ”, tháp được đặt tên là Ngưng Tịch. Tạ Linh Vận lập bia ghi lại đức hạnh của Sư, Trương Dã viết lời tựa. Đại sư có trước tác *Khuôn Sơn Tập* 10 quyển, lưu hành ở đời.

Thụy hiệu của Tổ sư Huệ Viễn được phong qua các triều đại:

Niên hiệu Nghĩa Hy đời Tấn An Đế, phong thụy

hiệu: Lô Sơn Tôn Giả, Hồng Lô Đại Khanh Bạch Liên Xã Chủ.

- Năm Mậu Thìn niên hiệu Đại Trung đời Đường, phong thụy hiệu: Đại Sư Biện Giác.

- Năm thứ ba niên hiệu Thăng Nguyên đời Nam Đường, phong thụy hiệu: Đại Sư Chánh Giác.

- Năm thứ ba niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc đời Tống, phong thụy hiệu: Đại Sư Viên Ngộ.

- Năm thứ hai niên hiệu Càn Đạo đời Tống, phong thụy hiệu: Đại Pháp Sư Đẳng Biến Chánh Giác Viên Ngộ.

*

Chương 2

ĐẠI SƯ MINH GIÁO CHI LẠI LỜI KÝ NƠI NHÀ THỜ DI ẢNH TỔ SƯ HUỆ VIỄN

Sự tích ngài Huệ Viễn, học giả tuy xem nhưng ít ai hiểu tường tận được, khiến cho người đời chẳng thấy tỏ tường đức hạnh của bậc tiên hiền. Đó cũng là lỗi lầm của kẻ hậu học.

Tôi đọc *Cao Tăng Truyện*, *Liên Xã Lục* và *Cửu Giang Tân Cựu Lục*, rất mến mộ sáu việc của ngài Huệ Viễn. Thấy rằng có thể dùng để khuyên bảo người học nên mới dẫn ra giải thích, nêu lên nơi nhà thờ di ảnh, nói rõ với những người đến đây.

- Lục Tu Tĩnh là học giả khác đạo mà đưa qua khỏi Hồ Khê, đó là không do người mà vứt bỏ lời nói của họ.

- Đào Uyên Minh say sưa rượu chè mà vẫn qua lại, là bởi bỏ qua tiểu tiết, nhận lấy sự thông đạt của người.

- Cao tăng Bạt-đà do hiển bày những việc lạ kỳ nên bị đui mắt mà mới về, lại còn khen ngợi, là bởi trọng người có trí thức để sửa đổi những kẻ ganh ghét bậc hiền tài.

- Tạ Linh Vận do tâm hỗn tạp nên không tiếp nhận, kết quả bị chết bởi hành hình, là vì biết tánh khí của người ấy mà cẩn thận về sau.

- Lô Tuần muốn tạo phản mà nắm tay nhận bạn cũ, là bởi vì tự tin tưởng đạo đức.

- Hoàn Huyền uy thế lẫy lừng mà chống lại không khuất phục, là bởi vì có tiết tháo lớn.

Nói chung, tình người xưa nay không ai chẳng sợ

uy thế mà tạm lánh tai ương, quên tình nghĩa để tránh sự nghi ngờ, háo danh mê mờ sự thật, a dua theo quyền thế, tàn nhẫn đối với kẻ cô độc; thay đổi cử chỉ vì sợ liên lụy; cho mình là đúng, kẻ khác là sai.

Ai có đạo đức được tôn kính một đời, làm bậc thầy của người hiền, lại vì vài lời nói mà nghe theo người sao?

Ai vốn đã có đức thù thắng, hạnh trong sạch, lại chịu kết giao với kẻ say sưa, tôn trọng sự thông đạt của người?

Có ai lại hạ thấp sự tôn nghiêm của bậc thầy mà quý trọng người khách bị kích bác và xua đuổi, bày tỏ sự hiền tài của người?

Có ai cự tuyệt kẻ sĩ danh tiếng lẫy lừng, chẳng tiếp nhận giáo hóa, giữ được toàn vẹn về sau?

Có ai vì nghĩa chẳng tránh tai họa, vẫn thân thiện với bạn cũ, tin tưởng đạo đức của người?

Có ai đứng trước uy quyền của tướng soái, ở nơi sát phạt bạo ngược mà giữ đạo chẳng khuất phục, gìn tiết tháo của mình?

Thế nên, kiến thức và độ lượng của ngài Huệ Viễn rộng lớn, vượt hẳn cả xưa nay. Còn như việc gánh vác chánh pháp, mở rộng đạo Thánh, lưu lại

công hạnh cho trời người. Kẻ ngu tối này chẳng thể hiểu tường tận, có lẽ Ngài là bậc Thánh chăng? Bậc Hiền chăng?

Vĩ đại thay! Khí phách trùm thiên hạ, thanh phong khắp đất trời, đó là danh tiếng của ngài Huệ Viễn. Vẻ thu bốn biển, sừng sững trong núi thần, đó là sự thanh cao của ngài Huệ Viễn. Rông trong loài người, phụng trong hàng tăng, từ bỏ quyền vị giống như Sào Phủ, Hứa Do⁶⁴, đó là phong cách của ngài

⁶⁴ **Sào Phủ Hứa Do:** tên một tích truyện cổ Trung Quốc, lấy tên hai nhân vật trong đó là Sào Phủ (chữ Hán: 巢父) và Hứa Do (許由).

Theo truyền thuyết, hai nhân vật này sống đời vua Nghiêu. Câu chuyện như sau (lời đối thoại theo *Chuyện giải buồn* của Huỳnh Tịnh Của):

Hứa Do được tiếng là người hiền, vua Nghiêu vời vào để truyền ngôi.

Hứa Do từ chối, cười mà về rồi ra suối rửa tai.

Khi đó, Sào Phủ mới dắt trâu tới suối uống nước, thấy Hứa Do rửa tai, bèn hỏi tại sao.

Hứa Do trả lời:

- Vua Nghiêu đòi tôi, bảo tôi thì làm vua.

Sào Phủ bèn dắt trâu bỏ lên trên giong nước cho uống.

Hứa Do hỏi tại sao, Sào Phủ đáp:

- Anh rửa tai anh xuống đó, tôi sợ trâu tôi uống nhầm.

Sào Phủ lại nói:

- Anh đi đâu cho người ta biết vua mà muốn nhường ngôi vua cho anh, ấy là tại bụng anh vẫn còn danh lợi.

Huỳnh Tịnh Của phê rằng: “*Nghe mà rửa, chi bằng giữ vẹn đừng nghe*”.

Tích Sào Phủ Hứa Do trở thành một điển cố về lòng trong sạch và tính ẩn dật.

Huệ Viễn. Mây trắng hang sâu, cây ngọc cỏ thơm, là nơi gửi thân của Ngài Huệ Viễn.

Kẻ ngu tối này tuy mến mộ nhưng lại hận sinh sau Ngài. Nay chiêm lễ di ảnh, cúi đầu đảnh lễ, nguyện đem lời văn quê dốt ghi lên nơi vách.

❖ **Tên họ mười tám bậc đại hiền ở Lô Sơn**

1. Tổ sư Huệ Viễn, họ Cổ, người ở xứ Lô Phiền, Nhạn Môn.

2. Pháp sư Huệ Vĩnh, họ Phôn, người ở Hà Nội.

3. Pháp sư Huệ Trì, sư đệ của ngài Huệ Viễn, cùng sư huynh tôn thờ Pháp sư Đạo An làm thầy.

4. Pháp sư Đạo Sinh, họ Ngụy, người ở Cự Dã, cư ngụ tại Bành Thành, sinh ra trong gia đình quan lại.

5. Tôn giả Phật-đà-da-xá, Trung Hoa gọi là Giác Minh, người ở nước Kế Tân, dòng dõi Bà-la-môn.

Trong tác phẩm *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, đoạn Vân Tiên, Vương Tử Trực, Bùi Kiệm, Trịnh Hâm vào quán nước gặp một chủ quán có vẻ có tài, Vân Tiên khuyên ông ra làm quan. Ông trả lời:

Quán rằng: Nghiêu Thuấn thưở xưa

Khó ngăn Sào Phủ, khôn ngừa Hứa Do

Ý nói, ngay cả đời thịnh vượng thanh bình như thời vua Nghiêu, vua Thuấn mà còn có người ẩn dật không ra làm quan, huống chi thời này!

6. Tôn giả Phật Đà-bạt-đà-la, Trung Hoa gọi là Giác Hiền, hậu duệ của Cam Lồ Phạn Vương.

7. Pháp sư Huệ Duệ, người ở Ký Châu.

8. Pháp sư Đàm Thuận, người ở Hoàng Long.

9. Pháp sư Đạo Kính, họ Vương, ở Lang Da (huyện Chư Thành ở Sơn Đông), ông nội là Vương Ngưng Chi coi giữ Giang Châu.

10. Pháp sư Đàm Hằng, người ở Hà Đông, xuất gia lúc còn trẻ thơ, chẳng biết họ gì.

11. Pháp sư Đạo Bính, người ở Dĩnh Xuyên, họ Trần.

12. Pháp sư Đàm Tiên, người ở Quảng Lăng, chẳng biết họ gì.

13. Cư sĩ Lưu Di Dân, húy Trình Chi, tự Trọng Tư, người ở Tụ Lý tại Bành Thành.

14. Cư sĩ Lô Thứ Tôn, tự Trọng Luân, người ở Nam Xương.

15. Cư sĩ Tôn Bính, Thiếu Văn, người ở Nam Dương.

16. Cư sĩ Trương Dã, tự Lai Dân.

17. Cư sĩ Trương Thuyên,

18. Cư sĩ Châu Tục Chi, tự Đạo Tổ, người ở Hoàng Vu, Nhạn Môn.

Bài thơ của Thiền sư Quán Hưu được ghi nơi thơ di ảnh 18 bậc Đại Hiền.

*

Chương 3

NÓI RÕ VIỆC THÀNH ĐẠO CỦA TỔ HUỆ VIỄN

Sách *Lễ Ký* nói: “*Tổ tiên không có điều hay mà khen ngợi, là lừa dối; có điều lành mà chẳng biết, là không rõ; biết mà chẳng lưu truyền, là bất nhân. Ba việc ấy là điều mà người quân tử lấy làm hổ thẹn*”.

Ôi! Đối với người học Phật chúng ta lẽ nào lại không như thế! Tổ sư Huệ Viễn đức hạnh quả vị sáng ngời, công đức rộng lớn. Kẻ ngu này hổ thẹn được dự vào giáo pháp của Ngài, là con cháu trong thời kỳ Liên tông suy vi sa sút, quê mùa dốt nát, ít học bất tài, chưa có thể tiếp nối tông phong thuở trước. Thật là phụ bạc ân đức từ bi của người xưa! Từng đọc *Minh Giáo Ký*, rất lấy làm hổ thẹn. Lại từng xem *Thông Luận* của Thiền sư Tú ở Thạch Thất có nói

rằng: “*Cách Khổng Tử một trăm năm có Mạnh Kha (Mạnh Tử). Khi đó, đạo của Khổng Tử gần như suy vi, Mạnh Kha nỗ lực thực hành đạo ấy, do vậy mà chấn khởi lại*”.

Phật giáo sang phương Đông, trải qua ba trăm năm có ngài Huệ Viễn. Khi ấy, người xuất gia dần dần thêm nhiều, nhưng chưa có sự thực hành riêng biệt, chưa chế định phép tắt và khuôn mẫu tốt đẹp, làm bậc tông sư trong thiên hạ như ngài Huệ Viễn, Phật đạo do đó bắt đầu chấn hưng. Bởi thế, từng bảo rằng, ngài Huệ Viễn có công lớn đối với Phật giáo, giống như Mạnh Tử trong nhà Nho. Ngài cùng với cao tăng triều sĩ đồng tu Tịnh độ, đạo đức vang đến tận tai vua, giáo pháp truyền khắp thiên hạ. Những người tu tập niệm Phật sau này, chẳng biết ngọn ngành của Tổ sư, mất đi nguồn dòng. Thấy những kẻ Xiển-đề bậc phước ở đời ngụy soạn *Lô Sơn Thành Đạo Ký*, trao chuốt những ngôn từ dối trá, toàn là những lời nói vô căn cứ, dối gạt thiện tín, truyền khắp tai mắt mọi người, đến nay chẳng thể sửa đổi.

Tôi mới tham khảo Đại tạng, *Hoàng Minh Tập, Cao Tăng Truyện*. Xét tận tường chỗ chính yếu, lược nêu bảy việc để phá trừ mọi sự nghi hoặc. Người hiểu biết nên soi xét:

1. Ngài Huệ Viễn lễ Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành xuất gia, lại tuyên truyền bữa bái rằng lễ Tôn giả Chiên-đàn làm thầy, đó là điều đối trá thứ nhất.

2. Bữa bái cho rằng Đạo An là cháu của ngài Huệ Viễn, đó là điều đối trá thứ hai.

3. Ngài Huệ Viễn ba mươi năm không ra khỏi núi, chân không bước vào thế tục, lại bữa bái nói rằng bị Bạch Trang cướp bắt, đó là điều đối trá thứ ba.

4. Vua nhà Tấn ba lần mời thỉnh, ngài Huệ Viễn lấy cớ bệnh từ chối không đến, lại bữa bái nói rằng Ngài bán thân làm nô bộc cho Thôi tướng công, đó là điều đối trá thứ tư.

5. Cánh tay phải ngài Đạo An có vòng thịt, lại bữa bái nói rằng là ngài Huệ Viễn, đó là điều đối trá thứ năm.

6. Khi lâm chung, dặn dò thi hài xương cốt đặt dưới cội tùng ở phía Tây Lô Sơn, xem nơi tháp Ngưng Tịch có thể làm chứng cứ. Thế mà bữa bái nói rằng Ngài ngồi trên thuyền nhiều màu sắc lên trời Đâu-suất, đó là điều đối trá thứ sáu.

7. Pháp sư Đạo Sinh giảng kinh ở Hồ Khâu, chỉ đá phát thệ, đá bèn gập đầu. Thế mà nói bữa bái đó là ngài Huệ Viễn, đây là điều đối trá thứ bảy.

Buồn thay! Những kẻ gian nịnh ở đời chẳng biết đạo đức chân thật của Tổ sư, chỉ nghe lời đồn, tô vẽ bừa bãi nhiều việc càn dỡ, truyền tiếng xấu đến đời sau, khắp nơi chê cười nhạo báng, khinh lờn đạo đức của bậc Thánh. Người hiểu biết thấy vậy chẳng xét nét nguyên do, há lại xem thường Tổ sư hay sao? Như thế, đâu chẳng phải là làm thân Phật ra máu, phạm tội ngũ nghịch ư?

Tôi từng thấy, vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống, Sư Tài Quán, Huệ Nghiêm và Tạ Linh Vận phiên dịch kinh *Niết-bàn* thêm bớt từ ngữ, nhân đó mơ thấy vị thần quả trách rằng: “*Dám đem tình phạm xem thường Thánh điển!*”. Sư Tài Quán sợ hãi mà ngưng lại.

Còn có ngài Huệ Lâm, do tài học nên được nhà vua quý mến, người thời ấy gọi Huệ Lâm là “Tể tướng áo đen”. Ông tự trước tác *Hắc Bạch Luận* hủy báng Phật giáo, liền bị cảm bệnh dữ, da thịt thối rữa mà chết.

Ôi! Như thế viết bừa bãi truyện ký về Tổ sư, há lại không sợ rơi vào ba đường địa ngục sao?

Phàm những người đồng chí hướng với tôi, nên xét kỹ những việc thật về ngài Huệ Viễn từ gốc đến

ngọn; nói rõ khắp nơi, làm cho đạo Tổ sáng ngời mới mong nổi oan ức của bậc Thánh Hiền do đây được rửa sạch.

*

Chương 4

ĐẠI SƯ ĐÀM LOAN

Thuở nhỏ, nhân đạo núi Ngũ Đài, Đại sư Đàm Loan thấy thần tích linh dị, bèn phát tâm xuất gia. Sư nghiên cứu đầy đủ giáo pháp Đốn, Tiệm của ba thừa, khai mở Định, Tuệ. Sư thường bị bệnh, khi đi đến Phần Châu, chợt thấy mây che khắp cả, cửa trời mở toan, bậc thang dẫn đến sáu tầng trời cõi Dục⁶⁵ trên dưới trùng điệp.

⁶⁵ Sáu tầng trời cõi Dục: chỉ cho 6 tầng trời cõi Dục. Đó là:

1. Tứ Đại Vương Thiên: cũng gọi Đại Vương Thiên, Tứ Vương Thiên. Có bốn vua trời là: Trì Quốc, Tăng Trưởng, Quảng Mục, Đa Văn và các Thiên chúng. Người ở cõi trời này cao bằng $\frac{1}{4}$ câu-lô-xá, sống 500 tuổi; một ngày đêm ở đây bằng 50 năm ở trần gian.
2. Tam Thập Tam Thiên: cũng gọi là Đạo-lợi Thiên. Gồm 33 cõi trời: Trời Đế Thích ở giữa, 4 phương mỗi phương đều có 8 cõi trời. Thân cao bằng $\frac{1}{2}$ câu-lô-xá, sống 1000 tuổi; một ngày đêm ở đây bằng 100 năm ở nhân gian.

Sư vừa chớp mắt, bệnh liền được khỏi. Từ đó, khẩn thiết dụng tâm nơi Phật đạo, thường gắng sức như không kịp; dạy bảo cho những kẻ thế tục mê mờ, không phân biệt xa gần.

Lúc đầu, Sư thích thuật học của đạo Tiên, nghe Đào Ân Cư được pháp trường sinh, từ xa tìm đến. Đào Ân Cư trao cho mười quyển kinh Tiên. Sư rất vui mừng, cho rằng đạo thuật Thần Tiên là điều cần thiết.

Khi trở về, qua Lạc Dương, gặp Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi, trong lòng tâm đắc bèn hỏi rằng:

-
3. Dạ-ma Thiên: cũng gọi Diệm-ma Thiên, Viêm Ma Thiên, Thời Phần Thiên. Đứng đầu cõi trời này là Tu-dạ-ma thiên, thân cao bằng $\frac{3}{4}$ của 1 câu-lô-xá, sống 2000 tuổi; một ngày đêm ở cõi trời này bằng 200 năm ở nhân gian.
 4. Đâu-suất Thiên: cũng gọi Đổ Sứ Đa Thiên, Đâu-suất-đa Thiên, Hỷ Túc Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời San Đâu-suất-đa. Thân cao 1 câu-lô-xá, sống 4000 tuổi; một ngày một đêm nơi này bằng 400 năm ở nhân gian.
 5. Hóa Tự Tại Thiên: cũng gọi là Lạc Biến Hóa Thiên, Vô Kiêu Lạc Thiên, Vô Cống Lao Thiên, Ni-ma-la Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời Thiện Hóa. Thân cao 1 câu-lô-xá $\frac{1}{4}$, sống 8000 tuổi; một ngày đêm ở cõi trời này bằng 800 năm ở nhân gian.
 6. Tha Hóa Tự Tại Thiên: cũng gọi Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Hóa Ứng Thanh Thiên, Ba-la-ni-mật Thiên. Đứng đầu cõi trời này là vua trời Tự Tại. Thân cao 1 câu-lô-xá $\frac{1}{2}$, sống 16.000 tuổi; một ngày đêm tại đây bằng 1.600 năm ở nhân gian.

- Trong đạo Phật có pháp trường sinh bất tử chẳng?

Bồ-đề-lưu-chi cười đáp:

- Nói về trường sinh bất tử, thật ra chỉ có Phật pháp mà thôi!

Nói xong, lấy kinh *Quán Vô Lượng Thọ* trao cho và bảo:

- Tu học theo đây thì không còn luân chuyển trong sáu đường, thoát ly hẳn ba cõi. Sự thịnh suy thành bại, đường họa phước xuống lên, cũng không còn ràng buộc được. Nói về thọ lượng thì kiếp đá và cát sông Hằng cũng chẳng thể sánh bằng. Đây mới thật là pháp trường sinh của đức Phật vậy!

Ngài Đàm Loan nghe nói liền phát khởi lòng tin sâu chắc, bèn đốt kinh Tiên đã học, chuyên tu theo kinh *Quán Vô Lượng Thọ*. Từ đó, Ngài thông suốt nghĩa lý trong kinh ấy và tu ba phước nghiệp, quán tưởng chín phẩm. Dù lạnh nóng thay đổi, bệnh tật đến thân cũng không lười biếng bê trễ, giữ vững tâm ban đầu. Vua nước Ngụy mến trọng ý chí cao thượng, lại khen ngợi sự tu hành và giáo hóa mọi người, đạo nghiệp rộng lớn, ban hiệu cho Sư là Thần Loan, lại sắc chỉ cho Sư trụ trì chùa Đại Nghiêm ở Tinh Châu, chưa bao lâu dời về chùa Huyền Trung ở Phần Châu.

Một hôm, Sư đang trì tụng, có một vị tăng người Ấn Độ dấn vẻ phi phạm vào trong thất bảo:

- Ta là Long Thọ, ở nơi Tịnh độ, do ông có tâm hướng về Cực Lạc nên đến thăm viếng.

Sư thưa:

- Có việc gì xin Ngài chỉ dạy!

Ngài Long Thọ nói:

- *Đã qua, chẳng theo kịp*

Chưa đến, không thể tìm

Hiện tại, nay ở đâu

Ngựa khỏe khó kéo lại.

Nói xong liền biến mất.

Do thấy điều kỳ lạ nên Sư biết đã đến kỳ vãng sinh, liền tập hợp đệ tử mấy trăm người, răn dạy rằng:

- Bốn loài luân chuyển nhọc nhằn không có ngày dừng nghỉ. Nỗi khổ nơi địa ngục rất đáng kinh sợ, tịnh nghiệp nơi chín phẩm cần gắng tu!

Nói xong, bảo hàng đệ tử cao tiếng niệm Phật A-di-đà. Sư bèn hướng về phương Tây, nhắm mắt cúi lạy rồi thị tịch.

Lúc ấy, kẻ tăng người tục đều nghe tiếng nhạc rền vang giữa hư không, từ phương Tây vọng lại giây lâu mới dứt.

*

Chương 5 ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ

Sư hứu Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, quê ở Dĩnh Xuyên. Mẹ họ Từ, mộng thấy mây khói năm sắc bay quanh thân mà cảm mang thai Ngài. Đến khi đản sinh, trong nhà bỗng nhiên ánh sáng chiếu soi rạng ngời.

Sư sinh ra đã có tướng lạ: mày thanh tú, mắt dài sáng, mỗi tròng có hai con người. Lúc còn nhỏ hề gặp hình tượng Phật Bồ-tát thì liền đảnh lễ, thấy chư tăng thì rất cung kính.

Năm mười tám tuổi, Sư nương theo Pháp sư Pháp Chử ở chùa Quả Nguyên, tại Tương Châu xuất gia. Sư thường tụng kinh *Pháp Hoa*, kiêm thông luật tạng, tính ưa tu tập Thiền định. Về sau, lại nhắm hương Bắc đến núi Đại Tô, lễ Thiền sư Huệ Tư làm thầy. Ngài Huệ Tư vừa nhìn thấy Sư, liền bảo:

Thích Minh Thành dịch

- Ta với ông xưa kia đồng nghe kinh *Pháp Hoa* ở Linh Sơn, duyên xưa vẫn còn, nay lại gặp nhau!

Nhân đó, được Thiên sư truyền trao pháp tu *Pháp Hoa Tam-muội*.

Sư tụng kinh trải qua hai mươi một ngày, đến phẩm *Dược Vương Bốn Sự* tới câu: “*Đó là tinh tấn chân thật, đó gọi là cúng dường pháp chân thật...*”, thân tâm chợt rỗng rang, lặng lẽ vào định, soi sáng *Pháp Hoa* như mặt trời chiếu khắp vạn vật; thấu suốt tướng của các pháp như gió mát dạo giữa hư không. Sư đem chỗ chứng ngộ bạch với ngài Huệ Tư. Thiên sư ngợi khen, bảo:

- Chỉ riêng ông mới chứng, duy có ta mới biết! Cảnh mà ông chứng đó là tiền phương tiện của *Pháp Hoa Tam-muội*. Ông được Tuyên Đà-la-ni, trong những người thuyết pháp ông là bậc nhất.

Về sau, Sư hoằng pháp ở Nghiệp Đô, các Pháp sư tài giỏi đương thời thấy đều khuất phục.

Sau, Sư vào núi Thiên Thai, hàng phục ma quân, tiến tu đạo hạnh. Khi hóa duyên đã mãn, Sư ở trước tượng Phật bằng đá lớn tại Tân Xương thị hiện có bệnh, bảo rằng nhập diệt. Đệ tử thưa hỏi:

- Ngài có được sinh về Tây Phương chăng?

Sư đáp:

- Các thầy bạn đều theo Bồ-tát Quán Âm tới rước ta vãng sinh!

Đến tối, thị giả thấy có Phật đến, thân Phật to lớn gấp đôi tượng Phật đá lớn.

Lúc sắp lâm chung, Sư nói về các pháp môn, bảo đại chúng tụng kinh *Vô Lượng Thọ* và đề mục của kinh *Quán Vô Lượng Thọ*. Sư bèn nhìn khắp đại chúng, chấp tay khen ngợi rằng:

- Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao sen cây báu để vãng sinh mà ít kẻ nguyện cầu. Người tạo năm tội nghịch, mười điều ác tướng địa ngục hiện, một niệm cải hối còn được sinh về; hướng là bậc huân tu giới định, nỗ lực thực hành đạo Thánh, tất công phu chẳng luống uổng vậy!

Nói xong, xướng danh Tam Bảo rồi điềm nhiên thị tịch.

Về sau, có vị tăng mong muốn biết Sư sinh về cõi nào, bèn nằm mộng thấy Ngài theo sau Bồ-tát Quán Thế Âm thân sắc vàng chói, cao lớn mấy trượng, đi đến bảo rằng:

- Trí Giả đã sinh về Tây Phương! Ông đừng nên nghi ngờ nữa!

Chương 6

ĐẠI SƯ THIÊN ĐẠO

(Tổ thứ hai của Liên tông)

Niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Đại sư Thiên Đạo chu du khắp nơi tìm hỏi đạo pháp, nhân thấy Thiên sư Đạo Xước ở Tây Hà thực hành những phương pháp sám hối Đại thừa và đạo tràng Tịnh độ cứu phẩm, giảng kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, Sư rất vui mừng bảo: “

- Đây mới thật là lối chính yếu đi vào cảnh Phật. Tu các hạnh nghiệp khác quanh co khó thành tựu, chỉ môn quán này mau thoát sinh tử. Nay ta đã được rồi vậy!

Từ đó, Ngài siêng năng tinh tấn không ngại khổ nhọc như cứu lửa cháy trên đầu. Về sau, đến kinh sư khuyến khích bốn chúng đệ tử⁶⁶ tu hành, không kể là kẻ sang người hèn, ngay cả bọn bán rượu thịt cũng cảm ngộ được.

⁶⁶ **Bốn chúng đệ tử**: chỉ cho bốn chúng đệ tử tạo thành giáo đoàn Phật giáo, tức Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di hoặc chỉ riêng cho bốn chúng xuất gia là Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, Sa-di và Sa-di-ni.

Sư mỗi khi vào thất, quỳ chấp tay nhất tâm niệm Phật, nếu chưa đến lúc kiệt sức, quyết không chịu thôi nghỉ, thậm chí trời lạnh buốt cũng đổ mồ hôi. Tướng trạng ấy là bày tỏ lòng chí thành tinh tấn của Sư.

Lúc ra thất, diễn nói pháp môn Tịnh độ cho đại chúng, giáo hóa người tăng kẻ tục, làm cho họ phát tâm đạo tâm tu hạnh Tịnh độ, không khi nào không làm lợi ích cho mọi người. Hơn hai mươi năm không có chỗ ngủ nghỉ, chưa từng tạm thời nghỉ ngơi, trừ khi tắm gội, chưa từng cởi áo. Sư thực hành pháp Ban chu Tam-muội, lễ Phật Phương Đăng, chuyên lấy đó làm trách nhiệm của mình.

Sư giữ gìn giới hạnh không sai phạm một mảy may, chưa từng ngược mắt nhìn người nữ, tâm dứt hẳn nơi danh lợi, tránh xa những sự cười đùa. Dùng việc tu thân thanh tịnh làm sự cúng dường; đồ ăn, thức uống, tứ sự⁶⁷ không tự hưởng đều đem bố thí. Được thức ăn ngon đưa cho nhà trụ để cúng dường đại chúng, chẳng dùng sữa lạc, đề hồ, phần mình chỉ dùng thức ăn đạm bạc.

⁶⁷ **Tứ sự:** dâng cúng bốn món cần thiết trong sinh hoạt hàng ngày lên Phật và Tăng, đó là y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men hoặc chỉ cho y phục, thức ăn uống, ngọa cụ, phòng xá.

Sư đem những tịnh tài được dâng tặng dùng để viết hơn mười vạn quyển kinh *A-di-đà*, vẽ hơn ba trăm bức Tịnh độ biến tướng; thấy chùa tháp hư hoại đều tu sửa lại, đốt đèn tiếp nối ánh sáng suốt năm chẳng dứt; ba y, bình bát chẳng xài khiến người khác mang rửa, trước sau không đổi thay.

Sư giáo hóa những người có duyên, thường tự đi một mình không đi chung với mọi người, sợ đi cùng với người khác bàn luận việc đời trở ngại cho việc tu hành của mình. Hoặc có người tìm kiếm lễ bái được nghe Ngài nói một ít pháp, hoặc có người được cùng dự đạo tràng, đích thân tiếp nhận lời dạy bảo; hoặc có người chưa từng thấy nghe, tìm kiếm giáo nghĩa; hoặc có người truyền trao lần lượt pháp môn Tịnh độ hoặc tụng kinh *A-di-đà* mười vạn biến, cho đến ba mươi vạn biến, niệm Phật *A-di-đà* mỗi ngày một vạn năm ngàn câu, cho đến mười vạn và được niệm Phật Tam-muội, vãng sinh Tịnh độ đông không thể kể xiết.

Có người hỏi:

- Niệm Phật được vãng sinh chăng?

Ngài đáp:

- Tùy theo sự tinh tấn niệm Phật, chắc chắn ông sẽ được mãn nguyện.

Nói xong, Ngài tự niệm Nam mô A-di-đà Phật, liền có một tia sáng từ trong miệng phóng ra. Kế lại liền tiếp niệm từ mười cho đến một trăm câu, ánh sáng cũng thế.

Một hôm, Đại sư bỗng bảo mọi người:

- Thân này đáng chán, các khổ bức ngặt, tâm tư biến đổi không tạm dừng nghỉ.

Nói xong, leo lên cây liễu trước chùa, hướng về Tây nguyện rằng:

- Nguyện oai thần của Phật mau chóng tiếp dẫn con; Bồ-tát Quán Âm Thế Chí cũng đến trợ giúp, khiến tâm con chẳng mất chánh niệm, chẳng sợ hãi, ở trong giáo pháp Phật Di-đà chẳng phát sinh mảy may lui sụt.

Nguyện xong, Ngài ở trên cây, đứng nghiêm trang thoát hóa.

Khi ấy, các sĩ đại phu ở kinh sư, thành kính tin tưởng thâm nhật hài cốt an táng. Hoàng đế Cao Tông nghe nói Ngài niệm Phật phát ra ánh sáng, lại hay khi xả bỏ báo thân an lành đến như thế, nên ban một tấm biển sắc tặng hiệu chùa là Quang Minh Tự.

Lược truyện của ngài Tuân Thức ở chùa Thiên Trúc nói Hòa thượng Thiện Đạo là Phật A-di-đà hóa

thân. Từ khi đến Trường An, nghe tiếng nước chảy, Hòa thượng bảo có thể dạy niệm Phật, bèn lập Ngũ Hội Giáo, khuyên bảo giáo hóa rộng rãi. Có người rất mực tin tưởng, thấy Hòa thượng niệm Phật, Phật từ trong miệng hiện ra. Sau ba năm, trong thành Trường An đều biết niệm Phật. Việc này thấy trong biệt truyện, về sau có Đại sư Pháp Chiếu là hậu thân của ngài Thiện Đạo, vào thời vua Đức Tông mở Ngũ Hội Giáo ở Tinh Châu dạy người niệm Phật. Nhà vua ở Trường An thường nghe phía Đông Bắc có tiếng niệm Phật. Vua sai sứ đi tìm, đến Đại Khang quả nhiên thấy ngài Pháp Chiếu dạy người niệm Phật. Vua bèn mời vào cung. Ngài bèn mở năm hội niệm Phật dạy mọi người trong cung tu hành, việc này có ghi rõ trong truyện ký.

*

Chương 7

ĐẠI SƯ PHÁP CHIẾU

Niên hiệu Đại Lịch thứ hai đời nhà Đường (767), Ngài ở chùa Vân Phong tại Hành Châu huân tu từ bi, nhân

nhục, giới hạnh, Thiên định, được mọi người đương thời quy kính.

Một buổi sáng nọ, vào lúc thanh trai, Sư thấy trong bát cháo nơi tăng đường hiện rõ bóng mây ngũ sắc. Trong mây hiện ra cảnh chùa, phía Đông Bắc của chùa có dãy núi lớn, chân núi có khe nước. Phía Bắc có khe nước lại có cửa ngõ bằng đá. Trong ngõ đá, khoảng năm dặm lại có một ngôi chùa, trên bảng vàng đề “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”. Tuy mắt Ngài thấy mà trong lòng còn ngờ là lúc ấy tinh thần không tỉnh sáng. Mấy hôm sau, khi thọ trai, Ngài lại thấy trong bát hiện mây ngũ sắc, trong mây hiện ra mấy cảnh chùa; không có núi rừng như xấu, thuần là cõi sắc vàng; ao đài, lầu các cùng các thứ báu xen kẽ lẫn nhau, muôn vị Bồ-tát ở trong đó. Trong ấy, cõi nước trang nghiêm của chư Phật, đủ mọi tướng thù thắng. Sư vui thích đem cảnh tượng này tìm hỏi, có hai vị tăng Gia Diên và Đàm Huy nói: “Sự biến hiện của chư Thánh không thể dùng phàm tình lường xét được, nhưng nếu luận về địa thế non sông, thì đó là cảnh Ngũ Đài Sơn”.

Mùa hạ năm Đại Lịch thứ tư (769), Đại sư mở đạo tràng Ngũ Hội Niệm Phật ở chùa Hồ Đông tại Hành Châu. Ngày 02 tháng 06 năm ấy, mây lành ngũ

sắc che khắp cả chùa. Trong mây hiện ra lầu các, trên lầu các có mấy vị tăng người Ấn Độ thân cao hơn một trượng, cầm tích trượng hành đạo. Lại thấy Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí thân tướng cao lớn khắp cả hư không. Lúc trời tối, ở ngoài đạo tràng, Sư gặp một cụ già bảo:

- Trước ông đã phát nguyện muốn đến thế giới kim sắc đánh lễ Đại thánh Văn-thù, sao đến nay vẫn chưa thực hiện?

Ngài nói:

- Thời gian và đường sá khó khăn, biết làm thế nào?

Cụ già bảo:

- Chỉ cần đi ngay thì được, nào có gian nan gì!

Ngài chưa trả lời thì cụ già biến mất.

Do thấy sự lạ kỳ, nên lại phát nguyện:

- Nguyện đem thân này đến gặp Đại Thánh, dù cho có vào trong biển lửa-sông băng cũng quyết không lui bước.

Ngày 13 tháng 08 năm ấy, Đại sư cùng mấy người đồng chí hướng, từ Nam Nhạc xuất phát, quả nhiên không gặp gian nan hiểm trở. Ngày mồng 05

tháng 04 năm Đại Lịch thứ 5 (770), đến huyện Ngũ Đài, từ xa trông thấy phía Nam của chùa có mấy luồng ánh sáng. Ngày mồng 06 đến chùa Phật Quang, in như những cảnh thấy trong bát, không sai khác chút nào. Đêm ấy, vào khoảng canh tư, lại có ánh sáng lạ từ phương Bắc chiếu đến. Ngài chẳng rõ mới hỏi:

- Đây là điềm gì? Lành hay dữ?

Vị tăng bảo:

- Đây là ánh sáng chẳng nghĩ bàn của Đại Thánh thâm nhiếp thân tâm ông, tại sao lại hỏi như thế?

Đại sư nghe rồi, liền đầy đủ oai nghi tiến bước đến chùa. Đến phía Đông Bắc của chùa khoảng năm dặm, quả nhiên có một dãy núi. Dưới chân núi có khe nước, phía Bắc khe có cửa cổng bằng đá. Nơi cửa có hai vị đồng tử, một vị xưng là Thiện Tài, vị kia xưng là Nan-đà. Hai vị dẫn Sư vào cửa, đi về phương Bắc khoảng năm dặm lại thấy một cổng vàng, phía trên có lầu các, bên cạnh lầu các lại có một ngôi chùa, cổng chùa có tấm biển vàng lớn đề: “Đại Thánh Trúc Lâm Tự”.

Chu vi của chùa khoảng hai mươi dặm, hơn một trăm viện, mỗi viện đều có bảo tháp. Vàng ròng làm

đất, đài hoa cây ngọc đầy khắp trong đó. Sư vào chùa, lên giảng đường, thấy Bồ-tát Văn-thù bên Tây, ngài Phổ Hiền bên Đông. Hai vị đều ngồi tòa sư tử cao đẹp. Sư đến trước hai vị Bồ-tát đảnh lễ, thưa rằng: “

- Hàng phàm phu thời mạt pháp, hiểu biết cạn kiệt, tuy có Phật tánh tâm địa mà không sao hiển lộ được. Chưa biết tu hành pháp môn nào là thiết yếu nhất? Cúi mong Đại Thánh giải trừ mối nghi ngờ cho con!

Bồ-tát Văn-thù bảo:

- Lời ông hỏi hiện nay rất đúng lúc. Các môn tu hành, không gì hơn niệm Phật. Ta trong đời quá khứ nhờ niệm Phật mà được Nhất Thiết Chủng Trí. Tất cả các pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa, những môn Thiền định thậm thâm, cho đến biển Chánh Biến Tri của chư Phật đều từ niệm Phật mà sinh.

Pháp Chiếu lại hỏi:

- Nên niệm thế nào?

Ngài Văn-thù dạy:

- Về Phương Tây của thế giới này có Phật A-di-đà, nguyện lực của đức Phật ấy chẳng thể nghĩ bàn. Ông nên chuyên niệm danh hiệu của Ngài nói

tiếp không gián đoạn, khi mạng chung chắc chắn được vãng sinh.

Nói xong, hai vị Bồ-tát đồng đưa tay vàng xoa đầu Sư, rồi thọ ký:

- Do ông thực hành pháp niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, nên rốt cuộc chứng được đạo giác ngộ tột cùng. Nếu thiện nam tín nữ nào muốn mau giải thoát thì nên niệm Phật.

Khi ấy, hai vị Bồ-tát cùng nói kệ. Ngài Pháp Chiếu nghe rồi càng thêm vui vẻ.

Bồ-tát Văn-thù lại bảo:

- Ông có thể đi qua các viện đánh lễ chư Bồ-tát để được dạy bảo.

Sư theo lời dạy, lần lượt thỉnh vấn và được dạy bảo. Sau đó, đến vườn hoa thất bảo, rồi trở về chỗ Đại Thánh lễ tạ, được hai vị đồng tử Thiện Tài và Nan-đà khi trước đưa ra cửa. Sư lại đánh lễ từ biệt, vừa ngẩng đầu lên thì người và cảnh đều biến mất.

Đến ngày 13, Sư cùng hơn năm mươi vị tăng đến hang Kim Cang Vô Trước, nơi của Đại Thánh. Bỗng thấy chỗ ấy rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, cung điện bằng lưu ly, Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và khoảng một vạn vị Bồ-tát, Phật-đà-ba-lợi cũng ở

trong ấy. Ngài Pháp Chiếu được thấy, rồi theo đại chúng trở về chùa. Đêm ấy, vào lúc canh ba, ở lầu Tây viện Hoa Nghiêm lại thấy ven khe nước bên vách núi ở phía Đông chùa có ngọn đèn năm nhánh lớn hơn một thước (khoảng bốn tấc ta). Sư nói: “Nguyện chia làm một trăm ngọn đèn, để về một mặt”. Đèn chia ra như nguyện, lại nguyện chia làm ngàn ngọn đuốc, đuốc cũng như vậy, hàng hàng đối nhau, ánh sáng mỗi mỗi giao nhau. Những điều kỳ lạ trong ánh sáng khắp cả núi rừng.

Ngài Pháp Chiếu lại đến hang Kim Cang, mong được thấy Đại Thánh. Đến canh ba, thấy một vị tăng người Ấn Độ tự xưng là Phật-đà-ba-lợi dẫn vào chùa. Đến ngày mồng một tháng chạp, Sư vào đạo tràng niệm Phật ở viện Hoa Nghiêm, nhớ lời hai vị Bồ-tát Văn Thù, Phổ Hiền nói Ngài rớt cuộc chứng được đạo giác ngộ tốt cùng, lại ghi nhận Ngài niệm Phật A-di-đà quyết định vãng sinh, do đó một lòng niệm Phật. Đang lúc niệm Phật, Sư bỗng thấy một vị tăng người Ấn Độ bước vào đạo tràng bảo:

- Đài hoa nơi Tịnh độ của ông đã hiện rồi. Ba năm sau hoa nở, ông sẽ vãng sinh. Song, ông được thấy các chùa Trúc Lâm, tại sao không nói cho mọi người được rõ?

Đại sư nghe rồi, nhớ lại những cảnh được thấy trước kia, bảo những người thợ điêu khắc trên đá, đồng thời ở chỗ được thấy Trúc Lâm Tự, đặc biệt xây dựng một ngôi chùa, lấy hiệu là Trúc Lâm. Công trình xây dựng chùa hoàn tất, Sư bảo:

- Việc của tôi đã xong, tôi đâu thể ngưng trệ ở lâu nơi đây.

Vài ngày sau, Sư bèn thị tịch.

*

Chương 8

ĐẠI SƯ THIẾU KHANG

(Tổ thứ năm của Liên tông)

Sư là người ở vùng núi Tiên Đô xứ Tấn Vân. Mẹ là La Thị, nhân đạo ở đỉnh Hồ Phong, được ngọc nữ trao cho hoa sen xanh, bảo rằng:

- Hoa này tốt lành, trao cho bà sẽ sinh quý tử.

Ngày sinh ra Sư, có ánh sáng xanh đầy khắp nhà, mùi thơm tợ hoa sen.

Năm 15 tuổi, Sư đọc năm bộ kinh như: *Pháp Hoa, Lăng-nghiêm...*, lại học tập nghiên cứu giới luật và nghe các bộ luận *Hoa Nghiêm, Du-già*.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm đầu (785), Sư đến viếng chùa Bạch Mã ở Lạc Dương. Thấy chỗ để sách trong đại điện phóng quang, Sư lại tìm xem, thì ánh sáng ấy phát xuất từ tập văn *Tây Phương Hóa Đạo* của Hòa thượng Thiện Đạo, Sư liền khẩn rằng:

- Nếu tôi có nhân duyên Tịnh độ, nguyện tập văn này phóng quang một lần nữa!

Chưa dứt lời, ánh sáng lại càng chiếu xa rực rỡ. Sư nói:

- Kiếp đá có thể mòn, nhưng nguyện của tôi không thay đổi.

Nhân đó, Sư đến Trường An, chiêm lễ di ảnh của Hòa thượng Thiện Đạo, thành tâm thiết lễ cúng dường. Đang khi lễ, bỗng thấy Đại sư Thiện Đạo hiện trên hư không bảo Ngài rằng:

- Ông y theo lời dạy của ta, làm lợi lạc cho chúng sinh, ngày kia công thành sẽ sinh về Cực Lạc!

Sư nghe rồi như có điều chứng đắc. Sau đó đi về phương Nam, đến chùa Quả Nguyện, ngang qua Giang Lăng, trên đường đi Sư gặp một vị tăng bảo:

- Ông muốn dạy người niệm Phật, nên qua xứ Tân Định.

Nói xong, bỗng biến mất.

Đến Mục Châu, thấy mọi người chưa được giáo hóa, Sư quyên tiền dẫn dụ trẻ con: “Ai niệm một câu A-di-đà Phật thì cho một đồng tiền”. Trẻ con vì muốn được tiền nên niệm Phật rất nhiều. Sư lại bảo niệm Phật mười câu mới cho một đồng. Một năm như thế, lớn nhỏ sang hèn, mọi người gặp Sư đều niệm A-di-đà Phật! Do đây, người niệm Phật đầy khắp trên đường.

Năm thứ mười niên hiệu Trinh Nguyên (794), Sư thành lập đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô Long, xây đàn tam cấp. Mọi người nhóm họp trưa tối hành đạo. Khi vào đạo tràng, Sư lên tòa bảo đệ tử nam nữ hướng về phương Tây to tiếng niệm A-di-đà Phật. Đại chúng thấy Sư niệm một câu Phật thì Phật từ miệng Ngài hiện ra, niệm liên tục mười câu thì Phật cũng hiện ra liên tiếp như xâu chuỗi. Đại sư bảo:

- Mọi người thấy Phật chẳng? Nếu người thấy Phật chắc chắn vãng sinh Tịnh độ.

Nhưng cũng có kẻ lẽ Phật mà chẳng thấy Phật.

Ngày 03 tháng 10 năm thứ 21 niên hiệu Trinh

Nguyên (805), Sư dặn dò kẻ tăng người tục:

- Các vị nên phát tâm tinh tấn tu hành để vãng sinh Tịnh độ, đối với Diêm-phù-đề nên sinh lòng chán nản xa lìa. Giờ đây, thấy Phật mới thật sự là đệ tử của tôi!

Nói xong, Sư phóng mấy tia sáng lạ đẹp, rồi lặng lẽ thị tịch.

Đại chúng xây tháp Sư ở Đài Nham. Về sau, Thiền sư Đức Thiệu ở Thiên Thai trùng tu lại. Người sau phần nhiều cho rằng, tháp ấy là tháp của ngài Thiện Đạo.

*

Chương 9

ĐẠI SƯ TỈNH THƯỜNG

(Tổ thứ bảy của Liên tông)

Sư húy Tỉnh Thường, tự Tháo Vi, con nhà họ Nhan ở Tiền Đường.

Năm 17 tuổi, Sư xuất gia thọ giới Cụ túc, giới hạnh trang nghiêm, thông suốt *Luận Đại Thừa Khởi Tín*, tu tập pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai, tiếp nối di phong của ngài Huệ Viễn.

Đời Tống niên hiệu Thuần Hóa, Sư trụ trì chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ Hàng Châu, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết Tịnh Hạnh xã. Tướng quốc Vương Văn Đán làm người đứng đầu trong hội. Những bậc sĩ đại phu tham dự hội đều gửi thi tụng, tự xưng là đệ tử Tịnh Hạnh. Sư bèn tự chích tay lấy máu hòa với mực chép phẩm *Tịnh Hạnh* trong kinh *Hoa Nghiêm*. Mỗi khi viết một chữ, lạy ba lạy, kinh hành ba vòng, niệm danh hiệu Phật ba lần. Khi hoàn thành khắc bản, in ra ngàn quyển phân chia cho ngàn người, lại dùng gỗ hương Chiên-đàn điêu khắc tượng Phật Tỳ-lô-giá-na. Lúc tượng hoàn thành, Sư quỳ dưới đất chấp tay phát nguyện rằng:

- Con cùng với đại chúng một ngàn người, tám mươi Tỷ-kheo, bắt đầu từ hôm nay phát tâm Bồ-đề, cùng tận bờ mé vị lai thực hành hạnh Bồ-tát. Nguyện hết thân nghiệp báo này được vãng sinh Cực Lạc.

Hàn lâm Thừa chỉ Tống Bạch soạn bia. Hàn lâm Học sĩ Tô Dị Giảng viết lời tựa phẩm *Tịnh Hạnh*. Trạng nguyên Tôn Hà viết tên những người tham dự Tịnh Hạnh xã lên mặt sau bia đá. Pháp sư Viên ở Cô Sơn viết về hạnh nghiệp của Sư, trong ấy dẫn lời tựa của Tô Dị Giảng: *"Tôi sẽ trải tóc để Ngài bước lên, khoét thân thỉnh pháp còn không sân hận, hướng gì*

Thích Minh Thành dịch

học vấn cạn cợt, văn từ quê mùa, mà lại lẫn tiếc hay sao!”. Lời văn bia của Tống Bạch ghi: “Sư ngưỡng mộ ngài Huệ Viễn, khởi phát Tịnh xã ở Lô Sơn, đổi Liên Hoa thành tên Tịnh Hạnh. Ngài Huệ Viễn ở vào thời suy đồi, những người Ngài kết bạn phân nửa là ẩn sĩ. Đại sư Tịnh Thường ở thời thanh bình, kết giao phần nhiều là các bậc thiên tài đạo đức. So với thuở trước thì hàng danh sĩ hơn nhiều; lưu lại sự nghiệp đời sau thì có rường cột tiếp nối”. Từ lời nói của hai vị ấy mà xét sự hưng thịnh ở thời đó, cũng có thể thấy được phần nào.

Sư thị tịch vào ngày 12 tháng giêng năm thứ tư niên hiệu Thiên Hy (1020), hưởng thọ 62 tuổi.

*

Chương 10 THIỆN SƯ TỪ GIÁC

Sư húy là Tông Trách, hiệu Từ Giác, người ở Tương Dương. Cha mất sớm, mẹ là Trần thị, được người cậu nuôi dưỡng. Thuở nhỏ học Nho, chí tiết cao vời, học vấn uyên bác.

Năm 29 tuổi, lễ Thiên sư Tú ở Trường Lô Chân Châu xuất gia, tham cứu thông suốt lễ huyền diệu, tỏ ngộ chánh pháp nhãn tạng của Như Lai.

Niên hiệu Nguyễn Hựu đời Tống, Sư trụ trì chùa Trường Lô, rước mẹ về phụng dưỡng ở tịnh thất phía Đông phương trượng, khuyên bà xuống tóc. Ngoài việc dâng món ngon ngọt ra, Sư còn khuyên mẹ cố gắng trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Bà mẹ mỗi ngày chuyên cần tu hành trước sau bảy năm, lúc lâm chung quả nhiên không bệnh, an lành niệm Phật qua đời. Sư tự bảo, lòng báo đáp mẫu thân đã trọn vẹn, bèn trước tác *Khuyến Hiếu Văn* nêu gương một trăm hai mươi vị, soạn *Vĩ Giang Tập*, *Tọa Thiền Châm* để noi theo khuôn phép của Lô Sơn. Sư kiến lập Liên Hoa Thắng Hội, khuyên tất cả tăng tục đều tu niệm Phật, chỉ dạy quán tưởng, sau đó lập ra phép tắc cho người dự hội, mỗi ngày niệm Phật A-di-đà từ một trăm câu đến một ngàn câu, từ một ngàn đến một muôn câu, hồi hướng phát nguyện cầu sinh Tịnh độ. Niệm mười câu đánh một chữ thập, đến lúc mặt trời lặn thì tính đếm tất cả số câu Phật hiệu đã niệm trong ngày lấy đó làm công khóa.

Đêm nọ, Sư nằm mộng, thấy có một người khăn đen áo trắng, dáng vẻ thanh nhã, khoảng 30 tuổi, đến vòng tay thưa rằng:

Thích Minh Thành dịch

- Tôi muốn vào hội Liên Hoa, xin Ngài ghi tên cho!

Thiền sư lấy sổ bộ ra, rồi hỏi:

- Hiền giả tên họ chi?

Đáp:

- Tôi tên Phổ Tuệ.

Khi thấy ghi xong, lại nói:

- Anh nhà cũng cầu xin ghi danh.

Hỏi:

- Xin cho biết tên họ của người anh đó!

Đáp:

- Anh tôi tên là Phổ Hiền.

Nói xong liền ẩn mất.

Tỉnh giấc, Sư đem điềm mộng ấy thuật lại với các bậc Tôn túc rồi bảo:

- Phẩm *Ly Thế Gian* trong kinh *Hoa Nghiêm*, có hai vị Bồ-tát Phổ Hiền, Phổ Tuệ, giúp tuyên dương Phật pháp. Nay tôi lập Liên Hoa Thắng Hội cùng nguyện về Tây Phương, nên cảm hai vị Đại sĩ âm thầm tán trợ!

Nói xong, Ngài để tên hai vị Bồ-tát vào hàng người đứng đầu trong hội. Từ đó, xa gần đều được cảm hóa.

*

Chương 11 **THIÊN SƯ DIÊN THỌ**

Sư tên Diên Thọ, tự Xung Huyền, hiệu Bảo Nhất Tử, người ở Đơn Dương, con nhà họ Vương, lúc mới sinh ra đã có nhiều điềm lạ. Khi cha mẹ tranh cãi thì từ trên giường cao lăn xuống đất, cha mẹ liền thôi. Lớn lên, làm Nho sĩ.

Năm 16 tuổi, Sư dâng Tê Thiên Phú cho Ngô Việt Vương, mọi người khen ngợi là bậc kỳ tài. Sư muốn xuất gia, cha mẹ không cho, bèn lấy dao đâm vào tim, máu tuôn lai láng. Từ đó, Sư tuyệt dứt việc ăn mặn. Cuối cùng cũng toại chí.

Năm 34 tuổi, nương theo Thiên sư Thúc Nham ở chùa Long Sách xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Buổi sáng Sư phục vụ đại chúng; ban đêm tu tập Thiền định. Nhân xem *Luận Đại Trí Độ* nói: “Khi Phật còn

tại thế, có một ông lão cầu xin xuất gia. Xá-lợi-phất không cho. Đức Phật xét thấy người này kiếp xưa làm tiểu phu bị cọp rượt đuổi, ông leo lên cây thất tinh niệm “Nam mô Phật”. Do có điều lành nhỏ ấy, nên gặp Phật được độ, đắc quả A-la-hán”. Sư xét nghĩ, những chúng sinh bị nghiệp ràng buộc nơi thế gian chẳng thể giải thoát, chỉ có dùng pháp niệm Phật để dần dần hóa độ, bèn in hình tháp Di-đà bốn mươi vạn bản, khuyên người lễ niệm.

Một hôm, khi đang kinh hành trong sám đường, bỗng thấy hoa sen trên tay tượng Bồ-tát Phổ Hiền, nhân đó nghĩ về nguyện xưa, tiến thối chưa quyết định. Sư bèn làm hai lá thăm, một lá đề “Nhất tâm Thiên định”, lá kia đề “Vạn thiện sinh Tịnh độ”. Đến nửa đêm, trong lòng thầm nguyện, trong hai con đường này, đường nào công hạnh được thành tựu thì phải bốc trúng bảy lần. Đến khi rút thăm, luôn bảy lần Sư đều bốc nhằm lá “Vạn thiện sinh Tịnh độ”. Từ đó, mỗi ngày Sư tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, thuyết giới, thí thực, phóng sinh, làm một trăm lễ tám việc lợi ích, chưa lúc nào bê trễ. Việt Vương thỉnh Sư trụ trì chùa Tịnh Từ, ban hiệu là Thiên sư Trí Giác. Sư dung hội yếu nghĩa của ba tông, trước tác *Tông Cảnh Lục* 100 quyển, *Vạn Thiện Đồng Quy Tập*, *Thần Thê*

An Dưỡng Phú... gồm 97 quyển, đều được lưu hành ở đời. Sư chí thành tha thiết chuyên đem pháp niệm Phật khuyên bảo mọi người đồng sinh Tịnh độ. Người đời khen ngợi là: “Mẫu mực của Tông môn, bậc siêu xuất trong Tịnh độ”.

Lúc lâm chung, Sư dự biết ngày giờ, rất nhiều sự thù thắng. Khi trà-tỳ, xá-lợi vô số.

Có một vị tăng qua đời, nơi cõi U minh thấy phía bên trái trong điện, Diêm Vương đang cúng dường và ân cần lễ bái một bức họa hình vị tăng, bảo là: “Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, đã vãng sinh Thượng phẩm nơi Tây Phương, nên tôi kính lễ!”.

*

Chương 12

SÁM CHỦ TỪ VÂN

Sư húy Tuân Thức, tự Tri Bạch, họ Diệp, người ở huyện Lâm Hải tại Thai Châu, hiệu là Sám chủ Từ Vân. Mẹ Ngài cầu xin nơi Bồ-tát Quán Âm mà sinh được Pháp sư.

Năm 18 tuổi, đến cầu xin xuất gia với Hòa

thượng Nghĩa Toàn ở núi Đông Dịch. Ban đầu ở chùa Thiên Lâm học tập giới luật, sau đó vào chùa Quốc Thanh, trước tượng Bồ-tát Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ nguyện tu tập giáo pháp tông Thiên Thai. Sư học vấn cao thâm, hành trì kham khổ, tiếng tăm vang khắp hai vùng Triết Đông, Tây; học tập rộng sâu về giáo quán, chuyên chí nơi Tịnh độ.

Sư từng kiết thất chín mươi ngày, tu hành pháp Ban Chu Tam-muội, chuyên cần tinh tấn đến nỗi chân nứt, miệng ói máu, lấy cái chết làm kỳ hạn. Bỗng một hôm, Sư dường như nằm mộng, thấy Bồ-tát Quán Âm mặc áo trắng hiện thân đưa tay vào miệng Sư kéo ra vài con lã, đầu ngón tay của Bồ-tát rịn nước cam lồ nhiều vào miệng. Sư nghe trong mình khỏe khoắn, tâm thần an định. Từ đây, bệnh cũ liền khỏi. Sau đó, do công đức lễ sám, đỉnh đầu của Sư nhô cao hơn một tấc, hai tay dài quá gối, tiếng nói như chuông ngân, đều khác với trước kia. Mọi người ai cũng khen ngợi kính ngưỡng.

Sư xây dựng chùa Thiên Trúc mấy trăm gian. Ba lần trải qua nạn giặc, mỗi khi chùa bị đốt thì lửa tự tắt, đó là do nguyện lực kiên cố mà ra. Lúc Sư đang giáo hóa, người trong núi thấy ngôi sao lớn rơi xuống ngọn Linh Thứu. Sư hóa độ đệ tử được một

trăm người, học trò một ngàn vị.

Lúc sắp lâm chung, Sư dâng hương chiêm ngưỡng Thánh tượng, dặn dò rằng:

- Chư Phật mười phương đồng trụ nơi chân thật. Xin các Ngài trụ nơi chân thật ấy mà nhận một nén hương này. Chư Phật chứng minh cho con vãng sinh An Dưỡng!

Có người hỏi chỗ về, Sư đáp về Tịnh độ Thường Tịch Quang.

Tối hôm ấy, Sư ngồi kiết già thị tịch, nhằm vào niên hiệu Thiên Thánh, hưởng thọ 69 tuổi, hạ lạp 50.

Sư có trước tác *Vãng Sinh Tịnh Độ Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn* và *Tịnh Độ Sám Pháp, Kim Quang Minh Sám Nghi, Quán Âm Sám Nghi*. Các bản ấy đều được lưu hành ở đời.

Tông phong và giáo nghĩa của tông Thiên Thai hưng thịnh nơi đất Ngô Việt, thật do đạo đức của Đại sư Từ Vân.

Xem trong *Quyết Nghi Hạnh Nguyên Nhị Môn* dẫn lời kinh nói: “*Tìm khắp mười phương không có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa*”. Đó là nói về pháp môn Tịnh độ này chăng? Sám chủ tổ ngộ cõi Thường Tịch Quang nơi bản tánh, đi vào cõi Phật

thanh tịnh duy tâm. Lợi mình lợi người, Sự Lý vô ngại. Trước thuật mấy trăm thiên, mỗi khi phát ngôn đều lấy Tịnh độ làm tông chỉ hướng về. Xiển dương rộng rãi giáo lý của các kinh, giáo hóa khắp tất cả. Từ khi Sám văn lưu truyền ở đời, người vãng sinh Tịnh độ chẳng biết mấy ngàn muôn. Nối tiếp đạo pháp của tông Thiên Thai, tán dương sự giáo hóa về Tịnh độ trên đời chưa ai sánh kịp với Sư!

*

Chương 13

VĂN NGẠN BÁC

Công họ Văn, húy Ngạn Bác, làm Thái thú Lạc Dương, từng thiết lễ cúng dường trai tăng. Lúc qua chùa Long An, chiêm ngưỡng lễ bái Thánh tượng, chợt thấy tượng vỡ rơi xuống đất, tâm ông giảm bớt sự cung kính, chỉ nhìn rồi đi ra. Bên cạnh có vị tăng bảo:

- Sao không làm lễ?

Ông đáp:

- Tượng đã vỡ, tôi lấy gì để lễ?

Vị Tăng bảo:

- Bạc Tiên đức nói rằng:

*Như đất đường quan
Người ta lấy làm tượng.
Bạc trí biết là đất
Kẻ phàm bảo hình tượng.
Về sau quan muốn đi
Lại đem tượng lấp đường
Tượng vốn chẳng sinh diệt
Đường cũng không cũ mới.*

Ông nghe rồi tỉnh ngộ. Từ đó, tâm mộ đạo rất mạnh mẽ, chuyên niệm Phật A-di-đà cầu sinh Tịnh độ. Sớm, chiều, tối, ngồi niệm Phật chưa từng bỏ phế, thường phát nguyện rằng: “Nguyện tôi thường tinh tấn, siêng tu mọi việc lành. Nguyện tôi rõ tâm tông, độ khắp cả muôn loài”. Mỗi khi gặp mọi người đều khuyên niệm Phật, thệ nguyện kết duyên mười vạn người cùng sinh Tịnh độ.

Cư sĩ Như Như có bài tụng khen ngợi rằng:

*Biết ông gan mật lớn như trời.
Nguyện kết Tây Phương mười vạn duyên.
Chẳng vì thân mình cầu kế sống.
Mọi người cùng nhau bước lên thuyền.*

Chương 14

PHÁP SƯ TÔNG ĐẢN

Sư họ Thân, người ở Lê Thành, Lô Châu.

Từ thuở nhỏ, đã xuất gia vào ở trong viện Diên Tường tại quê nhà, lễ ngài Đạo Cung làm thầy.

Năm 16 tuổi, xuống tóc thọ giới Cụ túc. Thời thiếu niên, Sư đã thông suốt nghĩa lý của Phật giáo, được người đương thời khen ngợi. Lúc trưởng thành, Ngài đi khắp nơi học hỏi các bậc danh sư, mở rộng sự thấy biết.

Từ đó về sau, Sư đi giảng kinh khắp nơi, tiếng tăm vang dội. Trong năm mươi năm, lấy Đại tạng làm chỗ dạo chơi ngơi nghỉ, lấy Viên đốn làm môn đình. Trước Sư giảng các kinh *Viên Giác*, sau biên tập số giải các kinh *Viên Giác*, *Quán Vô Lượng Thọ*. Lúc tuổi già, Sư ở Đường Châu, Đặng Châu, Nhữ Châu, Dĩnh Châu, giảng kinh *Quán Vô Lượng Thọ* và khuyên người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Khi ấy, thính chúng hội về đông như mây, tất cả đều tu Tịnh nghiệp. Sau, Sư về Trấn Thanh Đài ở Đường Châu, nguyện cầu sinh An Dưỡng, lấy niệm Phật quán

tưởng làm việc thường ngày, nơi ba nghiệp, trong bốn oai nghi chưa từng lơ là bê trễ.

Ngày 27 tháng 04 năm thứ tư niên hiệu Chánh Hòa đời nhà Tống (Công nguyên 1114), Sư năm mơ thấy Phật A-di-đà hiện thân bảo:

- Ông thuyết pháp thêm sáu ngày nữa sẽ được sinh về Tịnh độ!

Thức giấc, Sư đem điềm ấy thuật lại cho đại chúng biết, bảo rằng:

- Tôi tu hành cầu sinh về cõi An Dưỡng, dường như được nhân duyên tương ứng. Vừa rồi, hóa Phật bảo tôi được vãng sinh Tịnh độ, đâu dám không tin!

Hôm sau, tuy cảm thấy trong người không khỏe, nhưng vẫn không ngừng giảng kinh khai thị. Tối cuối đêm, mùng 04 tháng giêng năm thứ năm niên hiệu Chánh Hòa (1115), Sư biết thời khắc đã đến, đánh chuông nhóm chúng dạy rằng:

- Nhân duyên tan hợp, vốn tự có thời; duyên thù thắng của Tịnh độ, chỉ dựa vào thời khắc. Xin đại chúng đồng niệm Phật, trợ giúp tôi vãng sinh!

Lại nói kệ rằng:

Thọ bảy mươi sáu tuổi

*Chỗ tứ đại chia lìa
Lễ Di-đà Tịnh độ
Thoát hẳn khổ ba cõi.*

Nói xong, ngồi an nhiên thoát hóa. Lúc ấy, tiếng sấm liên tiếp nổ vang, mây trắng từ phương Tây kéo đến hiện ra che khắp mặt đất, ba ngày sau mới tan. Trước kia, Sư có một xâu chuỗi mã não, lúc lâm chung cuộn tròn trên tay, mọi người không thể lấy ra được. Những việc cảm ứng rất nhiều như các chỗ khác đã nói.

*

Chương 15 **ĐẠI SƯ TỪ CHIẾU**

Sư húy Tử Nguyên, hiệu Vạn Sự Hữu, con nhà họ Mao, quê ở Côn Sơn, Bình Giang. Mẹ là Sài Thị, mằm mơ thấy một đức Phật vào nhà, hôm sau sinh ra Sư, nhân đó đặt tên là Phật Lai.

Cha mẹ mất sớm, Sư đến chùa Diên Tường ở Bốn Châu, lễ Hòa thượng Chí Thông cầu xuất gia,

đọc tụng tu tập kinh *Pháp Hoa*.

Năm 19 tuổi, xuống tóc tu pháp Thiên Chỉ Quán. Một hôm, trong chánh định, nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo, bèn nói bài tụng rằng:

*Hơn hai mươi năm tìm trên giấy
Tìm tới tìm lui mãi trầm ngâm
Bỗng nghe tiếng quạ kêu vang vọng
Mới hay từ trước dụng tâm lầm.*

Từ đó, tâm muốn làm lợi ích cho mọi người càng thêm tha thiết, phát nguyện hóa độ rộng lớn. Mến mộ phong thái Bạch Liên Xã của Tổ Huệ Viễn ở Lô Sơn, Sư khuyến tấn mọi người quy y Tam Bảo, thọ trì năm giới, niệm Phật A-di-đà năm câu để chứng minh năm giới, kết tịnh duyên rộng khắp, muốn giúp cho người đời thanh tịnh Ngũ căn⁶⁸, để được Ngũ lực⁶⁹, ra khỏi

⁶⁸ Ngũ căn: năm căn vô đạo trong 37 phẩm trợ đạo.

Năm căn này là cội gốc sinh ra các căn lành, có tác dụng tăng thượng đối với việc dẹp trừ phiền não, dẫn vào Thánh đạo nên gọi chúng là căn. Năm căn gồm có:

1. Tín căn: tin lý Tứ đế, tin Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng).
2. Tấn căn: tinh tấn căn, cần cần, dũng mãnh tu tập pháp lành.
3. Niệm căn: nhớ nghĩ chánh pháp.
4. Định căn: làm cho tâm dừng trụ ở một chỗ, không cho loạn động.
5. Huệ căn: ở trong định khởi trí quán, biết rõ chân lý như thật.

Ngũ trước, nên rút tuyển những lời chính yếu trong Đại tạng, biên soạn thành quyển *Liên Tông Thân Triều Sám Nghi*, thay thế chúng sinh trong pháp giới lễ Phật sám hối, cầu sinh Cực Lạc.

Về sau, Sư đến ven hồ Điện Sơn, lập ra Liên Tông Sám Đường, hướng dẫn hàng tăng tục đồng tu Tịnh nghiệp. Lại soạn thuật *Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ*, khai thị chỗ chính yếu của Liên tông.

Năm 46 tuổi, khi ở Giang Châu, Sư gặp những chướng ngại. Trong cảnh thuận nghịch chưa từng động niệm; tùy phương tiện khuyến hóa, bèn trở thành văn tụng gọi là *Tây Hành Tập*.

Năm thứ hai niên hiệu Càn Đạo (1166), Đại sư phụng chiếu thọ thánh Cao Tông, đến điện Đức Thọ

⁶⁹ Ngũ lực: năm sức mạnh có thể phá trừ điều ác, duy trì sự tu hành để đạt đến giải thoát, được sinh ra từ sự tăng trưởng của năm căn, tức 5 lực trong 37 đạo phẩm.

1. Tín lực: thành kính đối với Tam Bảo, có thể phá trừ tất cả tà tín.

2. Tinh tấn lực: tu bốn chánh cần có thể đoạn trừ các điều ác.

3. Niệm lực: tu bốn niệm xứ để được chánh niệm.

4. Định lực: chuyên tâm thiền định để đoạn trừ phiền não do 6 căn gây ra.

5. Huệ lực: quán Tứ niệm xứ thành tự trí huệ, có khả năng đạt đến giải thoát.

diễn thuyết pháp môn Tịnh độ, được vua tứ hiệu Khuyển Tu Tịnh Nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiếu Tông Chủ. Sư đến chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ, Tiền Đường, chúc tụng tạ ơn vua. Phật sự hoàn tất, trở về Bình Giang, từng phát thệ rằng: “Nguyện người khắp trên địa cầu, tất cả đều giác ngộ đạo mầu (Phổ Giác Diệu Đạo)”. Thường lấy bốn chữ này làm định danh cho Liên tông, hướng dẫn dạy bảo mọi người chuyên niệm Di-đà, đồng sinh Tịnh độ. Từ đó, tông phong được chấn hưng mạnh mẽ. Sư biên tập *Di-đà Tiết yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Chứng Đạo Ca, Phong Nguyệt Tập* lưu hành ở đời.

Đến ngày 23 tháng 03, tại nhà cư sĩ Nghệ Phổ Kiến ở Đạt Thành, Đại sư bảo các môn đồ rằng:

- Duyên giáo hóa của ta đã mãn, đến lúc phải đi rồi!

Nói xong, chấp tay từ biệt đại chúng, lặng lẽ thị tịch.

Đến ngày 27, sau khi làm lễ trà-tỳ, được xá-lợi vô số.

Tháp của Ngài được vua ban hiệu là Tối Thắng.

*

Chương 16

DƯƠNG KIẾT

Cư sĩ húy là Kiệt, tự Thứ Công, người đời Tống ở quận Vô Vi, nên tự có đạo hiệu là Vô Vi Tử.

Lúc còn nhỏ, ông là người hùng tài tuấn kiệt. Thuở niên thiếu, thi đậu làm quan tới chức Thượng Thư Chủ Khách Lang, xem xét việc hình ngục ở hai vùng Triết Đông, Triết Tây, lại tôn sùng Phật pháp, tỏ ngộ yếu chỉ của Thiền tông. Các vị quơ ngậy, hét vang trong tông Lâm Tế ở Giang Tây, ông còn cho là việc thường; mặt khác, lại xiển dương giáo lý Tịnh độ, dẫn dắt mọi người.

Khái quát lời luận bàn của ông rằng: “*Căn tánh chúng sinh có chậm lụt và bén nhạy. Pháp môn gần gũi dễ hiểu, đơn giản dễ thực hành, chỉ có môn niệm Phật cầu sinh Tịnh độ mà thôi. Nếu có thể nhất tâm quán niệm, thâm nhiếp tâm tán loạn, nương nhờ nguyện lực của Phật Di-đà thì tiến thẳng lên cõi An Dưỡng, không còn lối nào khác, quyết chắc thành công. Bồ-tát Long Thọ gọi là đạo dễ thực hành, vì nương vào sức mạnh của Phật*”.

Ông viết lời tựa trong quyển *Thập Nghi Luận* của ngài Thiên Thai và lời tựa cho quyển *Tịnh Độ Trực Chỉ Quyết Nghi Tập* của cư sĩ Vương Cổ, *Pháp Bảo Tăng Giám*, *Di-đà Bảo Các Ký*, *An Lạc Quốc Tam Thập Tán*, trình bày đầy đủ về yếu nghĩa của Tịnh độ. Thật là gương sáng của việc vãng sinh cho muôn đời!

Ông có trước tác *Phụ Đạo Tập*, chuyên nói về Phật thừa. Tô Đông Pha viết lời tựa, đại khái như vậy: “*Dương Kiệt bảm thọ tánh linh từ đời trước, tham vấn khắp các bậc thiện tri thức, thường gọi là người có đủ mắt Kim Cang, ông nhìn đâu cũng rõ được đạo*”.

Về già, ông làm Giám Ty Quận Thú, vẽ hình Phật Di-đà cao một trượng sáu, đem theo bên mình để quán niệm. Lúc sắp lâm chung, cảm Phật đến tiếp dẫn, ngồi ngay thẳng thoát hóa.

Có bài kệ từ tạ cõi đời rằng:

*Sống vẫn không chi luyến
Chết cũng không chi xả
Giữa khoảng thái hư không
Mặc chi hồ giả dã!
Cõi Tây Phương Cực Lạc!*

Trong niên hiệu Tuyên Hòa, có phu nhân Kinh Vương nằm mộng dạo chơi nơi cõi Tây Phương, thấy

Thích Minh Thành dịch

ông ngồi trên hoa sen, thế thì ông chắc chắn đã được
vãng sinh rồi!

Các sĩ đại phu đời Tống ca ngợi, tán thán rất
nhiều về Tịnh độ, nhưng vào chánh định tụ thì chỉ có
hai người là Dương Kiệt và Vương Mẫn Trọng mà
thôi!

Như vậy, đâu chẳng phải là trời muốn đạo này
lâu dài, nên mới sinh ra ra người như thế ở đời đó
sao!

*

Chương 17

VƯƠNG NHẬT HƯU

Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hữu, tự là
Hư Trung, trí tuệ tư tu và lòng từ bi giáo
hóa mọi người của ông đã được trình bày
trong *Hồ Tự Văn*, nơi đây không cần phải nói lại. Ông
là người ở Long Thơ, có trước tác *Tịnh Độ Văn*, nhân
đó lấy hiệu là Cư sĩ Long Thơ. Văn ấy được lưu hành
rộng rãi trong thiên hạ, người tu Tịnh nghiệp ai cũng
xem đọc.

Trong niên hiệu Càn Đạo, ông Lý Ngạn Bạc ở Lư Lăng đau bệnh nguy ngập, đã chuẩn bị quan quách, bỗng mộng thấy một người thần thái thanh nhã, dáng vẻ nghiêm trang, dùng tay xoa bóp thân thể. Ngạn Bạc sợ hãi hỏi, vị ấy đáp rằng:

- Tôi là cư sĩ Long Thơ!

Nhân đó, Lý Ngạn Bạc nói về bệnh tình của mình. Nhật Hưu bảo:

- Khi thức dậy, dùng cháo trắng sẽ được lành bệnh

Lại nói:

- Ông còn nhớ Hám Trọng Nhã đã dạy về lối tu thẳng tắt chăng?

Ngạn Bạc thưa:

- Tôi mỗi ngày niệm Phật không ngừng.

Sau khi thức dậy, ông bảo nấu cháo trắng ăn, quả nhiên bệnh thuyên giảm. Về sau, Lý Ngạn Bạc thấy bức chân dung của Vương Nhật Hưu giống tạc người mình đã gặp trong giấc mộng. Ngạn Bạc rất kính trọng, bảo rằng:

- Sinh tử cốt nhục!

Bèn sai con cháu học theo hạnh của ông.

Đêm ấy, cư sĩ Vương Nhật Hư giảng dạy xong, như thường lễ niệm. Đến canh ba, ông bỗng to tiếng niệm A-di-đà Phật vài câu, bảo rằng:

- Đức Phật đến tiếp dẫn tôi!

Rồi đứng ngay thẳng mà hóa.

Đêm ấy, trong vùng có người mộng thấy hai vị mặc áo xanh dẫn ông đi về phương Tây.

Ba ngày trước đó, ông đi từ biệt khắp các thân hữu, khuyên họ tinh tấn tu Tịnh nghiệp, bảo rằng mình sắp đi xa, không còn gặp nhau nữa.

Ôi! Nếu tự mình chẳng thấu suốt đạo lý duy tâm bản tánh, thông đạt sự biến hóa của sinh tử thì đâu thể được như vậy! Có người nghi giấc mộng của Lý Ngạn Bạc là do ý tưởng mà thành. Bạc bảo rằng:

- Cư sĩ Nhật Hư mách bảo dùng cháo trắng lành bệnh. Thế thì sao có thể là lừa dối được!

Khi ấy, Thừa tướng Ích Quốc Công Chu Tất Đại thấy kỳ tích của cư sĩ nên viết lời khen ngợi rằng: *“Lo sợ mà không mong cầu, nhọc nhằn chẳng lo lắng. Xót xa tông phong sắp suy đồi, gom các điều lành về chung một dòng, dẫn dắt đi đến nguồn nhân nghĩa, chỉ dạy đạt được niềm vui tịch diệt. Người đời chỉ biết hữu tác, chẳng rõ chỗ vô vi của ông. Cho nên, nơi Trung*

đạo lặng lẽ mà đem chỗ giác ngộ chân thật chỉ bảo cho người”.

Cư sĩ Lý Ngạn Bạc rất kính trọng nhưng không thể đáp đền ân đức, bèn in hình tượng và sự tích của ông để lưu truyền lâu xa. Từ đó, ở Lư Lăng, mọi nhà đều kính thờ.

*

Chương 18

VƯƠNG CỔ

Vương Cổ, tự Mẫn Trọng, người đời Tống, ở Đông Đô, từng nhậm chức Thượng thư Lễ bộ Thị lang, do làm Phát vận sứ nên ở Nghi Chân.

Ông bẩm tánh rất nhân hậu, khoan dung độ lượng, từ bi thương vật, hoằng truyền Phật giáo rộng rãi, xiển dương cội nguồn của sự giáo hóa. Trước kia, kinh đô là nơi hội tụ các bậc tôn túc ở tông lâm, ông từng luận đạo với các vị ấy. Đến khi đạo ở Giang Tây thì cùng kết bạn với các Thiền sư Hoàng Long, Thúy Nham, Hối Đường và Dương Kỳ, khế ngộ sâu về tông chỉ thiền, lại thấu rõ sự thù thắng của pháp môn

Tịnh độ, khảo cứu rộng rãi các kinh, suy nét sâu sắc về việc vãng sinh, thấu suốt kinh văn, tỏ rõ ý Phật. Ông bèn trước tác *Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập* ba quyển. Dương Kiệt viết lời tựa, được ghi lại trong bản truyện. Ông soạn tập bốn mươi tám nguyện trong kinh *Vô Lượng Thọ*, và chín phẩm vãng sinh trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ*, *Luận Đại Thừa Khởi Tín* của Bồ-tát Mã Minh, *Tùy Ý Vãng Sinh Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận* của Quốc sư Huệ Trung đối đáp với vua Túc Tông, và các kinh luận trình bày đầy đủ về chỗ chính yếu của sự vãng sinh Tịnh độ. Sư tập, trích lục rất đầy đủ, như xưng niệm Nam mô Thập Lục Vạn Úc Nhất Thập Nhất Vạn Ngũ Thiên Ngũ Bá Đồng Danh Đồng Hiệu A-di-đà Phật cũng trích ra từ trong Tạng kinh. Đến như chư Bồ-tát luận về yếu nghĩa của pháp môn Tịnh độ, ông đều biên tập lại. Thường ngày, tâm tu hành quán niệm chưa từng gián đoạn nơi nghĩ, tràng chuỗi không rời tay, đi đứng nằm ngồi thường lấy việc tu tịnh quán Tây Phương làm Phật sự.

Có vị tăng, thần thức đạo nơi Tịnh độ, thấy Thị lang Vương Cổ và đại phu Cát Phiền cùng ở Tịnh độ làm Phật sự. Đó chính là sự chứng nghiệm của việc vãng sinh cõi An Dưỡng.

Việc hoằng truyền lưu thông Tịnh độ, khai thị nghĩa lý trọng yếu, hỗ trợ Phật A-di-đà hóa độ khắp cả mọi người. Từ sau khi mười tám vị Hiền ở Lô Sơn tiếp nối đạo này, chỉ có Dương Kiệt và Vương Cổ nổi tiếng ở đương thời, lưu truyền đến mấy trăm đời.

Hoằng truyền lưu thông giáo pháp rộng lớn của Phật Di-đà, phổ độ nhiếp hóa hưng thịnh không cùng tận, thì bậc cao minh triều sĩ đời Tấn chỉ có hai vị này được vậy mà thôi. Như thế, mới có thể làm vẻ vang những bậc tiền hiền, kế thừa phong thái thuở xưa để lại.

Chư Tổ và các bậc tông sư đặc đạo ở trên, đều được trích lục từ trong Đại tạng, *Cao Tăng Truyện*, *Vãng Sinh Truyện*, *Bảo Châu Tập*. Như Tông chủ Từ Chiếu giáo hóa thịnh hành ở đời, vua tôi, tăng tục, đều quy hướng, người niệm Phật được đạo rất nhiều. Song, xem xong các truyện lục chẳng ghi chép đầy đủ, không có văn để khảo cứu. Nay tôi tìm tòi trong sự tích của Tông chủ Từ Chiếu thì thấy đã được biên tập. Ngoài ra, còn có tất cả những vị tại gia xuất gia niệm Phật được đạo, có đức hạnh tiếng tăm. Tôi chỉ chờ đợi các bậc Cao hiền dụng tâm tìm tòi cứu xét sách vở ghi chép sự thật, phát huy rộng rãi, sẽ bổ túc vào để ấn hành. Như thế, mới mong khỏi mai một

Thích Minh Thành dịch

đức hạnh của các bậc tu hành thuở trước, đồng thời cũng là làm vẻ vang cho pháp môn vậy.

*

ĐẠI SƯ THỪA VIỄN (BỔ SUNG)

(Tổ thứ ba của Liên tông)

Đại sư Thừa Viễn, người đời Đường, nguyên quán từ đâu chưa rõ được xuất xứ.

Ban đầu, Sư theo học với Thiền sư Đường ở Thành Đô, kế lại học với Thiền sư Tản ở Tư Xuyên. Sau đến Kinh Châu, tham học với Pháp sư Chân ở chùa Ngọc Tuyền.

Pháp sư Chân bảo Ngài đến Hoành Sơn để ứng duyên hoằng hóa, người được giáo hóa đến cả muôn. Mới đến, Đại sư ở dưới gộp đá phía Tây Nam của non Hoành. Khi có thức ăn thừa của người để lại thì dùng, hôm nào không có thì ăn bùn đất. Khổ tu như thế đến nỗi mình gầy mặt nám, tự thân đi lượm củi về dùng.

Phàm giáo hóa người, Sư dạy họ ở nơi Trung đạo. Nếu gặp người có bệnh thì dạy pháp môn chuyên niệm Phật. Trên đường, trong hẻm, bên hang

đá, hoặc suối khe, Sư đều có viết lời Phật dạy, ân cần dẫn dắt chỉ bảo tu hành. Mọi người lần lượt kẻ mang vải vóc, người đốn cây cối, khiêng đất đá, đến càng lúc càng đông, xây dựng thành cảnh chùa, đặt tên là chùa Di-đà. Ngoài những lúc xây dựng ra, Sư thường bố thí cho những người đói kém bệnh tật.

Ngày 19 tháng 07 năm thứ 18 niên hiệu Trinh Nguyên (820), Đại sư an lành thị tịch tại chùa, hưởng thọ 91 tuổi.

Trước đó, có ngài Thích Pháp Chiếu ở Lô Sơn một hôm nhập định, thần thức dạo chơi nơi cõi Cực Lạc. Bên đức Phật, thấy một vị tăng mặc y rách đứng hầu, đức Phật bảo:

- Đây là Thừa Viễn ở Hoành Sơn đấy!

Sau khi xuất định, Pháp Chiếu đến Hoành Sơn tìm. Lúc gặp ngài Thừa Viễn, thấy quả đúng là vị tăng ấy, liền xin theo làm đệ tử.

Về sau, ngài Pháp Chiếu đi truyền giáo khắp thiên hạ, được vua Đại Tông nhà Đường phong làm Quốc sư. Ngài thuật lại đạo hạnh cao vời của thầy mình cho vua nghe, Thiên tử bèn xoay về phương Nam, hướng về phía Hoành Sơn đánh lễ. Nhà vua xét thấy đạo đức của Đại sư Thừa Viễn chưa được mọi

Thích Minh Thành dịch

người tỏ rõ, nên mới truyền chỉ phong tặng chỗ ở của Sư là “Đạo Tràng Ban Chu”. Vua lại truyền cho Liễu Tông Nguyên soạn bài ký sự khắc vào bia đá, dựng bên cổng trước chùa.

*

ĐẠI SƯ LIÊN TRÌ

(Tổ thứ tám của Liên tông)

Đại sư Châu Hoàng, tự Phật Huệ, hiệu Liên Trì, người đời Minh, con nhà họ Thẩm, ở xứ Nhân Hòa tại Hàng Châu. Năm 17 tuổi, Sư đỗ tú tài, nổi tiếng là người học hạnh kiêm toàn.

Láng giềng có bà lão mỗi ngày niệm Phật vài ngàn câu lấy làm thường khóa. Nhân lúc rỗi rảnh sang chơi, Sư hỏi duyên cớ, bà lão đáp:

- Lúc sinh tiền, ông nhà tôi chuyên lo niệm Phật, đến khi chết không đau bệnh chi, vui vẻ vòng tay cáo tử mọi người mà qua đời. Do đó, tôi biết công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!

Sư nghe nói cảm động, từ đó hằng để ý đến

pháp môn Tịnh độ. Lại viết bốn chữ “Sinh tử sự đại” dán nơi vách đầu bàn để tự răn nhắc.

Năm 31 tuổi, Sư xuất gia, rồi đi tham phỏng các bậc danh đức. Sau cùng đến tham học với các Thiền sư Tiểu Nham, Biến Dung, tham cứu câu “Niệm Phật là ai?”, có chỗ tỉnh ngộ.

Năm thứ năm niên hiệu Long Khánh (Công nguyên 1571), Đại sư đi khát thực ngang qua đỉnh Vân Thê, thấy cảnh non nước cực kỳ u nhã, quyết ý cất am ở tu. Trong núi ấy có nhiều cọp, Sư hành pháp Du-già thí thực, từ đó các loài thú dữ không còn khuấy hại nữa. Mấy năm sau, gặp lúc nắng hạn lâu, cư dân quanh vùng đến am xin cầu mưa. Sư đáp:

- Tôi chỉ biết niệm Phật, không có tài chi khác!

Mọi người vẫn nài nỉ cố thỉnh, Đại sư cảm lòng thành của dân chúng, ra gõ mõ đi dọc theo bờ ruộng mà niệm Phật. Bước chân của Sư đi đến đâu, mưa lớn rơi theo đến đó. Nhân dân vui mừng kính đức, cùng nhau hợp sức xây cất điện chùa. Tăng chúng các nơi lần lượt nương về, không bao lâu, chỗ ấy thành cảnh tông lâm.

Sư chủ trương Tịnh độ, cật lực bác bỏ cuồng thiền. Bộ *Phật Thuyết A-di-đà Kinh Sơ Sao* do Đại sư

trước tác, dung hòa cả Sự Lý, gồm nhiếp khắp ba căn, lời dẫn giải rất uyên áo.

Ông Tào Lỗ Xuyên gửi thơ đến Vân Thê, đại khái như sau: “*Trong Phật pháp có ba tạng, mười hai phần giáo*⁷⁰, đức Thế Tôn khi xưa đã giảng nhiều thứ

⁷⁰ **Mười hai phần giáo:** cũng gọi là Thập nhị phần giáo, Thập nhị phần Thánh giáo, Thập nhị phần kinh, chỉ cho mười hai loại kinh được phân biệt theo hình thức và nội dung giáo pháp của Phật.

1. Khế kinh (Sutra, Tu-đa-la): cũng gọi là Trường hàng, tức thể văn xuôi, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của đức Phật.
2. Ứng tụng (Geya, Kỳ-đạ): cũng gọi là Trưng tụng, tức phần kệ tụng giải thích lại cho rõ ràng những giáo thuyết mà Khế kinh đã nói.
3. Ký biệt (Vyakarana, Hòa-già-la-na): cũng gọi là Thọ ký, vốn là thể loại giải thích về giáo nghĩa. Đời sau đặc biệt chỉ cho những lời ấn chứng trước của Phật về các việc làm trong vị lai của các đệ tử.
4. Phúng tụng (Gatha, Già-đà): cũng gọi là Cô khởi, tức thể loại kệ tụng độc lập, trực tiếp ghi chép giáo thuyết của Phật, không lập lại ý nghĩa trong phần văn Trường hàng đã nói trước đó như vai trò của Ứng tụng.
5. Tự thuyết (Udana, Ưu-đà-na): nghĩa là đức Phật không đợi người khác thưa hỏi mà Ngài tự khai thị giáo pháp.
6. Nhân duyên (Nidana, Ni-đà-na): ghi chép nhân duyên thuyết pháp giáo hóa của Phật, như phẩm Tựa của các kinh.
7. Thí dụ (Avadana, A-ba-đà-na): dùng thí dụ để giảng nói pháp nghĩa.
8. Bốn sự (Itivrttaka, Y-đế-viết-đa-già): thể loại ghi chép về hình trạng của Phật và các đệ tử ở đời quá khứ, ngoài Bốn sinh đàm. Hoặc các kinh mở đầu bằng câu: “Phật như thị thuyết” cũng thuộc thể loại này.
9. Bốn sinh (Jataka, Xà-đà-già): thể loại ghi chép những hạnh đại bi mà đức Phật tu hành trong các đời quá khứ.
10. Phương quảng (Vaipulya, Tỳ-phật-lược): các kinh giảng nói giáo nghĩa sâu xa, rộng lớn.

lưới nơi bể sinh tử sâu rộng, để tùy phân vớt các loài cá nhân thiên lớn nhỏ đưa lên bờ Niết-bàn. Nhưng nên nói lớn để gồm nhỏ, đâu thể nêu một mà bỏ nhiều! Gần đây, tôi nghe có người bảo: nhiều kiếp thành Phật, tức là Tiệm chớ không phải Đốn. Vả lại Tiệm giáo cũng là Phật dạy, chưa từng không đúng, song dùng Tiệm để bỏ Đốn giáo phải chăng thật đã sai lầm?

Tôn giả bên trong ẩn dấu sự tỏ ngộ viên đốn, ngoài thì hiển bày pháp môn Tịnh độ. Việc này chư Phật cũng có như thế, không nghi ngờ. Nhưng học chúng của Ngài gần đây chỉ trọng một đức A-di-đà mà bỏ hết mười lăm vì vương tử, muốn tôn một kinh Tịnh độ mà bỏ hết ba tạng, mười hai phần giáo. Đó là điều kẻ hèn này không muốn nghe! Hiện nay, tuy nhằm thời mạt pháp, song con người há chỉ có độn tánh mà không lợi căn? Như đức Thích Tôn vì Ca-diếp, Kiều-trần-như thì nói pháp này; vì Thiện Tài, Long Nữ lại nói pháp khác. Trong kinh Lăng-nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh đều chứng Viên Thông, Bồ-tát Văn-thù khen ngợi chẳng đồng nhau. Như thế, chính là nói hôm

11. Hy pháp (Adbhuta-dharma, A-phù-đà-đạt-ma): cũng gọi là Vị tăng hữu pháp, tức thể loại kinh ghi chép những việc hiếm có của Phật và các đệ tử.

12. Luận nghị (Upadesa, Ưu-ba-đề-xá): thể loại kinh ghi chép việc đức Phật nghị luận về thể tính các pháp, phân biệt rõ ràng ý nghĩa.

qua định, hôm nay bất định. Còn bảo rằng, nói ngã là không thì lại chẳng phải không; nói ngã là có thì lại chẳng thật có. Thế nên, gọi là khéo léo không nắm chặt mãi một pháp môn, linh động uyển chuyển như trái hồ lô lăn trên mặt nước. Nếu như cắm cọc đóng đinh ở một chỗ, làm sao lợi ích hàng nhân thiên được? Rất mong Tôn giả vì đại chúng diễn thuyết về giáo lý Tịnh độ, khi gặp hàng lợi căn nên vì nói Thượng thừa, để họ ngộ lý viên dung không còn hạn chế ở một khía cạnh nào, khiến cho đại bàng cùng chim én đều được chỗ thích nghi. Như thế, đâu không phải là hoàn toàn tốt đẹp hay sao?

Kinh Hoa Nghiêm là Viên giáo Nhất thừa Vô thượng, là lời luận bàn cùng tột xứng hợp với bản tánh của Như Lai. Tôn giả lại đem kinh này sánh ngang với kinh Di-đà tợ hồ chưa thỏa đáng. Nhân đó mà có kẻ trước tác luận sơ đưa Tịnh độ cao hơn Hoa Nghiêm, khiến cho màu tím sắc đỏ thành ra lẫn lộn! Mong Tôn giả vì người có căn cơ Tịnh độ thì nói Tịnh độ, người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, đừng chê nhau cũng chớ lạm nhau, mới thật là lưu thông Phật pháp. Như thế, mới là cùng trình bày Ngũ giáo⁷¹, thấu

⁷¹ Ngũ giáo: năm loại giáo pháp phân chia Thánh giáo đức Phật nói trong một đời.

A. Năm giáo do ngài Hiền Thủ lập ra:

1. Tiểu thừa giáo.
2. Đại thừa thí giáo.
3. Đại thừa chung giáo.
4. Đốn giáo.
5. Viên giáo.

B. Năm giáo do ngài Tông Mật đời Đường lập ra:

1. Nhân thiên giáo: giáo pháp nói về lý nhân quả nghiệp báo lành dữ trong ba đời, tu tứ thiền bát định.
2. Tiểu thừa giáo: giáo pháp nói về lý ngã không, tu quán trí vô ngã để dứt trừ các nghiệp tham... chứng được ngã không chân như.
3. Đại thừa pháp tướng giáo: giáo pháp tương đương với pháp thí giáo, tức giáo pháp nói về lý duy thức biến hiện, tu duy thức quán, lục độ, hàng phục phiền não chướng và sở tri chướng, chứng nhị không chân như.
4. Đại thừa pháp tính giáo: tương đương với không thí giáo. Giáo pháp nói về lý, tất cả đều không, quán không nghiệp chướng, không quả báo, không tu, không chứng. Dùng để phá trừ cái chấp về các pháp có tướng cố định.
5. Nhất thừa hiển tính giáo: nhờ phương tiện ẩn mật chỉ thẳng tự tâm tức là chân chánh bản giác, lia các vọng tưởng chấp trước thì ngay trong tự thân thấy được trí huệ rộng lớn của Như Lai.

C. Năm giáo do Tam tạng Ba-phả-mật-đa-la vào đời Đường lập ra:

1. Tứ đế giáo: nói về pháp Tứ đế, ngộ lý chân không Niết-bàn, như kinh *A-hàm*.
2. Vô tướng giáo: nói về pháp các pháp đều không, để ngộ lý không của Đại thừa, như kinh *Bát-nhũ*.
3. Quán hạnh giáo: nói về các pháp quán tâm, để hiển bày lý tu nhân hợp với quả, như kinh *Hoa Nghiêm*.
4. An lạc giáo: nói về bốn đức thường, lạc, ngã, tịnh và thường, trụ, tịch, diệt, làm cho chúng sinh được an lạc, như kinh *Niết-bàn*.
5. Thủ hộ giáo: nói về các việc giữ gìn chánh pháp... khiến chúng sinh hộ trì không mất, như kinh *Đại Tập*.

niếp cả ba căn, cần gì nhất định phải khắc thuyền tìm gươm, nhân việc nhỏ mà mất việc lớn!”.

Đại sư Liên Trì đáp: “*Kinh Hoa Nghiêm gồm đủ vô lượng môn; cầu sinh Tịnh độ là một trong vô lượng môn của Hoa Nghiêm. Theo căn cơ thời nay, nên do một môn Tịnh độ mà vào Hoa Nghiêm, không phải nêu Tịnh độ mà bỏ Hoa Nghiêm. Cư sĩ bảo trong thơ, do tôi đem kinh Di-đà sánh ngang với Hoa Nghiêm, nên mới có kẻ làm luận đưa Tịnh độ cao hơn Hoa Nghiêm. Xin hỏi bộ luận ấy do ai trước tác? Kinh Hoa Nghiêm như Thiên tử, có ai đem chư hầu, vua, đại thần, trăm quan mà đặt lên trên Thiên tử? Nhưng tôi cũng chưa từng đem kinh Di-đà sánh ngang với Hoa Nghiêm. Trong văn Sớ Sao của tôi chỉ nói: “Kinh Hoa Nghiêm là giáo lý viên mãn cùng cực, kinh Di-đà được một phần ít viên”. Đó là bảo kinh Di-đà chỉ là quyển thuộc của Hoa Nghiêm, chẳng phải đồng hạng bậc.*

Vả lại, trong thơ cư sĩ bảo rằng nên tùy căn cơ mà nói giáo lý, người có căn cơ Tịnh độ thì nói Tịnh độ, người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm. Ý ấy rất hay! Nhưng trong đó có hai nghĩa:

1. Ngàn căn cơ đều được dạy bảo, đó là việc lớn mà đức Như Lai ra đời; chẳng phải khả năng của kẻ hèn này. Thế nên, Lục Tổ ở Tào Khê chuyên hoằng

truyền Thiên trực chỉ, đâu phải Ngài không thông các giáo pháp khác. Ngài Huệ Viễn công ở Lô Sơn riêng mở Bạch Liên Xã, há chỉ tiếp độ kẻ độn căn? Đến như năm tông: Vân Môn, Pháp Nhãn, Tào Động, Quy Nguỡng, Lâm Tế, tuy đồng từ một nguồn mà ra, nhưng sự trao truyền và tiếp nhận của mỗi tông đều có phần sai khác. Sự lập bày riêng của chi phái môn đình cũng là lẽ tất nhiên, chẳng lấy chi làm lạ! Chư Tổ sư khi xưa đều như thế, huống nữa kẻ phàm thường này ư? Nếu vọng bắt chước theo người xưa, hôm qua định hôm nay bất định, tùy tiện không có sự truyền thừa của thầy, đổi thay lộn lạo chẳng chuyên nhất, mà gọi là lợi ích cho người nhưng thật ra làm cho người lầm lạc. Tại sao thế? Bởi Phật là đấng Pháp vương, đối với các pháp đều tự tại. Còn kẻ dân thường mà tiếm xưng Thiên tử là điều nguy hiểm, há chẳng nên kiêng dè ư?

2. Khi nói Hoa Nghiêm đã gồm Tịnh độ, nói Tịnh độ cũng thông với Hoa Nghiêm. Thế thì kẻ diễn Hoa Nghiêm tự nói Hoa Nghiêm, người nói Tịnh độ tự diễn Tịnh độ, vẫn đồng hành mà không trái nhau. Người thời nay chỉ biết Hoa Nghiêm rộng hơn Cực Lạc, nhưng không rõ đức Di-đà chính là Phật Tỳ-lô-giá-na. Ngài Long Thọ lấy kinh Hoa Nghiêm từ Long cung mà nguyện sinh Cực Lạc. Đức Phổ Hiền là

Thích Minh Thành dịch

Trưởng tử trên hội Hoa Nghiêm mà nguyện về An Dương. Đức Văn-thù, Phổ Hiền đồng phụ tá Phật Tỳ-lô-giá-na, hiệu là Tam Thánh Hoa Nghiêm, cũng phát nguyện về cõi Liên Bang. Tất cả đều có chỗ y cứ rõ ràng, sáng tỏ mặt trời, trăng sao.

Cư sĩ đề xướng Hoa Nghiêm, định truyền bá khắp bốn phương mà trái ngược với Văn-thù, Phổ Hiền, Long Thọ, đó là điều mà kẻ hèn này chưa hiểu, huống gì Trưởng giả Lý Thông Huyền đưa ra mười loại Tịnh độ. Cực Lạc tuy nói là quyền nghi, còn Hoa Nghiêm quyền thật dung thông, Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại. Thế nên, phòng dâm, nơi sát sinh, đều là đạo tràng thanh tịnh, huống chi cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm.

Bà-tu-mật-đa, Vô Yểm Túc đều là diệu dụng của Cổ Phật thị hiện, huống là Phật Di-đà muôn đức đầy đủ. Cư sĩ dạo chơi nơi môn vô ngại Hoa Nghiêm mà ngại nơi Tịnh độ, đó là điều mà kẻ hèn này chưa hiểu!

Kẻ hèn này cùng với Tào cư sĩ đều là bạn chẳng trái ngược nhau nơi thế giới hoa tạng, mà cư sĩ lại chẳng hiểu rõ tâm ý nhỏ bé của tôi. Tôi còn muốn mời cư sĩ làm huynh đệ ở Liên Bang. Mong đừng xem tôi là người ngoài vậy!”.

Lỗ Xuyên lại gửi thơ rằng: “Các kinh luận không

liễu nghĩa lưu hành riêng biệt, còn như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện và Luận Khởi Tín đều nói về Tịnh độ. Đó lẽ nào lại không có nguyên nhân? Song trong kinh Hoa Nghiêm chưa từng đề cập, thế thì Tịnh độ thứ mười mà Trưởng giả Lý Thông Huyền nêu ra lại càng tỏ rõ.

Kinh Pháp Hoa nói mười sáu vị vương tử có Phật Di-đà mà chưa từng xác định là bậc chí tôn duy nhất. Trong đó, khen ngợi công đức trì kinh, bên cạnh đó lại biện dẫn cõi An Lạc, thật ra là nói rõ nhân quả của người nữ.

Kinh Thủ Lăng-nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh chúng Viên thông, Bồ-tát Văn-thù hoàn toàn chẳng phân biệt cao thấp, chỉ nói phương tiện có nhiều môn, lại bảo rằng thuận nghịch đều là phương tiện, nhưng tiếp theo lại nói mau chậm chẳng đồng nhau. Thế thì ở nơi chỗ không có cao thấp sai biệt, cũng vẫn chỉ rõ chỗ quy hướng, nên phải đưa Phổ Môn lên tột bậc, chẳng suy tôn ngài Thế Chí, lại còn hạ thấp bảo rằng vô thường, bảo rằng sinh diệt.

Còn như các Đại sư Hiền Thủ, Thanh Lương cất lức nêu về năm giáo Tiểu, Thủ, Chung, Đốn, Viên, mọi người đều cho rằng thỏa đáng mà chưa từng bình phẩm về Tịnh độ. Thiên tông thì lại càng quét sạch,

như Thiên sư Tề Kỷ nói: “Duy có lối tắt tu hành, y như xưa lẫn quần, chỉ niệm Phật Di-đà, niệm được vẫn vô ích”. Lại bảo rằng: “Y như trước bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha hương, va Đông chạm Tây, khổ thay A-di-đà Phật!”. Những lời nói ấy có người cho rằng quá hà khắc, song lẽ nào Ngài lại nói lời vô nghĩa, ắt là có đạo lý.

Bởi thế người thâu đạt thường nói: “Trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sinh Pháp nhẫn”. Lại nói: “Một niệm duyên khởi không sinh, vượt qua hàng quyền học ba thừa”. Huống chi chẳng luận Tam thừa, Nhất thừa, chỉ cần không có ngã và ngã sở. Nay nói vãng sinh Tịnh độ, ta là người hay sinh, Cực Lạc là chỗ sinh về; người và cảnh còn phân biệt, sinh diệt rõ ràng, ưa thích và chán nản lẫn lộn. Thật là nhiều vướng mắc không thể nói hết”.

Nhìn lại trước nay, những người luận bàn về Tịnh độ ắt hẳn bảo rằng: “Hoa nở thấy Phật ngộ Vô sinh”. Bởi vì phải đợi sau khi vãng sinh thấy đức Di-đà, mới theo Bồ-tát Quán Âm hay Thế Chí, hoặc được Phật Di-đà chỉ dạy đạo lý tất cả pháp Vô sinh, khi ấy mới tỏ ngộ, phải chăng là chậm trễ xa vời?

Lại nói Hoa Nghiêm tánh hải hiện bày toàn thân, như trong thân người có tám muôn bốn ngàn lỗ

chân lông, mà Phật Dược Sư ở phương Đông, Phật Di-đà ở phương Tây, mỗi vị đều ở trong một lỗ chân lông ấy, thuyết pháp độ chúng sinh. Nếu vứt bỏ toàn thân mà vào trong một lỗ chân lông nhỏ bé, đó không chỉ bỏ biển cả lấy bọt nước, giống như con ruồi lao vào mảnh giấy nơi cửa sổ tìm lối ra. Vậy thì nói thế nào? Trước kia trong thơ, kẻ hèn này có nói, vì người có căn cơ Tịnh độ nên nói Tịnh độ, với người có căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm. Tôi tự cho rằng thế là chẳng trái với pháp môn của chư Phật, cũng là vì tấm lòng chân thành của Tôn giả. Tôn giả lại muốn dẫn tôi vào thai sen, thì giống như người xưa nói: “Dẫn người vào mê lộ”, lại giống như “bỏ vàng mà gánh cỏ”.

Trong hội của Tôn giả, tín chúng từ Hàng Châu đến Tô Châu, vị nào cũng nôn nao cầu về chín phẩm. Nhân khi cùng nói chuyện, tôi vừa đề cập đến Thượng thừa thì họ đều sửng sốt kinh lòng và có người còn cười. Đó là lỗi của hàng đệ tử hay là lỗi của thầy? Đấng đại trượng phu khí lượng phải ngất trời, nên lấy việc độ chúng sinh làm cấp thiết. Nay Ngài đã là người ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, sao không đủ tác lược của bậc đại nhân, mà chỉ biết bắt chước cử chỉ của những ông già bà lão ăn chay ở đầu làng ngõ xóm? Nếu một mai bị bậc lạnh lợi hỏi đến,

người mắt sáng dồn ép, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc đẩu, hay trốn vào núi Thiết vi⁷² ư?

Phật pháp là việc lớn, không phải tầm thường. Mong Ngài nghĩ lại!”.

Đại sư Liên Trì lại gửi thơ đáp: “*Mấy điều huệ cố của cư sĩ, lời hay lẽ diệu, luận biện điệp trùng, thật là đáng ngợi khen, đáng ngưỡng vọng. Nhưng trộm nghĩ, lòng thương tôi tuy sâu, song tiếc đã lằm lờ phí uổng!*”

Nếu cư sĩ quả muốn tuyên dương Thiên tông, hạ thấp Tịnh độ, thì không cần nói chi nhiều. Sao chẳng bảo: “Chư Phật trong ba đời bị miệng ta nuốt mất hết cả. Một đức Phật còn chẳng lập, có ai là A-di-đà?”. Lại, sao không bảo: “Nếu người biết được tâm, đại địa không tác đất. Một tác đất đã không, nơi nào là Cực

⁷² Cũng gọi là Thiết Luân Vi Sơn, Luân Vi Sơn, Kim Cương Sơn, Kim Cương Vi Sơn.

Thế giới quan Phật giáo lấy núi Tu-di làm trung tâm, xung quanh có 8 núi và 8 biển bao bọc. Lớp ngoài cùng, bên ngoài Hàm Hải được cấu tạo bằng sắt, cho nên gọi là Thiết Vi Sơn.

Có thuyết cho rằng Tam thiên thế giới Đại, Trung và Tiểu đều có núi Thiết Vi bao quanh. Theo *Luận Đại Tỳ-Bà-sa* quyển 133: “*Chính giữa thế giới này là núi Tu-di, do bốn thứ báu cấu tạo thành, xung quanh có bảy núi vàng từ Kiện-Đạt-la đến Ni-dân-đạt-la bao bọc. Khoảng giữa mỗi núi đều có một biển. Biển thứ 8 là Hàm Hải (biển nước mặn) bao bọc xung quanh núi Ni-dân-đạt-la và bốn châu nằm trong biển này. Bên ngoài Hàm Hải có núi lớn bao bọc như bức tường, nên gọi là Luân Vi. Lại vì được cấu tạo bằng sắt, nên cũng gọi là Thiết Vi”.*

Lạc?”. Chỉ dùng hai lời ấy thôi, đủ gồm biết hết những điều cư sĩ muốn nói. Nay nghĩ nếu mỗi mỗi đều thù đáp e phạm lỗi đấu tranh. Nếu không trả lời, thì đạo pháp có tương quan, nên chẳng thể im lặng. Vậy xin tỏ bày tước lược như sau:

Trong thư gửi đến nói, kinh chẳng liễu nghĩa mới bàn luận về Tịnh độ, lại dẫn phẩm Hạnh Nguyên và Luận Khởi Tín. Khởi Tín hãy khoan chẳng nói đến, chỉ một phẩm Hạnh Nguyên mà thâm nhiếp toàn bộ kinh 80 quyển, từ xưa đến nay ai dám nghị luận là không liễu nghĩa. Cư sĩ đặc biệt tôn sùng Hoa Nghiêm mà lại bài xích phẩm Hạnh Nguyên là không liễu nghĩa, thì kinh Hoa Nghiêm cũng không liễu nghĩa.

Cư sĩ dẫn kinh Pháp Hoa, nói sự vãng sinh Tịnh độ là nhân quả của người nữ. Thế thì việc Long nữ thành Phật cũng là nhân quả của người nữ ư? Bảo rằng Phật Di-đà là một trong mười sáu vị vương tử, vậy thì Phật Tỳ-lô-giá-na cũng chỉ là tầng thứ mười ba của hai mươi lớp thế giới hoa tạng. Cư sĩ đặc biệt tôn sùng Tỳ-lô-giá-na, tại sao lại không biết Tỳ-lô-giá-na và Phật A-di-đà là bình đẳng?

Lại dẫn kinh Lăng-nghiêm, bảo rằng chọn lấy Quán Âm bỏ lại Thế Chí. Nói đức Văn-thù bác niệm Phật là vô thường, sinh diệt, không viên thông. Thế tại

sao ngài Kiều-trần-như tỏ ngộ hai chữ “khách trần” có thể gọi là suốt lý vô thường, hợp lẽ bất sinh bất diệt, lại chẳng được chọn là pháp viên thông? Nếu quả thật đức Quán Âm đồ cao, ngài Thế Chí thì rớt, thì sao cư sĩ chẳng nghe biết điều thí dụ: “Cửa rộng chạm trán”, là lời của kẻ quê mùa miền Đông dã ở nước Tề?

Trong thơ gởi lại bảo rằng, như Thiền sư Tề Kỷ đem bài kệ khuyên niệm Phật của người xưa theo câu mà chú thích.

Người xưa nói: “Duy có lối tắt tu hành”, phụ chú rằng: “Y như xưa lẫn quán”. Người xưa nói: “Chỉ niệm Phật Di-đà”, phụ chú rằng: “Niệm được vẫn vô ích”. Cư sĩ đã thông suốt pháp thiền, sao chẳng biết đó là các bậc tông sư trong tức thời vì người phá chấp mở trí, lại căn cứ theo văn tự hiểu thành sự thật mà chịu chết dưới câu nói như thế? Nếu quả vậy thì Cổ đức bảo: “Đạp trên đỉnh đầu Phật Tỳ-lô mà đi”, như thế không chỉ Phật Di-đà vô ích mà Phật Tỳ-lô cũng chẳng làm được việc gì. Những lời nói trên trong các Ngũ lục, Truyện ký có đến trăm ngàn muôn ức. Lão già này, bốn mươi năm về trước cũng đã từng dùng đến để cho lời nói cao siêu xuất cách, câu văn mạnh mẽ hào hùng. Về sau, xét lại biết hổ thẹn, không còn dám theo lẽ lối cũ, nay chợt nghĩ đến hầy còn đỏ mặt.

Như Thiên sư Tề Kỷ nói: “Người cầu sinh Tây Phương, như con bỏ cha trốn đi, lưu lạc tha phương, va Đông chạm Tây, khổ thay A-di-đà Phật!”. Xin cũng dùng chuyển ngữ đối đáp: “Nay chính thật như con nhớ mẹ, trở lại quê xưa, bỏ Đông được Tây, vui thay A-di-đà Phật!”. Thử đem cân lường câu nói này với lời ngài Tề Kỷ, cách nhau bao nhiêu?

Trong thơ lại dẫn lời Cổ nhân bảo: “Trải nhiều kiếp cần khổ tu hành, không bằng một niệm ngộ Vô sinh Pháp nhãn?”. Cư sĩ đã ngộ Vô sinh Pháp nhãn chưa? Nếu chứng được thì không nên cho rằng: ta là người hay sinh, Tịnh độ là chỗ sinh về. Tại sao? Bởi tâm tức là Tịnh độ, ai là người hay sinh? Tịnh độ tức là tâm, đâu là chỗ được sinh? Vì không có thấy năng sở, cho nên trọn ngày sinh mà chưa từng vãng sinh. Đó mới là Vô sinh chân thật. Nếu cho không sinh về đâu mới là Vô sinh, thì rơi vào cái không đoạn diệt, chẳng phải ý chỉ Vô sinh.

Cư sĩ bảo: nếu đợi hoa nở thấy Phật mới ngộ Vô sinh là chậm trễ xa vời. Cư sĩ hiểu Thiên tông sao chẳng biết: từ mê được ngộ như tỉnh giấc mộng, như hoa sen nở. Người niệm Phật tùy theo căn cơ, có vị trong hiện đời đã kiến tánh, đó là hoa sen nở trong giây phút. Có kẻ sau khi vãng sinh mới kiến tánh. Đó là thời gian lâu dài hoa mới nở. Bởi căn cơ có lợi độn,

công phu có trễ siêng, nên hoa nở mới có sớm muộn, đâu được cho rằng tất cả là chậm trễ xa vời.

Trong thơ gửi đến lại ví dụ thế giới hoa tạng như toàn thân, Tây Phương giống như lỗ chân lông. Người vãng sinh Tây Phương như đem toàn thân bỏ vào trong lỗ chân lông, là bỏ biển cả mà lấy bọt nước. Ví dụ lớn nhỏ ấy không sai. Song cư sĩ đã thông suốt tông Hoa Nghiêm, tại sao chỉ chấp nhận đem nhỏ vào lớn mà không chấp nhận từ lớn vào nhỏ? Huống chi lớn nhỏ vào nhau, chính là một Huyền môn trong mười Huyền môn của Hoa Nghiêm. Dù vô tận thế giới chẳng thể nói hết nơi cõi hoa tạng, vào trong một hoa sen ở thế giới Cực Lạc còn chẳng đầy một điểm nhỏ bé trong một cánh sen ấy, thế thì nào có ngại gì đem toàn thân vào trong một lỗ chân lông!

Trong thơ còn đề cập đến mấy vị tăng ở núi hoang nào đó, khi hỏi đến Thượng thừa đều sững mắt kinh lòng! Cư sĩ khuyên tôi với căn cơ Hoa Nghiêm thì nói Hoa Nghiêm, với căn cơ Tịnh độ thì nói Tịnh độ. Nay những kẻ ấy thuộc về hàng độn căn chính nên giảng Tịnh độ, sao cư sĩ không tùy bệnh cho thuốc lại luận Thượng thừa với họ mà chi?

Cư sĩ lại bảo tôi đã ra ứng thế, mở pháp đường, lên giảng tọa, mà không đủ tác lực của bậc đại nhân,

cử chỉ như ông già bà lão ở đầu làng ngõ xóm. Nếu một mai bị bậc lạnh lợi hỏi đến, người sáng mắt dồn ép, sẽ toan ẩn mình trên sao Bắc đẩu, hay trốn vào núi Thiết vi. Lão già này chưa từng dám nhận lấy danh “ra ứng thế”, nên tự không có tác lược của bậc đại nhân. Điều này hãy tạm gác qua, không cần bàn luận. Nhưng nếu chê người tu Tịnh độ giống hạng ông già bà lão ăn chay quê mùa, thì người xưa nói không phải chê kẻ ngu phu ngu phụ đó, mà thật ra chính là chê đức Văn-thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ vậy! Đâu riêng gì những vị Bồ-tát ấy, mà chư Tổ như Huệ Viễn, Thiện Đạo, Thiên Thai, Vĩnh Minh, chư Bồ-tát, chư Thiện tri thức, các vị danh nhân niệm Phật như Lưu Di Dân, Bạch Cư Dị, Liễu Tông Nguyên, Tô Đông Pha... các bậc đại quân tử ấy đều là kẻ quê mùa hay sao? Dù là hạng quê mùa nếu niệm Phật được vãng sinh, sẽ lên ngôi Bất thối chuyển, cũng đâu nên xem rẻ khinh chê? Vả lại, những ông già bà lão ăn chay niệm Phật thấp hèn vô trí, mà biết giữ theo quy củ của chính mình, cũng đáng khen ngợi họ. Còn hạng thông minh tài biện, vọng nói Bát-nhã, ăn thịt no rồi, hôm sớm đến tìm chư tăng gạn thiền nói đạo, đó thật là ma! Người ngu quý nơi an phận ngu, tôi thành thật từng tự nghĩ: thà làm ông già bà lão ăn chay niệm Phật, chớ chẳng nên làm ma dân cùng ma nữ.

Đến như việc các ông già bà lão khi bị kẻ lạnh lợi, người sáng mắt hỏi đến thì chẳng cần lên sao Bắc đẩu, trốn vào núi Thiết vi làm chi cao xa. Họ chỉ cần đặt giường nằm nơi cổ họng của kẻ lạnh lợi, trải tòa ngòai trên đôi mắt của các vị thông suốt ấy. Làm như thế để chi? Để dạy chúng hãy tạm đóng môn Tam-muội nơi cửa miệng, biết nhắm mắt hồi quang phản chiếu xét trở lại chính mình đó thôi! Cư sĩ tôn sùng Hoa Nghiêm mà cật lực chê bai Tịnh độ, lão già này chuyên tu Tịnh độ mà không ngừng khen ngợi Hoa Nghiêm. Trong khi tĩnh lặng, cư sĩ thử xét xem, việc này tại sao như thế?

Cư sĩ cho rằng việc tôi khuyên cư sĩ cầu sinh Tịnh độ là bỏ vàng gánh cỏ, là điên đảo, làm khuất nhục cư sĩ thái quá! Nhưng các thí dụ ấy còn chưa thân thiết. Nay lão già này xin đem thí dụ khác thay thế:

Có một lão nông dân chân thật gởi thiệp vào cửa vị phú Trưởng giả, mời đến nhà ở đồng ruộng của mình viếng cảnh. Mọi người nghe nói đều cười. Lão nông lại quét dọn đường sá sạch sẽ, đến mời thỉnh lần nữa. Người gác cửa nhà phú Trưởng giả cười bảo: “Chủ nhân lần trước không quả trách ông là may mắn lắm rồi. Ông định làm mặt dày hay sao?”. Lão ông đáp: “Tôi thấy trong các nhà giàu, có kẻ làm giàu mà bất nhân. Có người ngoài giàu nhưng trong nghèo. Có

kẻ chưa giàu sang tỏ ra kiêu mạn trước. Có người chỉ giữ kho, giữ sổ sách ở nhà giàu, tự cho mình là giàu. Vả lại cảnh giàu sang như Kim Cốc⁷³, My Ổ⁷⁴ nay còn đâu? Tôi là một lão già ở đồng ruộng, an hưởng sự vui thái bình, nên quên phận thấp hèn của mình, mới làm như thế. Thôi từ nay cũng xin tự biết lỗi rồi!”. Nói xong cùng nhau cười rộ mà chia tay”.

Cả đời, Đại sư Liên Trì thường ngày tu tất cả hạnh lành để phụ trợ Tịnh nghiệp. Đương thời, giới đàn bị ngăn cấm đã lâu, Sư bảo người cầu giới chuẩn bị đầy đủ ba y, thọ giới ở trước tượng Phật. Sư chứng minh cho họ. Ngài lại còn thăm định nghi *Thủy Lục*, hành *Du-già Diệm Khẩu* để cứu khổ U minh, mở ao phóng sinh, trước tác *Văn Giới Sát*, khiến người quy hóa làm lành rất nhiều.

Cuối tháng 06 năm thứ 40 niên hiệu Vạn Lịch (Công nguyên 1612), Đại sư vào thành từ biệt các đệ

⁷³ **Kim Cốc viên:** ở huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam. Đời Tấn, nhà hào phú Thạch Sùng có người thiếp xinh đẹp tên là Lục Châu. Tôn Tú yêu cầu Thạch Sùng tặng cho người thiếp này, Thạch Sùng khước từ. Vì việc này, Thạch Sùng bị Tôn Tú gièm pha với Triệu Vương Luân và bị giết chết.

⁷⁴ **My Ổ:** Ổ tức là dinh thự. Năm thứ ba, niên hiệu Sơ Bình thời Đông Hán, Đổng Trác xây dựng dinh thự ở đất My, cao rộng bảy trượng, tương đương với thành Trường An. Trong dinh chứa đầy của cải, được gọi là dinh Vạn Tuế, người đời gọi là dinh My.

Thích Minh Thành dịch

tử và những người cố cựu, nói: “Tôi sắp đi nơi khác!”. Rồi trở về chùa thiết tiệc trà từ già đại chúng. Mọi người không hiểu là duyên cớ gì. Đến chiều mồng 01 tháng 07, Sư vào Tăng đường bảo:

- Mai này tôi sẽ đi!

Qua chiều hôm sau, Đại sư vào phương trượng thị hiện có chút bệnh, nhắm mắt tĩnh tọa. Chư tăng, các đệ tử tại gia và những người cố cựu trong thành đều hội đến. Sư mở mắt nhìn mọi người, nói:

- Các vị nên chân thật niệm Phật, đừng làm điều chi khác lạ và chớ phá hoại quy củ của tôi!

Nói xong, hướng về Tây niệm Phật mà qua đời. Thọ được 81 tuổi.

*

ĐẠI SƯ THẬT HIỀN

(Tổ thứ chín của Liên tông)

Đại sư Thật Hiền, tự Tư Tề, hiệu Tĩnh Am, người đời Thanh, con nhà họ Thời ở Thường Thục. Từ thuở bé, Sư không

ăn cá thịt. Sau khi xuất gia, tham cứu câu “Niệm Phật là ai?”, được tỏ ngộ và nói: “Tôi đã tỉnh giấc mơ!”.

Kế tiếp, Đại sư đóng cửa thất ba năm ở chùa Chân Tịch, ngày xem ba tạng kinh, đêm chuyên trì Phật hiệu. Mãn thất, Sư đến Mậu Sơn lễ xá-lợi ở tháp A-dục Vương. Nhằm ngày Phật Niết-bàn, Sư họp nhiều hàng đạo tục sắm lễ cúng dường, rồi đốt ngón tay trước Phật, phát bốn mươi tám điều đại nguyện. Lúc ấy, cảm xá-lợi phóng ánh sáng rực rỡ. Sư làm bài văn *Khuyên Phát Tâm Bồ-đề* để khuyến khích bốn chúng, nhiều người đọc đều rơi lệ.

Lúc lớn tuổi, Sư về trụ trì chùa Tiên Lâm tại Hàng Châu. Năm thứ bảy niên hiệu Ung Chánh (1729), Đại sư lập Liên Xã, làm văn phát thệ giữa đại chúng, lấy trọn đời tinh tấn tu Tịnh nghiệp làm kỳ hạn. Sư chia nhật khóa làm hai mươi phần, mười phần trì danh, chín phần quán tưởng, một phần lễ sám. Có nhà tu Thiên hỏi về chỉ thú niệm Phật, Sư dùng lời kệ khai thị rằng:

*Một câu A-di-đà
Là việc đầu công án
Không thương lượng chi khác
Ngay đây liền quyết đoán
Ví như đồng lửa lớn*

Thích Minh Thành dịch

*Chạm đến liền cháy tan
Lại như gươm Thái A
Chạm đến liền đứt đoạn.*

*Tám muôn tư pháp tạng
Sáu chữ gồm nhiếp thâu
Ngàn bảy trăm công án
Một dao liền đứt hết.*

*Mặc ai không thích nghe
Ta tự tâm tâm niệm
Xin chẳng cần nhiều lời
Gắng một lòng không loạn!*

Mồng 08 tháng chạp, năm thứ 11 niên hiệu Ung Chánh (1733), Sư bảo hàng đệ tử rằng:

- Tháng tư sang năm, ta sẽ đi xa!

Rồi đóng cửa thất, mỗi ngày niệm Phật mười muôn câu.

Sang năm, ngày 12 tháng tư, Sư bảo môn đồ rằng:

- Từ đầu tháng đến nay, ta đã hai phen thấy Tam Thánh Tây Phương, chắc là đến lúc vãng sinh!

Nói xong, liền viết kệ giã từ đại chúng.

Qua hôm sau, Sư không ăn uống, cứ nhắm mắt ngồi thẳng. Đến canh năm, tắm rửa thay y áo. Hôm ấy tức là ngày 14, gần giờ Ngọ, Đại sư hướng về Tây ngồi yên lặng. Hàng đạo tục các nơi nghe tin hội về đông như chợ. Sư bỗng mở mắt nói:

- Tôi đi rồi trở lại ngay. Sinh tử là việc lớn, mỗi người nên cố gắng tịnh tâm niệm Phật!

Dặn dò xong, chấp tay xưng Hồng danh Phật rồi thị tịch. Thọ được 49 tuổi.

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỂN NĂM

Thiên thứ năm
CHÁNH TÍN NIỆM PHẬT

Tĩnh độ duy tâm cùng khắp mười phương,
Di-đà tự tánh viên dung một trí. Ứng đối
mầu nhiệm nơi cảnh âm thanh sắc tướng,
sáng ngời trong khoảng mắt và tâm. Ngay đây bỏ
vọng về chân, liền đó trái trần hợp giác.

Thuở xưa, Tỷ-kheo Pháp Tạng phát thệ nguyện
lớn, mở ra con đường nhiệm mầu Cực Lạc. Thế nên,
đức Thế Tôn chỉ rõ Tây Phương, khai thị cõi nước
nhiệm mầu cho bà Vi-đề-hy. Đó là pháp môn mà chư
Phật hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp đồng khen

ngợi. Khi các kinh diệt hết chỉ còn kinh này, bởi do nơi tâm hỷ xả lợi sinh tăng trưởng, lòng từ bi ứng hóa lớn lao, nên về giáo lý thì phân ra chín phẩm, đây là riêng biệt mở ra môn phương tiện; về mặt quán thì nói rõ nhất tâm, thật là lối tắt trở về nguồn. Phạm Thánh dung hội, ví như lữ khách lang thang đã lâu được trở về quê hương; đạo cảm ứng qua lại, tợ trẻ thơ về bên từ mẫu. Không rõ đạo lý này thì chạm vào đâu cũng đều mê mờ, tin tưởng nghĩa lý trọn vẹn lời này, thì việc gì cũng thấu đạt.

Hướng chi, đại nguyện từ quang thân nhiếp, Phật lực khó nghĩ khó bàn; thuận nước xuôi thuyền chẳng nhọc nhằn tự lực, đẩy cửa rớt then cài lẽ nào lại do người khác? Có nguyện tất được tiếp dẫn, không căn cơ nào mà chẳng lợi ích; thuyền chở đá nặng mà được qua sông, ngọn lửa nơi địa ngục nhanh chóng tắt ngúm. Bồ-tát, Thanh văn vãng sinh cõi kia vô lượng vô số, các bậc Hiền trước Thánh sau được đạo có thể nghiệm xét. Chim Anh vũ, Ca-lăng-tần-già còn diễn xướng pháp âm; những loài bò, bay, máy, cựa đều được nhờ ân đức từ bi giáo hóa.

Cảnh Thánh chẳng phải hư vô, lời Phật không hề giả dối. Tại sao lại trôi nổi nơi dòng sông ân ái, đắm chìm mà chẳng biết toan? Trong nhà lửa rục

cháy đốt thiêu vẫn không kinh sợ? Đan dệt mạng lưới ngu si dày đặc, lưới gươm trí tuệ cùn lục đầu thế chém đứt; trồng gốc rễ nghi ngờ đã sâu, chỉ có niềm tin hời hợt làm sao mà nhỏ sạch, bèn cam tâm bằng lòng trong ương họa tai nạn.

Lại phải báng cõi nước thanh tịnh, tham luyến cảnh giới nã phiền, như bướm lao vào đèn, như tằm bị nung nấu, tự chịu tai ương cá chậu chim lồng mà cho là khoái lạc, đều bởi do thiện lực kém nghiệp lực mạnh, tìn căn ít tội căn nhiều. Thế nên, ba cõi mịt mù, bốn loài⁷⁵ rối rắm, đều do tham sống mà mãi miết lằng xằng, nào ai biết trở về? Chúng sinh vì chạy theo nghiệp nên bối rối, chẳng mong cầu giải

⁷⁵ Chỉ cho bốn loại chúng sinh khác nhau của loài hữu tình trong sáu đường, thuộc ba cõi. Theo *Luận Câu-xá* quyển 8: “Bốn loài gồm:

1. *Noãn sinh*: loài sinh ra từ trứng, như: gà, ngỗng, vịt, cá, rắn...
2. *Thai sinh*: còn gọi là *Phúc sinh*. Các loài sinh ra từ thai mẹ như: người, voi, ngựa, bò, heo, dê, lừa...
3. *Thấp sinh*: cũng gọi là *Nhân duyên sinh* hay *Hàn nhiệt hòa hợp sinh*. Các loài sinh ra từ những nơi ẩm thấp, có nước như: tôm, cá, muỗi, dòi bọ, mối, kiến...
4. *Hóa sinh*: các loài hữu tình ở các cõi Trời, ở trong Địa ngục, Trung hữu... đều do nghiệp lực quá khứ mà hóa sinh”.

Trong bốn loài thì loài Hóa sinh là nhiều nhất. Danh từ “Bốn loài” hay “Bốn loài chúng sinh” cũng được dùng để chỉ chung cho tất cả chúng sinh hữu tình. Theo đó thì “Tứ sinh Tam hữu” là chỉ cho bốn loài chúng sinh nói trên và ba cõi: Dục, Sắc và Vô Sắc.

thoát. Sự sinh tử trong quá khứ như kiếp đá⁷⁶ khó tận cùng, vòng luân hồi ở vị lai như thành cải⁷⁷ bao giờ mới hết? Nếu chẳng phải đời trước không có duyên lành, sao được gặp nhân duyên Tịnh độ?

Được cơ hội đánh trống mở cửa tù, hãy mau chóng chạy ra; gặp thuyền cứu nạn đắm chìm, sao còn nghi ngờ do dự? Nên kính thuận kính vãn, khéo theo Phật học, người không nghe không hiểu thật là đau đớn xót xa! Huống chi trong đời ngũ trước như ác, lửa đốt khắp nơi, chỉ một mình đức Phật có năng lực cứu vãn!

Đã nghe diệu pháp, nên trông nhân duyên thanh tịnh; một niệm tín thành ắt đã gây nhân vạn đức. Suy tư làm sao để bằng hàng tiên triết, trông mong tỏ ngộ đạo lý chân thường. Khuyên mọi người đều vâng theo lời dạy mà thực hành, hết lòng đảnh lễ tin nhận!

⁷⁶ **Kiếp đá**: ví dụ cho thời gian rất lâu dài. Theo kinh *Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp* ghi: “Dùng áo trời phát mòn hết tầng đá vuông bốn mươi dặm, gọi là Tiểu kiếp; phát hết tầng đá vuông tám mươi dặm, gọi là Trung kiếp; phát hết tầng đá vuông tám trăm dặm, gọi là A-tăng-kỳ kiếp”.

⁷⁷ **Thành cải**: nói đủ là thành hạt cải. Lấy hạt cải ví dụ cho thời gian kiếp số lâu dài. kinh *Tạp A-hàm*, Luận *Đại Trí Độ* đều có ghi ví dụ như vậy: “Có một thành trì vuông rộng một do-tuần, trong đó chứa đầy hạt cải, gọi là thành hạt cải. Có một người trường thọ, mỗi một trăm năm đến lấy một hạt cải, dù lấy hết hạt cải ấy, kiếp số cũng không hết”.

Chương 1

ĐOẠN TRỪ NGHI NGỜ, PHÁT SINH LÒNG TIN

Trong kinh nói: “Được làm người là khó, sáu căn toàn vẹn là khó, sinh nơi trung tâm đất nước là khó, gặp Phật đạo là khó, phát khởi lòng tin là khó”. Tôi từng luận bàn về sự khó khăn của việc phát khởi lòng tin: có nghi ngờ mà không đoạn trừ, sao phát sinh lòng tin được? Cho nên, kinh Kim Cang nói: “Lòng tin chân chánh rất là hiếm có”. Kinh Pháp Hoa nói: “Do lòng tin mà được vào”. Long Thơ Tịnh Độ nói: “Đức Phật là bậc Đại Y Vương, có thể cứu tất cả bệnh nhưng không thể cứu người mạng tận. Đức Phật có thể độ tất cả mọi người nhưng không thể độ người không có lòng tin”. Bởi lòng tin là sự chân thành trong một niệm. Nếu tâm niệm người muốn bước đi thì chân theo đó mà đi, tâm niệm muốn ở lại thì thân theo đó mà ở lại. Đủ thấy, thân này theo tâm niệm hành động, nhưng có lúc tâm niệm muốn đi thân lại bị trói buộc. Khi sắc thân tan hoại thì chỉ có một niệm mà thôi, một niệm này muốn đến đâu thì đều đến được. Vì vậy, một niệm tín tâm niệm Phật cầu sinh Tịnh độ thì nhất định vãng sinh Tịnh độ. Huống chi đức Thế Tôn, chư đại Bồ-tát

còn có sức mạnh thế nguyện tiếp dẫn vãng sinh.

Có người hỏi:

- Nay có người cả đời trì giới niệm Phật, lúc lâm chung không được sinh về Tịnh độ là tại sao?

Đáp:

- Đó là do lòng tin không sâu, hạnh nguyện kém khuyết, lại chưa hề phát tâm Bồ-đề rộng lớn và chưa từng dứt trừ tà hạnh của mười việc ác. Tuy nói tu hành, nhưng lời nói và việc làm chưa từng phù hợp; tuy nói niệm Phật, mà tịnh niệm chưa từng tiếp nối. Đã không có công phu chân thật, làm sao được quả báo Tịnh độ! Trong kinh *Duy-ma* nói: “*Tùy theo tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh*”. Kinh *Pháp Bảo Đàn* nói: “*Trong tâm nếu không có niệm bất thiện, Tây Phương cách đây không xa. Nếu ôm lòng bất thiện niệm Phật cầu vãng sinh thì khó đến được. Không đoạn trừ tâm thập ác, Phật nào đến đón rước*”.

Lục Tổ vì thấy người đời không lo thanh tịnh tâm mình, miệng chỉ niệm danh hiệu Phật, tìm Phật ở ngoài tâm, vọng tưởng chấp trước, chẳng tự thanh tịnh tâm mình, lại tạo những điều ác. Đó gọi là tự làm mất Phật của chính mình, lại còn đi tìm cầu Phật nào khác. Vì vậy nên nói: “*Mê tức là chúng sinh, ngộ*

tức là Phật”. Chương Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng-nghiêm, Bồ-tát Đại Thế Chí nói: “Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại, tương lai nhất định thấy Phật”. Vì nhớ niệm tức là tâm niệm, lòng tin thanh tịnh, Tín, Hạnh, Nguyện đầy đủ.

Kinh này còn nói: “Một căn đã về nguồn, sáu căn thành giải thoát; thập ác⁷⁸ hóa thành thập thiện⁷⁹, lục thức⁸⁰ hóa thành lục thần thông⁸¹”. Cho

⁷⁸ **Thập ác**: Sát sinh, Trộm cắp, Tà dâm, Vọng ngữ, Lưỡng thiệt (nói lời gây ly gián, lời phá hoại), Ác khẩu (nói lời thô ác), Ý ngữ (là lời nói vô nghĩa, lời nói do tâm nhiễm phát ra), Tham dục (tham ái, tham thủ, xan tham), Sân khuể, Tà kiến (tức ngu si).

⁷⁹ **Thập thiện**: 1. Không sát sinh; 2. Không trộm cắp; 3. Không tà hạnh; 4. Không vọng ngữ; 5. Không lưỡng thiệt; 6. Không ác khẩu. 7. Không ý ngữ. 8. Không tham dục; 9. Không sân nhuế; 10. Không tà kiến.

⁸⁰ **Lục thức** (six sense of consciousness): sáu tri thức tức sáu sự hay biết: 1. Nhãn thức: tri thức của mắt; 2. Nhĩ thức: tri thức của tai; 3. Tỷ thức: tri thức của mũi; 4. Thiệt thức: tri thức của lưỡi; 5. Thân thức: tri thức của thân và 6. Ý thức: tri thức của ý.

⁸¹ **Lục thần thông**: sáu thứ diệu dụng tự tại vô ngại do Phật, Bồ-tát nương vào sức định, tuệ mà thị hiện, đó là: Thần cảnh thông, Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông và Lưu tận thông.

1. Thần cảnh thông (cũng gọi Thân thông, Thân như ý thông, Thần túc thân): năng lực hiện thân theo ý muốn một cách tự do vô ngại.

2. Thiên nhãn thông: năng lực thấy rõ tướng khổ, vui, sống, chết của chúng sinh trong sáu đường và thấy tất cả các thứ hình sắc trong thế gian, không gì ngăn ngại.

3. Thiên nhĩ thông: năng lực nghe được những tiếng nói khổ, vui, lo, mừng của chúng sinh trong sáu đường và tất cả loại âm thanh của thế gian.

nên, trong tâm chánh tín nghĩ nhớ niệm Phật, gọi là tịnh niệm tiếp nối thì Di-đà tự tánh hiện tiền. Bên đây cảm, bên kia ứng, lúc sắp mạng chung, sao lại không được thấy Phật mà vãng sinh Tịnh độ?

Phàm người tu Tịnh nghiệp, nên tin lời Phật, làm theo hạnh Phật. Tâm niệm đã không trái ngược, nhân quả chắc chắn rõ ràng. Nếu nghe mà không tin, tin mà không thực hành, cũng như bánh vẽ không no được bụng đói. Tâm đã không tin thì phát sinh nghi ngờ phỉ báng, đã phát sinh nghi ngờ phỉ báng thì tự mờ mịt tâm mình, tự mờ mịt tâm mình thì càng thêm xa rời Tịnh độ. Do đó, cư sĩ Chu ở Hương Sơn viết lời tựa trong quyển *Liên Tông Sám* của ngài Từ Chiếu, nói rằng: “*Bậc Đạo sư là nói vị giáo hóa có phương pháp để đạt đến giác ngộ, dạy người có đạo lý. Lấy lòng tin sâu làm lối vào, phá trừ sự chấp trước mê mờ của những kẻ Xiển-đề; chuyên niệm Phật làm môn*

4. Tha tâm thông: năng lực biết được những điều mà chúng sinh trong sáu đường đang suy nghĩ.

5. Túc mạng thông (cũng gọi Túc trụ thông): năng lực biết được vận mạng và những việc làm của chính mình và của chúng sinh trong sáu đường từ trăm nghìn muôn kiếp trước.

6. Lậu tận thông: năng lực dứt hết Kiến hoặc và Tư hoặc trong ba cõi, không bị sống chết trôi buộc trong ba cõi mà được thần thông lậu tận.

Ba năng lực: Thiên nhãn thông, Túc mạng thông và Lậu tận thông trên đây còn gọi là Tam minh.

thực hành khiến tâm không loạn động, thêm vào đó là lấy tâm nguyện Bồ-đề làm căn bản độ thoát chúng sinh. Đủ ba điều ấy thì có thể lên Thượng phẩm Thượng sinh ở cõi Cực Lạc, dễ dàng đạt đến biển quả Tỳ-lô”. Lại nói: “Việc này người người vốn đầy đủ, ai nấy đều thành tựu trọn vẹn. Nhưng vì không có ba chữ Tín, Nguyện, Hạnh, do đó đọa lạc trong luân hồi”.

Than ôi! Phàm kẻ làm người chẳng luận phước đức, chẳng luận tôn quý, chẳng luận thông minh, chẳng luận tướng mạo, chỉ đầy đủ Tín, Nguyện, Hạnh thì chính là tư lương để vãng sinh Tịnh độ. Tứ Liệu Giản nói: “Từ đây qua phương Tây, cách mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc, đó là đứng về khía cạnh xa mà nói. Nếu một niệm tín tâm niệm Phật thì liền đến Tây Phương, đó là đứng về khía cạnh gần mà nói. Cho nên bảo rằng, cũng gần mà cũng xa, chỉ ở nơi lòng tin và tâm nguyện của người mà thôi. Tin thì không cách mấy tở, nghi thì lưu chuyển trong sinh tử”. Lại nói:

*Từ đây qua Tây Phương
Lộ trình xa mười vạn
Tư lương nếu đầy đủ
Lo gì không đến được.*

Thế nên nói: “Lòng tin đứng đầu muôn điều

lành, lòng tin là chủ của trăm hạnh”. Kinh Hoa Nghiêm lấy Thập tín⁸² làm điểm khởi đầu của sự

⁸² **Thập tín:** gọi đủ là Thập tín tâm, gọi tắt là Thập tâm, chỉ cho 10 tâm mà Bồ-tát của 10 giai vị đầu tiên trong 52 giai vị tu hành. Mười tâm này thuộc Tín vị, có khả năng giúp cho hành giả thành tựu hạnh tín. Về tên gọi và thứ tự thì các kinh điển ghi có hơi khác nhau.

Theo phẩm *Hiện Thánh Danh Tự* trong kinh *Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp* quyển thượng thì 10 tâm là:

1. Tín tâm: nhất tâm quyết định, mong muốn thành tựu.
2. Niệm tâm: thường tu 6 niệm: Phật, pháp, tăng, giới, thí và thiên.
3. Tinh tấn tâm: nghe Bồ-tát tạng, siêng năng tu tập thiện nghiệp không gián đoạn.
4. Định tâm: tâm an trụ nơi sự và nghĩa, xa lìa tất cả hư nguy, vọng tưởng phân biệt.
5. Tuệ tâm: nghe Bồ-tát tạng, tư duy quan sát, biết tất cả pháp vô ngã, vô nhân, tự tánh rỗng lặng.
6. Giới tâm: thọ trì luật ghi thanh tịnh của Bồ-tát, thân, khẩu, ý thanh tịnh, không phạm các lỗi; nếu có phạm thì sám hối trừ diệt.
7. Hồi hướng tâm: đem các thiện căn đã tu được hồi hướng về Bồ-đề, không nguyện sinh vào các cõi hữu lậu, hồi thí cho chúng sinh, không vì riêng mình; hồi hướng cầu chứng được thật tế, không chấp danh tướng.
8. Hộ pháp tâm: phòng ngừa tâm mình, không khởi phiền não, lại tu năm hạnh: mặc hộ, niệm hộ, trí hộ, tức tâm hộ và tha hộ.
9. Xả tâm: không tiếc thân mạng, tài vật; tất cả những gì có được đều buông bỏ.
10. Nguyện tâm: thường tu các nguyện thanh tịnh.

Mười tâm được liệt kê trong phẩm *Bồ-tát Giáo Hóa Kinh Nhân Vương* quyển thượng do ngài Cưu-ma-la-thập dịch là: Tín tâm, Tinh tấn tâm, Niệm tâm, Tuệ tâm, Định tâm, Thí tâm, Giới tâm, Hộ tâm, Nguyện tâm và Hồi hướng tâm, cho đó là 10 tâm của Thập chủng tín.

thành Phật, kinh *Pháp Hoa* lấy chánh tín làm cửa để vào đạo, Ngũ căn lấy Tín căn làm đầu, Ngũ lực lấy Tín lực làm trước. Vì thế, chư Phật trong ba đời, chư đại Bồ-tát, lịch đại Tổ sư tu các công hạnh, đầy đủ đại nguyện lực, vào cảnh giới Phật, thành tựu Bồ-đề, chưa có ai không từ nơi chữ Tín này mà bước vào.

Pháp sư Đàm Loan gặp được kinh *Quán Vô Lượng Thọ* của ngài Lưu Chi trao cho, liền đốt kinh Tiên tu Tịnh nghiệp, lẽ nào không phải là do chữ Tín này? Bạch Cư Dị đi cũng niệm Di-đà, ngồi cũng niệm Di-đà, cũng chẳng ra ngoài chữ Tín này! Tô Đông Pha mang bức tượng Di-đà, lúc đi hay ngồi cũng đều mang theo bên mình nói là Tây Phương công cứ, thế thì cũng không ra ngoài chữ Tín này! Trương Thiện Hòa cả đời mổ trâu, khi lâm chung tự thấy tướng địa ngục hiện, nhưng gặp được vị tăng dạy niệm Phật A-di-đà. Ông niệm chưa được mười câu thì thấy Phật tiếp dẫn vãng sinh Tịnh độ, liền thoát khỏi địa ngục. Đó chẳng phải

Kinh *Phạm Võng* quyển thượng thì nêu 10 tâm là: Xả tâm, Giới tâm, Nhẫn tâm, Tấn tâm, Định tâm, Tuệ tâm, Nguyên tâm, Hộ tâm, Hỷ tâm, Định tâm, và cho đó là 10 tâm phát thú trong Kiên tính nhẫn

Kinh *Lăng-nghiêm* quyển 8 thì gọi đó là Thập tâm trụ, tức Tín tâm trụ, Niệm tâm trụ, Tinh tiến tâm trụ, Tuệ tâm trụ, Định tâm trụ, Bất thoái tâm trụ, Hộ pháp tâm trụ, Hồi hướng tâm trụ, Giới tâm trụ và Nguyên tâm trụ.

là do lòng tin mà được như thế hay sao?

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Lòng tin là gốc của đạo, là mẹ sinh ra công đức. Lòng tin hay nuôi lớn các căn lành. Lòng tin có thể vượt ra khỏi các đường ma. Lòng tin có thể được vào chánh định. Lòng tin có thể thoát biển sinh tử. Lòng tin có thể thành tựu đạo giác ngộ của Phật”.

Than ôi! Thời nay, người trì trai tin giữ giới mà không tin niệm Phật, tin thờ Phật mà không tin vãng sinh Tịnh độ. Như thế là tự làm mất lợi ích lớn, cần nên xét kỹ!

Trên đường Trời, Người lấy phước làm đầu; trong biển sinh tử, niệm Phật bậc nhất. Nay có người muốn được sự vui vẻ nơi cõi Trời, Người mà không chịu tu phước; muốn ra khỏi sinh tử nhưng lại không niệm Phật; ví như chim không cánh mà muốn bay, cây không gốc mà muốn sum suê tươi tốt, làm sao đạt được?

Nếu là bạn pháp với tôi, cần phải tin sâu lời chư Phật nói chân thật không giả dối. Phương pháp hay giải thoát đau khổ không gì bằng niệm Phật, chuyên tu Tịnh nghiệp mong ra khỏi luân hồi. Thời gian chẳng đợi người, thận trọng chớ nghi ngờ hối tiếc!

Như thế, thật đáng gọi là:

Thân này chẳng chịu đời này độ

Lại đợi đời nào độ thân này!

*

Chương 2

KHUYÊN PHÁT LÒNG TIN

Phật A-di-đà là bậc tôn quý trong các đức Phật, cha lành của bốn loài chúng sinh. Người trở về tin tưởng thì tiêu diệt tội lỗi nhiều như cát sông Hằng, xưng niệm thì được phước vô lượng.

Muốn niệm Phật phải khởi lòng tin, nếu không có lòng tin thì chẳng được gì. Thế nên, Pháp sư Tăng Triệu nói: “*Việc ấy đúng như vậy*” là tướng trạng của niềm tin, bảo rằng “*việc ấy không như vậy*” là tướng trạng của sự không tin tưởng”.

Lòng tin là bước quan trọng ban đầu để vào đạo, trí tuệ là chỗ huyền diệu sau cùng. Các kinh trước nói “*nư vậy*” là chỉ cho lòng tin, sau cùng nói “*vâng làm*” là chỉ cho trí tuệ. Do đó, kinh A-di-đà nói: “*Nếu*

có người tin ưa, nên phát nguyện sinh về cõi Cực Lạc". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của đức Phật Thích-ca Mâu-ni.

Kinh này còn nói: "*Các ông nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức này*". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của chư Phật khắp sáu phương.

Luận còn nói: "*Nếu người trồng căn lành, nghĩ thì hoa không nở. Người lòng tin thanh tịnh, hoa nở được thấy Phật*". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin trong *Luận Vãng Sinh*.

Hơn nữa, tin thì lời nói thuận lý; thuận thì thành tựu đạo thầy trò. Kinh, không luận là nghĩa lý phong phú hay ước lược, nếu chẳng có lòng tin thì không thể lưu truyền. Đó là chỗ khuyên phát lòng tin của ngài Tăng Triệu.

Lại nói: "*Pháp môn niệm Phật này, chẳng luận là tăng tục, nam nữ, sang hèn, nghèo giàu, chỉ cần có đủ niềm tin*". Đây là chỗ khuyên phát lòng tin của Hòa thượng Đại Hạnh.

Hỏi:

- Đã nói rằng tin, vậy chưa biết tin những pháp gì?

Đáp:

- Tin nghĩa là tin theo, như trong kinh nói:

* Tin niệm Phật nhất định vãng sinh Tịnh độ.

* Tin niệm Phật nhất định diệt trừ mọi tội lỗi

* Tin niệm Phật nhất định được Phật hộ trì.

* Tin niệm Phật nhất định được Phật chứng minh.

* Tin niệm Phật, đến lúc mạng chung, nhất định được Phật đến tiếp dẫn.

* Tin niệm Phật, bất luận là chúng sinh nào, hễ có cùng lòng tin đều được vãng sinh.

* Tin niệm Phật vãng sinh Tịnh độ nhất định được vào bậc Bất thối.

* Tin vãng sinh Tịnh độ nhất định không còn rơi vào ba đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh.

Cho nên, khuyên tin tưởng niệm Phật. Tiếp nhận pháp này, trì niệm danh hiệu này, chắc chắn vãng sinh Tịnh độ. Vì thế, Hòa thượng Đại Hạnh dạy người niệm Phật, thấy *“tâm chỉ tin Phật thì Phật liền biết, vì Ngài có thần thông biết được tâm người. Miệng chỉ xưng danh hiệu Phật thì Phật liền nghe, vì Ngài có thần thông nghe suốt tất cả. Thân chỉ lễ Phật thì Phật liền thấy, vì Ngài có thần thông thấy khắp mười*

phương”. Do vậy, Hòa thượng Đại Hạnh đem pháp niệm Phật này khuyên mọi người phát sinh lòng tin.

Lại ví dụ, lòng tin cũng như việc trồng cây trái, rễ sâu nên gió thổi không lay động. Về sau, cây sẽ đơm bông kết trái, giúp người qua cơn đói khát. Người niệm Phật cũng như thế, do tin sâu mà được đến Tây Phương. Nếu không có lòng tin thì chẳng được gì, trong kinh nói: “*Bồ-tát Thập trụ*⁸³ vừa khởi

⁸³ **Thập trụ**: quá trình tu hành của Bồ-tát được chia làm 52 giai vị, trong đó từ giai vị 11 đến 20 thuộc Trụ vị, gọi là Thập trụ, Đó là:

1. Sơ phát tâm trụ (cũng gọi là Ba-lam-kỳ-đâu-ba Bồ-tát pháp trụ, Phát ý trụ): hàng thượng tiến, hàng thượng căn, dùng phương tiện chân chánh phát khởi tâm Thập tín, tin thờ Tam Bảo, thượng trụ trong 8 vạn 4 nghìn Bát-nhã Ba-la-mật, thọ trì tu tập tất cả hạnh, tất cả pháp môn, thường khởi tín tâm, không sinh tà kiến, không phạm Thập trọng, Ngũ nghịch, Bát đảo, không sinh vào nơi có tai nạn, thường gặp Phật pháp, học rộng, nhiều trí tuệ, cầu nhiều phương tiện, mới nhập không giới, trụ nơi giai vị không tính, đồng thời dùng không lý trí tâm tu tập giáo pháp của cổ Phật, trong tâm sinh ra tất cả công đức.

2. Trì địa trụ (cũng gọi A-xà-phù Bồ-tát pháp trụ, Trì địa trụ): thường theo tâm không, làm thanh tịnh 8 vạn 4 nghìn pháp môn, tâm Bồ-tát trong sáng, giống như tam lưu ly hiện vàng ròng, vì lấy diệu tâm mới phát làm địa để tu tập nên gọi là Trì địa trụ.

3. Tu hành trụ (cũng gọi là Du-a-xà-phù Bồ-tát pháp trụ, Ứng hành trụ): trí tuệ của Phát tâm trụ và Trì địa trụ ở trước đều đã sáng tỏ, cho nên dạo khắp 10 phương mà không bị ngăn ngại.

4. Sinh quý trụ (cũng gọi Xà-ma-kỳ Bồ-tát pháp trụ): nhờ diệu hạnh ở trước thâm hợp với diệu lý, đã sinh vào nhà Phật làm con bậc Pháp vương;

lòng tin niệm Phật, về sau dù gặp ác duyên mất thân mạng, thà chết chứ không thối thất”.

tức hạnh đồng với Phật, chịu ảnh hưởng khí phần của Phật, như thân trung ấm tự tìm cha mẹ, cả hai thâm hợp, nhập vào chủng tánh Như Lai.

5. Phương tiện cụ túc trụ (cũng gọi Ba-du-tam-bát Bồ-tát pháp trụ, Tu thành trụ): tu tập vô lượng thiện căn, lợi mình, lợi người, đầy đủ phương tiện, tướng mạo vẹn toàn.

6. Chánh tâm trụ (cũng gọi A-kỳ-tam-bát Bồ-tát pháp trụ, Hành đẳng trụ): thành tựu Bát-nhã thứ 6, cho nên, chẳng những chỉ có tướng mạo mà cả tâm cũng đồng với Phật.

7. Bất thoái trụ (cũng gọi A-duy-diệu-trí Bồ-tát pháp trụ, Bất thoái chuyển trụ): đã vào cảnh giới Vô sinh rốt ráo không, tâm thường tu hạnh không, vô tướng, vô nguyện, thân tâm hòa hợp, mỗi ngày một tăng trưởng.

8. Đồng chân trụ (cũng gọi Cưu-ma-la-phù đồng nam Bồ-tát pháp trụ): từ khi phát tâm trở đi, trước sau không sụt lùi, không khởi tà ma phá hoại tâm Bồ-đề, đến đây thì 10 thân linh tướng của Phật cùng lúc đầy đủ.

9. Pháp vương tử trụ (cũng gọi Du-la-xà Bồ-tát pháp trụ, Liễu sinh trụ): từ Sơ phát tâm trụ đến Sinh quý trụ, gọi là nhập Thánh thai; từ Phương tiện cụ túc trụ đến Đồng chân trụ gọi là Trưởng dưỡng Thánh thai, đến Pháp vương tử trụ này thì hình tướng đã đầy đủ, liền ra khỏi thai, giống như từ trong giáo pháp của Phật vương sinh ra hiểu biết tiếp nối được ngôi vị của Phật.

10. Quán đảnh trụ (cũng gọi A-duy-nhan Bồ-tát pháp trụ, Bồ xứ trụ): Bồ-tát đã là con của Phật, có khả năng gánh vác việc Phật, cho nên Phật đem nước trí tuệ rưới lên đầu (quán đảnh) Bồ-tát, giống như việc quán đảnh lên ngôi của vị Vương tử dòng Sát-đế-lợi. Vị Bồ-tát đã đến Quán đảnh trụ thì có 3 tướng đặc biệt là:

a. Độ chúng sinh: có khả năng tu hành thành tựu 10 thứ trí, độ được các chúng sinh.

b. Vào được cảnh giới rất sâu xa mà tất cả chúng sinh cho đến hàng Bồ-tát Pháp vương tử trụ cũng không thể tính lường được.

c. Học rộng 10 thứ trí, rõ biết tất cả pháp.

Kinh *Duy-ma* nói: “*Tin sâu vững chắc giống như kim cương, pháp bảo soi khắp cả giống như mưa cam lồ*”.

Niệm Phật Tam-muội từ lòng tin sâu sắc mà phát sinh.

*Anh xem Tịnh độ hằng sa Phật
Đều là người chánh tín hiện nay.*

*

Chương 3

KỆ CHÁNH TÍN VÃNG SINH CỦA SÁM CHỦ TỬ VÂN THỨC

*Cúi lễ Tây Phương cõi An Lạc
Di-dà giáo chủ đại từ tôn
Con nương tất cả các kinh điển
Thành tựu lòng tin quyết vãng sinh.*

*Người trụ Đại thừa tâm thanh tịnh
Mười câu niệm Phật Vô Lượng Thọ
Lâm chung thấy Phật quyết vãng sinh
Kinh Đại Bảo Tích nói như thế.*

Tội ngũ nghịch lửa địa ngục hiện
Gặp thiện tri thức phát tâm mạnh
Mười câu niệm Phật liền vãng sinh
Kinh Thập Lục Quán nói như thế.

Nếu có người hoan hỷ ưa thích
Cho đến mười niệm liền vãng sinh
Nếu không như thế chẳng thành Phật
Bốn mươi tám nguyện nói như thế.

Nếu có người nghe danh chí tâm
Một niệm hướng về liền vãng sinh
Chỉ trừ ngũ nghịch chệ chánh pháp
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.

Lâm chung không thể quán và niệm
Chỉ phát khởi ý biết có Phật
Người này hơi dứt liền vãng sinh
Kinh Đại Pháp Cỗ nói như thế.

Một ngày, một đêm, treo tràng phan
Chuyên niệm vãng sinh tâm không dứt
Trong mộng thấy Phật liền vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.

Một ngày sớm tối xưng danh Phật
Chuyên cần tinh tấn không dừng nghỉ
Lần lượt khuyên nhau cùng vãng sinh

Trong kinh Đại Bi nói như thế.

*Một ngày, hai ngày đến bảy ngày
Chấp trì danh hiệu tâm không loạn
Phật hiện trước mặt liền vãng sinh
Kinh A-di-đà nói như thế.*

*Nếu người nghe Phật A-di-đà
Một ngày, hai ngày, hoặc hơn nữa
Buộc niệm hiện tiền liền vãng sinh
Trong kinh Ban Chu nói như thế.*

*Một ngày, một đêm trong sáu thời
Năm vóc lễ Phật, niệm không dứt
Hiện thấy Phật ấy, liền vãng sinh
Kinh Cổ Âm Vương nói như thế.*

*Mười ngày, mười đêm trì trai giới
Treo phan, bảo cái, đốt hương đèn
Buộc niệm không dứt được vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế.*

*Nếu người chuyên niệm Phật một phương
Hoặc đi, hoặc ngồi bốn chín ngày
Tự thân thấy Phật liền vãng sinh
Trong kinh Đại Tập nói như thế.*

*Nếu người tự thệ thường kinh hành
Trong chín mươi ngày không ngồi nằm*

*Nơi chánh định thấy Phật Di-đà
Trong kinh Phật Lập nói như thế.*

*Nếu người ngồi thẳng hướng về Tây
Suốt chín mươi ngày thường niệm Phật
Được thành Tam-muội sinh trước Phật
Kinh Văn-thù Bát-nhã nói thế.*

*Tôi dẫn ít phần trong các kinh
Những lời như thế vô cùng tận
Nguyện người cùng nghe sinh chánh tín
Lời Phật chân thật chẳng hư dối
Phật đã nói rõ để vãng sinh
Mong đều tin chắc không nghi hoặc.*

*

Chương 4

LỜI TỰA TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN CỦA ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ Ở THIÊN THAI

Trí tuệ hàng Thanh văn không thể lường
xét chỗ sâu xa của chư Phật, Bồ-tát hàng
Thập địa chẳng thể cùng tận chỗ mầu
nhiệm của quả vị tột cùng. Huống chi, hàng phàm

phu không có mắt tuệ, rơi trong ba cõi, mê vọng sâu dày, cho Tịnh độ là sai lầm, niềm nghi ngờ khó chuyển đổi. Nghi ở nơi thân, biết rằng chưa diệt (kiến chấp) năm uẩn; nghi ở nơi tâm thì biết chưa trừ muôn điều mê lầm; nghi ở nơi hạnh, biết rằng chưa thực hành được Lục độ. Do hạnh còn trôi nổi đắm chìm chưa qua được bờ kia, nên mới mong những người đã qua cứu giúp. Ở nơi mình vẫn còn mê lầm, huống gì đối với người khác! Đây là điều lòng người khó tin, người tu kẻ tục đều nghi ngờ.

Đại sư Trí Giả đời Tùy, tâm thâm hợp với muôn vật, trí tuệ thấu suốt tất cả, nhân cơ hội phụ trợ giáo pháp, hiển bày nhiều điều lạ. Do những điều lạ ấy mà xét sự chứng đắc, chẳng biết chẳng hay Ngài là bậc Tam Hiền⁸⁴ chẳng? Hàng Thập Thánh⁸⁵ chẳng?

⁸⁴ **Tam Hiền:** ba giai vị tu hành các thiện căn để hàng phục phiền não, khiến tâm được điều hòa. Tam Hiền có Tiểu thừa và Đại thừa khác nhau. + Tam Hiền thuộc Tiểu thừa: giai vị tu các thiện căn hữu lậu (tức Thuần giải thoát phần), có ba giai vị:

1. Ngũ đình tâm quán vị: giai vị dùng Ngũ đình tâm quán để ngăn dứt năm món tham, sân, si, ngã kiến và tán loạn.

2. Biệt tướng niệm trụ vị: giai vị quán các tự tướng: bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã thuộc thân, thọ, tâm, pháp; đồng thời quán các cộng tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã.

3. Tổng tướng niệm trụ vị: giai vị quán chung các cộng tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã thuộc Tứ niệm trụ.

Hay là bậc Ứng Chánh Đẳng Giác biến hóa thần diệu thật khó nghĩ bàn! Suy xét cũng chẳng biết được. Song, Đại sư đầy đủ chánh niệm thiền định tổng trì, hạnh nghiệp sáng ngời, không lãng quên cầu sinh Tịnh độ dù trong giây phút. Hiện nay, phát hiện trong những tác phẩm còn lại của Đại sư, có lẽ là *Thập Nghi Luận*. Nhưng sách này, xa thì y cứ trong các kinh, gần thì y cứ từ những bộ luận, chọn lựa ý để dẫn truyện. Không lia kinh để làm cho được hoàn bị, chẳng trao chuốt ngôn từ để tăng thêm sự khéo léo. Xét từ đạt ý, có thể cùng tột nơi chín phẩm, như thế

+ Tam Hiền thuộc Đại thừa: chỉ cho hàng Bồ-tát trước Thập địa, giai vị này có ba lớp Thập tâm khác nhau:

1. Thập trụ: tâm hội lý, an trụ bất động. Thập trụ gồm: Phát tâm trụ, Trị địa trụ, Tu hành trụ, Sinh quý trụ, Cụ túc phương tiện trụ, Chính tâm trụ, Bất thoái trụ, Đồng chân trụ, Pháp vương tử trụ và Quán đảnh trụ.

2. Thập hạnh: thực hành hạnh này thì sẽ tiến tới quả. Thập hạnh gồm: Hoan hỷ hạnh, Nhiều ích hạnh, Vô vi nghịch hạnh, Vô khuất nhiều hạnh, Vô si loạn hạnh, Thiện hiện hạnh, Vô trước hạnh, Nan đắc hạnh, Thiện pháp hạnh, Chân thật hạnh.

3. Thập hồi hướng: hồi nhân hưởng quả. Thập hồi hướng gồm: Cứu chư chúng sinh ly chúng sinh tướng hồi hướng, Bất hoại hồi hướng, Đẳng nhất thiết chư Phật hồi hướng, Chí nhất thiết hồi hướng, Vô tận công đức tạng hồi hướng, Nhập nhất thiết bình đẳng thiện căn hồi hướng, Đẳng tùy thuận nhất thiết chúng sinh hồi hướng, Chân như tướng hồi hướng, Vô phược vô trước giải thoát hồi hướng và Nhập pháp giới vô lượng hồi hướng.

⁸⁵ **Thập Thánh:** *Nhân Vương Bát-nhã Kinh Hiệp Sở*, q. trung cho rằng Tam Hiền tức 30 tâm trước Thập địa, Thập Thánh tức hàng Bồ-tát Thập địa. Vì hàng Bồ-tát Thập địa đều đã đoạn hoặc, chứng được chánh tính.

mới thấy chỗ dụng tâm của Đại sư. Thấy được tấm lòng của Ngài, vả chăng ở người có mối nghi ngờ về Tịnh độ. Gọi là trời cao không mây, ngàn sao lấp lánh, trật tự khác nhau, thứ lớp không đồng, sáng rõ không gì che khuất.

Tôi được sách này, nhớ lại đức Thế Tôn nhọc nhằn khen ngợi Tịnh độ, chư Phật xác nhận làm thành tựu lòng tin, hoặc hiện tướng lưỡi che khắp ba ngàn thế giới, hoặc âm thanh như sóng biển để diễn nói lời thanh tịnh.

Tôi tuy hiểu biết nông cạn, chẳng thể phát huy rực rỡ pháp môn này, nhưng đâu nỡ không lời! Thế nên, lược nêu ra vài điều ở trước sách này, để bày tỏ hết những điều ôm ấp trong lòng. Tuy từ thô lý cạn, chẳng đủ hưng khởi sự giáo hóa của Đại sư, nhưng nơi ý nghĩa chư Phật xác nhận làm thành tựu lòng tin, thì có chỗ trở về.

*

Chương 5
**LỜI TỰA TRỰC CHỈ TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHỊ
CỦA DƯƠNG KIỆT**

Thánh nhân do đại nguyện từ Tịnh độ đến, đến mà thật không có đến; phàm phu tin sâu sinh qua Tịnh độ, đi mà thật không có đi. Kia chẳng đến đây, đây chẳng qua kia mà Thánh phàm hội ngộ, hai bên đều được giao tiếp, là tại sao? Vì ánh sáng của Phật Di-đà như mặt trăng tròn đầy chiếu khắp mười phương, nước lã trong thì trăng hiện toàn thể. Trăng chẳng phải đến với nước, nước dấy động vẫn đục thì trăng không hiện rõ, chớ chẳng phải trăng bỏ nước mà đi. Nước có trong, đục, động, tĩnh, nhưng trăng thì không lấy bỏ, đến, đi. Thế nên, trong kinh *Hoa Nghiêm*, Trưởng giả Giải Thoát nói: *“Biết tất cả chư Phật giống như bóng, tâm mình giống như nước. Các đức Như Lai kia không đến đây, ta cũng không qua kia. Nếu ta muốn thấy Phật A-di-đà ở thế giới An Lạc tùy ý liền thấy”*.

Vì vậy nên biết, chúng sinh chuyên chú tâm niệm muốn thấy Phật A-di-đà thì liền được thấy, đó chính là lời chân thật xứng hợp với bản tánh, chẳng

phải là giáo lý quyên biến.

Tịnh độ không có sự ham muốn nên chẳng phải là Dục giới. Cõi nước ấy ở trên mặt đất nên chẳng phải Sắc giới. Lúc hóa sinh có hình tướng nên chẳng phải là Vô sắc giới.

Tất cả chúng sinh chưa tỉnh ngộ chánh giác, ở trong giấc mộng lớn, thăng trầm nơi sáu nẻo chưa từng dừng nghỉ. Chư Thiên tuy vui sướng, nhưng lúc quả báo hết, tướng suy hao biểu hiện; A-tu-la sân hận chiến tranh hơn thua; Bàn sinh bay chạy, ăn nuốt, tàn sát lẫn nhau; Quỷ thần thì âm u đói khát bức bách; Địa ngục ở trong đêm dài tăm tối, thống khổ kêu gào. Được sinh làm người thì ta vốn là may mắn. Song, sinh già bệnh chết bao nhiêu nỗi khổ ràng buộc trôi trăn, chỉ có Tịnh độ là không còn khổ não.

Thai sen gởi hình chất nên không có nỗi khổ của sự sinh. Nóng, lạnh chẳng đổi dời nên không có nỗi khổ già suy. Thân thể chẳng có phần đoạn nên không có nỗi khổ bệnh tật. Thọ mạng vô lượng nên không có nỗi khổ về sự chết. Không cha mẹ, vợ con nên không có nỗi khổ thương yêu ly biệt. Các bậc Thượng thiện nhân cùng hội tụ nên không có nỗi khổ oán ghét mà gặp gỡ. Áo đẹp, cơm thơm, thọ dùng trân bảo, nên không có nỗi khổ mong cầu chẳng được.

Thường quán chiếu bản tánh rỗng lặng nên không có nỗi khổ về thân năm uẩn. Từ bi tế độ loài hữu tình, muốn sinh đến nơi nào thì sinh, không trụ nơi vắng lặng, vì vậy chẳng phải là Nhị thừa. Trí tuệ chiếu soi sinh tử, được Bất thối chuyển, nên chẳng phải là phàm phu.

Ba cõi mênh mông ví như nơi bốn bề gò nông, hầm hố, chứa đầy dơ bẩn, khe vực cách trở lấy gì làm chiếc cầu? Lại có kẻ cuồng ở trong đó lạc đường, ác thú ma quỷ nào hại vây quanh, đao binh nước lửa; hoặc gặp lúc bi thương đột ngột, sương gió sấm sét, bị hiếp đáp chèn ép, chẳng biết tìm nơi nào để được che chở; hoặc ẩm thực, y phục chưa đầy đủ, cam chịu những nỗi khổ ấy mà chẳng mong cầu an lạc.

Phật Thích-ca là bậc Đại Đạo sư, chỉ rõ cõi nước thanh tịnh tức là thế giới An Lạc. Phật Vô Lượng Thọ là bậc thầy nơi Tịnh độ. Các chúng sinh nếu sinh về cõi ấy thì không có những phiền não. Người không nghe biết về điều này, thật đáng xót thương! Cũng có những người thiện, phát ba thứ tâm mà không cầu vãng sinh, thật là đáng tiếc!

* Thứ nhất: ta sẽ siêu Phật vượt Tổ, Tịnh độ đâu đáng để vãng sinh.

* Thứ hai: nơi nơi đều là Tịnh độ, chẳng cần

sinh về Tây Phương.

* Thứ ba: Cực Lạc là cõi Thánh, bọn ta là kẻ phàm đâu thể sinh về đó được.

Nói về biển hạnh thì vô lượng, nhưng Bồ-tát Phổ Hiền lại nguyện thấy Phật Di-đà. Cõi Phật tuy rộng không mà ngài Duy-ma thường tu Tịnh độ. Như Lai khắp mười phương có lời khen ngợi bằng tướng lưỡi rộng dài. Bồ-tát trong mười phương có tâm cùng vãng sinh Cực Lạc. Tự mình nên thử lường xét xem ai bằng với các bậc Thánh, mà bảo rằng Tịnh độ không đáng để sinh về. Tại sao lại tự lừa dối mình như thế?

Đến như Tổ sư Long Thọ trong kinh *Lăng-già* có lời thọ ký từ trước. Bồ-tát Thế Thân là bậc Giáo Tông, viết nhiều luận sớ, còn có bài kệ cầu vãng sinh. Trong *Thông Tán* của ngài Từ Ân, đầu tiên khen ngợi mười điều thù thắng. Đại sư Trí Giả phân tích nghĩa lý, biện biệt rõ mười mối nghi ngờ. Các Ngài đều là bậc thượng triết mà còn tinh tấn đối với sự vãng sinh. Tại sao lại nói chẳng cần sinh về Tây Phương, tự ngạo mạn đến thế?

Xe lửa trong chốn địa ngục có thể tắt; thuyền chở đá nặng vẫn không chìm. Hiện hoa báo không ai hơn Trương Chung Quý, chỉ mười niệm được vượt lên

cõi thù thắng. Vào địa ngục không ai nhanh hơn sư Hùng Tuấn, mà được sống lại rồi tu hành chứng được nhân vi diệu. Lỗi lầm của người đời chưa hẳn đến thế, mà nói rằng không thể vãng sinh. Tại sao lại tự vứt bỏ mình?

Kinh *Ban Chu Tam-muội* nói: “*Bồ-tát Bạt-dà Hòa* hỏi đức Phật: chúng sinh đời vị lai làm sao được thấy chư Phật ở mười phương? Đức Phật dạy họ niệm Phật A-di-đà thì liền thấy chư Phật trong mười phương”.

Trong kinh *Bảo Tích* nói: “*Chúng sinh ở phương khác nghe về danh hiệu của Như Lai Vô Lượng Thọ, cho đến phát một ý niệm tin tưởng thanh tịnh, hoan hỷ ưa thích, có bao nhiêu căn lành hồi hướng nguyện sinh về cõi kia, theo nguyện đều vãng sinh, được Bất thối chuyển*”.

Đây chính là lời Phật nói. Không tin lời Phật thì lời ai đáng tin? Không sinh về Tịnh độ thì sinh về cõi nào? Như thế, là tự lừa dối, tự ngạo mạn, tự vứt bỏ tánh linh của chính mình, trôi vào trong vòng luân hồi sinh tử. Đó là lỗi của ai?

Bốn mươi tám nguyện đều vì cứu độ chúng sinh, mười sáu pháp quán đồng về chỗ buộc niệm. Một niệm tin tưởng ắt đã gieo giống trong ao báo; vun bồi các điều lành nhất định hóa sinh nơi kim địa.

Nếu như không có hối tiếc và nghi ngờ, tức thời sen nở được đạo giải thoát Tịnh độ duy tâm, Di-đà tự tánh. Trong ánh sáng rộng lớn quyết không có ma sự.

Tịnh Độ Quyết Nghi Tập là do Thị Lang Vương Mãn Trọng soạn, giải thích nghi ngờ, làm lối tắt dẫn đến lòng tin vững chắc. Yếu chỉ được ghi chép trong đây rất tường tận. Đó là lời dẫn đường đến cõi nước An Dưỡng. Nếu lên đến bờ kia, cố nhiên có thể quên thuyền, người muốn đến thì cần phải hỏi bến bờ. Chớ nên xem thường lời này!

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN SÁU

Thiên thứ sáu

CHÁNH HẠNH NIỆM PHẬT

Cõi Thường Tịch Quang vốn không có sắc tướng, nhưng có ứng thì biểu hiện ra hình tướng. Đạo Bồ-đề đã mở ra con đường chính yếu, nếu không thực hành thì chẳng đến được.

Kinh *Duy-ma* nói: “*Trưởng giả Bảo Tích và năm trăm Trưởng giả tử bạch đức Phật rằng:*

- *Chúng con đã phát tâm cầu đạo giác ngộ Chân Chánh Vô Thượng, mong được nghe về cõi nước Phật thanh tịnh, mong đức Phật nói về hạnh Tịnh độ của*

Bồ-tát.

Đức Phật bảo:

- *Này Bảo Tích, chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát”.*

Pháp sư Tăng Triệu nói: “*Chư Phật và Bồ-tát* rộng lạng không có hình tướng, do ứng vật nên biểu hiện ra hình tướng. Hình tướng không có bản chất thường hằng, hướng chi cõi nước mà thường hằng hay sao? Bởi lẽ, chúng sinh muôn loài hạnh nghiệp không đồng, nên dẫn đến báo ứng sai biệt. Thế nên, thanh tịnh thì ứng hiện ra ngọc báu, ố trước thì ứng hiện ra ngói gạch. Đẹp xấu là do tự họ, đối với ta không nhất định. Cõi không nhất định mới là cõi chân thật, thế thì sự nhơ và sạch của cõi nước là thuộc chúng sinh, do đó nói rằng chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát”.

Nói về thể tánh của Tịnh độ Như Lai vốn không phương hướng chỗ nơi. Do chúng sinh có hạnh hỗn tạp nên cùng xem mà thấy lại khác nhau. Vì cái thấy khác mà phát sinh sự tịnh ố. Bởi không phương hướng chỗ nơi nên cõi chân thật mới biểu hiện; nếu như xét về tịnh và ố đó là quả báo của chúng sinh. Cõi Phật chân thật vốn không phương hướng chỗ nơi, lẽ nào lại bảo rằng hai cõi phạm Thánh khác nhau, rồi mới biện rõ sự thanh tịnh và ố trước?

Pháp sư Đạo Sinh nói: “Hành giả Tịnh độ do thực hành đến chỗ tột cùng mà dẫn đến Tịnh độ, chẳng phải nhờ tạo tác. Nếu muốn tạo ra cõi nước thì thuộc về phần chúng sinh rồi, nhưng gương nói tạo tác thì cần phải nói rõ chỗ căn bản của sự tạo tác để bày tỏ ý nghĩa rõ ràng, rồi sau đó mới nói về việc tu hành”.

Pháp sư La-thập nói: “Trường giả Bảo Tích hỏi về tướng trạng của Tịnh độ. Đức Thế Tôn đáp rằng: chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát”.

Đây vốn là nói về nhân ở trên quả.

Quốc sư Thanh Lương nói: “Trong tâm chư Phật luôn luôn có chúng sinh mới thành Phật. Trong tâm chúng sinh, mỗi niệm mỗi niệm, chứng nhập Tịnh độ chân thật”.

Kinh Duy-ma nói: “Bồ-tát tùy theo sự giáo hóa chúng sinh mà nhận lấy cõi nước thanh tịnh, vì để làm lợi ích mọi chúng sinh. Ví như có người muốn xây dựng cung thất ở nơi đất trống thì tùy ý không chướng ngại, nhưng muốn xây dựng ở nơi hư không rất cuộc không thể thành tựu. Bồ-tát cũng như thế, vì thành tựu chúng sinh nên nguyện nhận lấy cõi Phật. Nên biết, tâm ngay thẳng, tâm sâu xa, tâm Đại thừa là Tịnh độ của Bồ-tát”.

Pháp sư Tăng Triệu nói: “Sự thanh tịnh của cõi nước phải do chúng sinh, sự thanh tịnh của chúng sinh phải nhờ các hạnh. Hạnh thanh tịnh thì chúng sinh thanh tịnh, chúng sinh thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Đó là lẽ tất nhiên không thể sai khác. Cõi nước không có cong vạy như bản là xuất phát từ tâm ngay thẳng, cho nên nói tâm ngay thẳng là Tịnh độ của Bồ-tát. Tâm ngay thẳng nghĩa là chất trực không xiểm nịnh. Tâm này là cội gốc của vạn hạnh”.

Pháp sư Đạo Sinh nói: “Trồng tâm gieo đức sâu chắc khó nhỏ, đó là tâm sâu xa. Nương vào vạn hạnh mà chuyên chở cả thiên hạ không sót một người, đó là tâm Đại thừa. Ba tâm này là hạnh của người mới học. Muốn hoằng dương đại đạo, trước cần phải ngay thẳng tâm mình; tâm đã chân thật ngay thẳng, sau đó mới có thể vào sâu trong hạnh; đã vào sâu nơi hạnh thì vận dụng rộng lớn không bến bờ. Đây là thứ tự của ba tâm, đủ ba tâm này kể đến tu lục độ, cho tới vạn hạnh”.

Pháp sư La-thập nói: “Tâm ngay thẳng là tâm thành thật, sự bắt đầu của sự phát tâm ở nơi thành thật. Thấu suốt đạo lý gọi là tâm sâu xa, tiến thẳng đến trí tuệ Phật gọi là tâm Đại thừa”.

Kinh Duy-ma nói: “Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là Tịnh độ của Bồ-tát.

Bốn tâm vô lượng⁸⁶, bốn pháp nhiếp hóa⁸⁷ chúng sinh là Tịnh độ của Bồ-tát. Phương tiện là Tịnh độ của Bồ-tát. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo⁸⁸ là Tịnh độ của

⁸⁶ **Bốn tâm vô lượng:** bốn tinh thần phải có của Phật, Bồ-tát để độ khắp vô lượng chúng sinh, làm cho chúng sinh lia khổ được vui.

1. Từ vô lượng: duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh được vui mà nhập vào Từ đẳng chí.

2. Bi vô lượng: duyên vô lượng chúng sinh, tư duy cách làm cho chúng sinh lia khổ mà nhập vào Bi đẳng chí.

3. Hỷ vô lượng: tư duy vô lượng chúng sinh có khả năng lia khổ được vui, trong tâm thâm cảm vui mừng mà nhập vào Hỷ đẳng chí.

4. Xả vô lượng: tư duy vô lượng chúng sinh tất cả bình đẳng, không có oán, thân khác nhau mà nhập vào Xả đẳng chí.

⁸⁷ **Bốn pháp nhiếp hóa:** bốn phương pháp lợi tha để nhiếp phục chúng sinh quay về với Phật pháp:

1. Bố thí nhiếp.

2. Ái ngữ nhiếp.

3. Lợi hành nhiếp.

4. Đồng sự nhiếp.

⁸⁸ **Ba mươi bảy phẩm trợ đạo:** ba mươi bảy pháp trợ giúp việc tu tập. Ba mươi bảy đạo phẩm được chia làm 7 khoa như sau:

1. Tứ niệm xứ:

- Thân niệm xứ: quán sắc thân này đều là bất tịnh.

- Thọ niệm xứ: quán các cảm thọ khổ, vui... thấy đều khổ.

- Tâm niệm xứ: quán thứ tâm này niệm niệm sinh diệt và không thường trụ.

- Pháp niệm xứ: quán các pháp do nhân duyên sinh, không có tính chất tự chủ, tự tại, đó là các pháp vô ngã.

2. Tứ chánh cần:

- Điều ác đã sinh phải trừ hẳn.

- Điều ác chưa sinh không cho sinh.

- Điều thiện chưa sinh phải phát khởi.

- Điều thiện đã sinh làm cho tăng trưởng.

3. Tứ như ý túc:

- Dục như ý túc: hy vọng pháp sở tu được đầy đủ như nguyện.

- Tinh tấn như ý túc: đối với pháp sở tu thì phải chuyên chú nhất tâm, không có xen tạp, được đầy đủ như nguyện.

- Niệm như ý túc: đối với pháp sở tu ghi nhớ, không quên, được đầy đủ như nguyện.

- Tư duy như ý túc: tâm tư duy pháp sở tu, không để quên mất, được đầy đủ như nguyện.

4. Ngũ căn: căn nghĩa là năng sinh, 5 căn này có công năng sinh ra tất cả các thiện pháp.

- Tín căn: tin sâu chánh đạo và pháp trợ đạo thì có công năng sinh ra tất cả các vô lậu thiện định giải thoát.

- Tinh tấn căn: tu theo chánh pháp không xen không tạp.

- Niệm căn: ghi nhớ chánh pháp không quên.

- Định căn: nhiếp tâm không tán loạn, nhất tâm tịch định.

- Huệ căn: quán chiếu các pháp rõ ràng.

5. Ngũ lực: lực là lực dụng có công năng phá ác sinh thiện.

- Tín lực: tín căn tăng trưởng có công năng phá trừ các nghi hoặc.

- Tinh tấn lực: tinh tấn căn tăng trưởng có công năng phá trừ sự biến khác của thân tâm.

- Niệm lực: niệm căn tăng trưởng có công năng phá triệt các tà niệm, thành tựu công đức chánh niệm xuất thế.

- Định lực: định căn tăng trưởng có công năng diệt trừ các loạn tưởng, phát sinh các thiện định.

- Huệ lực: huệ căn tăng trưởng có công năng ngăn chặn các hoặc kiến, tư trong ba cõi.

6. Thất giác phần:

- Trạch pháp giác phần: có công năng giản trạch sự chân, ngụy của các pháp.

- Tinh tấn giác phần: tu các đạo pháp không xen tạp.

Bồ-tát. Hồi hướng là Tịnh độ của Bồ-tát. Thập thiện là Tịnh độ của Bồ-tát.

- Như thế, này Bảo Tích! Bồ-tát thuận theo tâm ngay thẳng thì có thể khởi phát hạnh; thuận theo sự phát khởi hạnh thì được tâm sâu xa; thuận theo tâm sâu xa thì được ý điều phục; thuận theo ý điều phục thì đúng như lời dạy mà thực hành; đúng như lời dạy mà thực hành thì có thể hồi hướng; thuận theo sự hồi hướng thì có phương tiện; thuận theo phương tiện thì làm thành tựu chúng sinh; theo sự làm thành tựu chúng sinh thì cõi Phật thanh tịnh; thuận theo cõi Phật thanh tịnh thì thuyết pháp thanh tịnh; thuận theo sự thuyết pháp thanh tịnh thì trí tuệ thanh tịnh; thuận

-
- Hỷ giác phần: khế ngộ chân pháp, tâm được hoan hỷ.
 - Trừ giác phần: có công năng đoạn trừ các kiến hoặc phiền não.
 - Xả giác phần: có công năng xa lìa cảnh giới niệm trước của sở kiến.
 - Định giác phần: có công năng biết rõ thiền định sở phát.
 - Niệm giác phần: có công năng tư duy đạo pháp mà mình tu.

7. Bát chánh đạo:

- Chánh kiến: có công năng thấy được chân lý.
- Chánh tư duy: tâm không tà niệm.
- Chánh ngữ: lời không hư vọng.
- Chánh nghiệp: trụ trong thiện nghiệp thanh tịnh.
- Chánh mạng: nuôi mạng sống bằng pháp khát thực.
- Chánh tinh tấn: tu các đạo hạnh không xen tạp.
- Chánh niệm: chuyên tâm nhớ nghĩ thiện pháp.
- Chánh định: thân tâm tịch tĩnh, chính trụ trong lý chân không.

theo trí tuệ thanh tịnh thì tự tâm thanh tịnh; thuận theo tự tâm thanh tịnh thì tất cả công đức thanh tịnh".

Pháp sư La-thập nói: "Tâm ngay thẳng là đem tâm chân thành tin tưởng Phật pháp. Lòng tin đã lập, có thể phát khởi sự thực hành các điều lành. Các điều lành đã được tích lũy thì tâm càng sâu xa. Tâm sâu xa kiên cố thì không theo các điều ác, bỏ ác theo thiện gọi là điều phục tâm. Tâm đã điều phục thì gặp việc thiện liền làm, gặp điều thiện liền làm, thì có thể làm việc khó làm; có thể làm việc khó làm thì muôn việc lành đều được đầy đủ; muôn điều lành đầy đủ thì có thể hồi hướng Phật đạo; hướng mà càng tiến là do sức mạnh của phương tiện. Chỗ cốt yếu của phương tiện có ba điều:

- Một: khéo léo tự tu hành không chấp tướng.
- Hai: không chấp vào chỗ chứng đắc.
- Ba: khéo léo giáo hóa chúng sinh.

Đủ ba điều đó thì được Tịnh độ. Cõi nước đã thanh tịnh thì chúng sinh thuần tịnh. Chúng sinh thuần tịnh ắt đồng với đức hạnh của vị chủ giáo hóa. Cho nên nói, thấy đều thanh tịnh".

Các kinh tuy nói rộng về hạnh của Tịnh độ, nhưng chưa trình bày rõ thứ bậc lần lượt của hạnh.

Nay ở đây giải thích rõ ràng, cực kỳ sâu rộng; chẳng thể nhanh chóng vượt qua, cần phải tìm đường lối, thực hành có thứ tự. Thế nên nói, dấu vết của sự phát khởi hạnh bắt đầu từ tâm ngay thẳng. Tâm ngay thẳng chính là tâm chân thật. Tâm này mọi loài ai cũng có, bởi vì tự mê mờ không hay biết đó thôi. Vì thế, Lục Tổ nói: *“Một niệm ngay thẳng chính là Di-đà, một niệm tà hiểm chính là chúng sinh”*. Bởi lẽ, con người ở nơi đời trước ác vô minh hiện hành, miệng nói tâm tôi ngay thẳng mà hành động lại nhiều cong vạy, chìm trong biển khổ không thể thoát ra. Do vậy, đức Phật từ bi thương xót, dùng phương tiện chỉ dạy, đem pháp niệm Phật để dẫn dắt họ, hàng phục tâm loạn khiến họ lìa bỏ con đường tà vạy hiểm nguy trở về nẻo giác ngộ chân chánh, tuy còn là chúng sinh mà được sinh về Tịnh độ. Cho nên, luận *Bảo Vương* nói: *“Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục không thể không trong. Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn trở thành tâm Phật”*. Vì thế, nhân niệm Phật mà hiển bày tâm ngay thẳng, do tâm ngay thẳng mà thực hành các điều lành; do thực hành các điều lành mà được Tịnh độ của Phật. Như thế, há chẳng phải là phương tiện trí lực của Phật Tổ sao?

Pháp sư Tăng Triệu nói: *“Do tích đức nên tâm*

thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì không có đức nào không thanh tịnh”. Pháp sư Đạo Sinh nói: “Công hạnh là nhân thù thắng của Tịnh độ. Công đức là quả nhiệm mầu của Tịnh độ. Nhân quả Tịnh độ vốn là bóng và tiếng vang của tâm”. Cho nên nói: “Muốn được Tịnh độ, phải thanh tịnh tâm mình”. Đó gọi là: “Tiếng hòa thì vang thuận, hình thẳng tất bóng ngay”.

*

Chương 1 **CÔNG PHU TIẾN TU**

Thuyết Tịnh độ duy tâm đã rõ, mọi người đều biết nhưng cần phải đích thực đạt đến, sau đó mới thôi. Muốn chứng đạo này nên lấy lòng tin chân chánh làm cửa vào, lấy việc tu tâm làm hạnh chính yếu. Công hạnh này gọi là Tịnh nghiệp, là tư lương của sự vãng sinh Tây Phương. Hạnh nghiệp này tùy theo sự tu tập của mỗi người. Bởi lẽ, tất cả mọi người sức mạnh có lớn nhỏ, cơ trí có cạn sâu nên hạnh nghiệp chẳng đồng nhau. Người trí căn cơ bậc thượng ngay đây tự ngộ, rõ bản tâm mình, thấy bản tánh mình chính là Di-đà. Đây

tức là cảnh giới Tối thượng thừa không trụ chấp, không nương tựa của Như Lai, chỗ này trong muôn người chẳng có một ai đến được. Kẻ chưa thể đốn ngộ thì cần phải tin chắc Tịnh độ, nhất tâm niệm Phật, lần lượt tiến tu, nương nhờ nguyện lực của Phật Di-đà nhiếp trì, tự mình một lòng chân thật thực hành công phu, thì chắc chắn muôn người không sót một.

Tuy bảo rằng một môn niệm Phật, thật ra ý nghĩa bao hàm vô tận. Thế nên, Tổ sư lập giáo đầu nhiếp mọi căn cơ lợi鈍, có chân thật, có quyền biến, có sâu cạn, có đốn tiệm, ai nấy đều có thể tu trì. Bậc thượng căn tham cứu tọa thiền; trung căn quán tưởng trì niệm, sáu thời lễ bái, ngày đêm tinh chuyên, thậm chí mười niệm cũng được thành công, hoàn toàn ở nơi một lòng thực hiện. Những pháp ấy đều có tướng trạng của sự thực hành, thêm thang thứ bậc, tùy sức hành trì, mọi người đều có thể cùng tiến bước.

Hạnh môn này là con đường thành tựu Phật quả Bồ-đề, cần phải tự tin, tự hành, tự tu, tự độ. Quan trọng ở chỗ lập chí lớn, phát nguyện lớn, tự thực hành công phu, nỗ lực hướng đến trước, chớ cho là dễ dàng. Ví như gánh nặng một trăm hai mươi cân, đến khi tự mình gánh được mới là xong việc. Quyết định chẳng ở nơi việc biết thuyết pháp, thể hội đạo, giáo

hóa rộng rãi mọi người; quyết định chẳng ở nơi việc có truyền có trao, làm ra dáng vẻ trên hình thức; quyết định chẳng ở nơi việc thiết lập đạo tràng rộng lớn, đốt nhiều nhang đèn. Bởi vì, chấp nơi sự tướng thì không rõ lý chân chánh, thuận theo thịnh sắc ắt trái ngược với tông chỉ chân thật. Ví như đếm tiền của người mà tự mình không có nửa đồng, bán thuốc hay mà không tự cứu được bệnh của mình. Thế nên, Tổ sư Huệ Viễn nói: “Người đạt được ý chỉ giống như ngọn đèn sáng trong căn nhà tối. Người chẳng rõ ý chỉ tức đồng với kẻ chấp ngón tay không thấy mặt trăng”. Sao chẳng tỏ ngộ vô tâm là chánh, động niệm đều tà? Mặt trời trí tuệ ẩn lấp trong mây mù, gương tâm phủ mờ bởi khách trần bụi bặm. Do đó, ý niệm rong ruổi, tình dục lăng xăng, dây dưa không dứt, càng ngăn chặn càng khởi lên nhiều. Kẻ rơi vào vô ký chỉ ngưng trệ chỗ ngơ ngáo, hiếm lắm mới có được người tương đối tốt nhưng lại đồng với kẻ tà mạn không sao chỉ dẫn, khó nói về chánh định. Họ chẳng mong cầu vào nơi pháp giới, mãi mãi ở trong lồng chậu trần lao.

Phàm người tu Tịnh độ, rõ ràng muốn chống lại sinh tử, không phải chỉ nói liền xong. Nên nghĩ đến vô thường mau chóng, thời gian chẳng đợi người, cần phải làm cho được một việc này. Nửa tiến nửa lùi,

lúc tin lúc nghi, rốt cuộc làm được việc gì? Sao có thể thoát khỏi luân hồi?

Nếu tin được thì từ hôm nay trở đi, nên phát khởi tâm đại dũng mãnh, đại tinh tấn. Đừng hỏi rằng thể hội hay không thể hội, thấy tánh hay không thấy tánh, chỉ cần nắm chặt một câu Nam mô A-di-đà Phật như dựa vào ngọn núi Tu-di⁸⁹ chẳng lay động. Phải chuyên tâm nhất ý, hoặc tham cứu niệm Phật, quán tưởng niệm Phật, nghĩ nhớ mà niệm, hoặc dùng pháp thập niệm; hoặc mặc niệm, chuyên niệm, buộc niệm, lễ niệm. Tâm an trụ nơi danh hiệu Phật, thường nhớ thường niệm, sáng cũng niệm, tối cũng niệm, đi

⁸⁹ Tu-di: vốn là tên núi trong thần thoại Ấn Độ, được sử dụng trong vũ trụ quan Phật giáo, cho rằng đây là ngọn núi cao, đứng sừng sững ở chính giữa một Tiểu thế giới. Lấy núi này làm trung tâm, chung quanh có tám lớp núi, tám lớp biển bao bọc mà hình thành một thế giới (thế giới Tu-di).

Vũ trụ quan Phật giáo chủ trương vũ trụ do vô số thế giới cấu thành, 1000 thế giới gọi là một Tiểu thiên thế giới, 1000 Tiểu thiên thế giới gọi là một Trung thiên thế giới, 1000 Trung thiên thế giới gọi là một Đại thiên thế giới. Hợp cả Tiểu thiên, Trung thiên và Đại thiên lại gọi chung là Tam thiên đại thiên thế giới, đây tức là một phạm vi hóa độ của một đức Phật. Tầng dưới cùng của mỗi một thế giới là một lớp khí, gọi là Phong luân; Trôn Phong luân là một lớp nước, gọi là Thủy luân; trên Thủy luân là một lớp vàng, có thuyết nói đá cứng, gọi là Kim luân; Trên Kim luân tức là đất đai do núi, biển, các đại châu... cấu tạo thành. Núi Tu-di ở giữa thế giới này.

cũng niệm, ngồi cũng niệm, không để tâm luống qua, câu niệm Phật chẳng rời tâm. Ngày ngày giờ giờ đừng buông bỏ, miên mật khít khao như gà ấp trứng, thường giữ cho hơi ấm nối tiếp nhau, như thế tức là tịnh niệm tiếp nối. Lại thêm dùng trí tuệ chiếu soi, thì biết Tịnh độ tức là tự tâm. Đó chính là công phu tu tiến của bậc thượng trí vậy.

Như thế, nắm chặt được, làm chủ được, nương tựa được ổn thỏa, dù gặp cảnh giới khổ vui, thuận nghịch ở trước mắt nhưng vẫn chỉ niệm Phật A-di-đà, không có một niệm tâm thay đổi, không có một tâm niệm thối lui biếng trễ, không còn một niệm xen tạp, cho đến trọn đời mãi không có niệm nào khác, quyết định cầu sinh về cõi Cực Lạc Tây Phương.

Nếu quả thật dụng công được như thế thì vô minh từ bao kiếp, nghiệp chướng trong sinh tử tự nhiên tiêu tan, tập khí phiền não trần lao tự nhiên hết sạch không còn sót. Tận mắt thấy Phật A-di-đà chẳng lìa tâm niệm, công thành hạnh mãn, nguyện lực trợ nhau, đến khi mạng chung quyết định sinh về Thượng phẩm.

Nếu như sức mạnh chưa đủ, nên tùy theo khả năng của mình mà tu tập. Chưa thể chuyên nhất thực hành công phu, cũng phải sớm tối lễ niệm; dù cho việc nhà bận rộn vẫn không quên mười niệm xưng

Thích Minh Thành dịch

danh. Mỗi ngày dụng tâm mạnh mẽ chuyên cần, tích lũy công hạnh, phát nguyện phát tâm, thế hoàn tất trong đời này đồng lên cõi Tịnh.

Như thế, thật đáng gọi là:

Sông đều chảy ra biển

Mây nhất định về non.

*

Chương 2

LÀM ĂN NUÔI SỐNG TRỢ ĐẠO

Bồ-tát tại gia, bậc Cao lưu niệm Phật, nếu hàng ngày đi đến dự tiệc trai ở nhà tín thí, ngồi hưởng sự cúng dường của Người, Trời, như thế đều không hợp với lẽ thường. Chẳng bằng vẫn lo kế sinh nhai mà có tâm tu hành, lẽ nào lại trở ngại việc làm? Hoặ gieo giống làm ruộng, hoặ kinh doanh nơi phố thị, hoặ giàu có của cải, hoặ mỗi ngày tìm cầu chút ít. Nên suy tư, chuyên cần thì không lười biếng, kiệm ước ắt có dư, lấy đó tu thân mới là Phật tử. Nếu như xa hoa lười biếng, kinh tế thiếu hụt, tuy muốn tu hành cũng

không được. Tin tưởng và biết rõ việc sửa trị nước nhà, làm ăn nuôi sống đều thuận với chánh pháp, công xảo kỹ nghệ thấy là lợi ích chúng sinh.

Muốn tu chánh nhân Tịnh nghiệp, nên lấy việc làm ăn để hỗ trợ đạo. Lão Hoàn ở Đàm Châu thường đập sắt để tu hành, cư sĩ Bàn Uẩn bán vớt tre mà dưỡng đạo; Dụ Di-đà họa tượng làm nghề nghiệp; Đới Phật Am bán thuốc nuôi thân.

Như thế, thật đáng gọi là: “*Một ngày không làm, một ngày không ăn*”.

*

Chương 3

LÀM PHƯỚC TRỢ DUYÊN

Có đệ tử tu Tịnh nghiệp hỏi Đại sư Từ Chiếu rằng:

- Đệ tử chuyên tu Niệm Phật Tam-muội, có thể thực hành thêm bố thí, trì giới, cúng dường, làm phước chăng?

Sư đáp:

- Ông có thể chuyên niệm Phật A-di-đà nhưng không trì giới thì có tội hủy phạm; nếu không bố thí thì tăng trưởng nghiệp tham lam keo kiệt; nếu không cúng dường Tam Bảo thì có nghiệp ngã mạn; nếu không cung kính tất cả mọi người thì có tội khinh thường kẻ khác. Hủy phạm đọa vào địa ngục, tham lam keo kiệt đọa vào ngạ quỷ, ngã mạn thường ở trong đường ác, khinh người đời đời nghèo hèn. Bị những nghiệp ác ấy ngăn che mà muốn sinh về Tịnh độ đâu thể được! Người niệm Phật như thế ví như gieo hạt trên đất khô mà mong thu hoạch, làm sao có được? Thế nên, Pháp sư Tăng Triệu nói: *“Hữu vi tuy giả dối nhưng nếu vứt bỏ thì Phật đạo khó thành. Vô vi tuy chân thật, nếu chấp vào thì trí tuệ không tỏ sáng”*.

- Nay, ông muốn tu Niệm Phật Tam-muội để được vãng sinh Tịnh độ, mau chóng thành tựu quả Phật Bồ-đề, cần phải chuyên lấy niệm Phật làm chánh hạnh, lại tu phước đức làm trợ hạnh. Sớm tối thường chuyên cần cúng dường Tam Bảo, lễ bái, sám hối, bố thí, trì giới, làm trong sạch ba nghiệp, tăng trợ duyên thanh tịnh, chớ làm các điều ác, thực hành mọi việc lành, tất cả căn lành tu tập thấy đều hồi hướng Tịnh độ, thành tựu công đức niệm Phật, nhanh chóng chứng ngộ Bồ-đề.

Như thế, thật đáng gọi là: “*Đi thuyền nước xuôi, lại thêm đôi chèo tốt*”.

*

Chương 4 **BỎ ÁC LÀM LÀNH**

Trong *Tịnh Độ Thập Môn* dạy rằng: “*Người tu Tịnh độ phải bỏ ác làm lành mới thành tựu được công đức*”. Nếu người tuy niệm Phật Di-đà, nhưng tâm tật đố mạnh mẽ, gọi là “*dấu dao nhọn trong lòng*”. Người này lúc lâm chung, toàn thân đau nhức như ngàn mũi dao đâm vào mình. Hoặc nói ta có thể trì giới, người kia không làm được; ngạo mạn đối với sư tăng; chê bai, xem thường tất cả mọi người thì hiện đời tổn phước đoản thọ, bị bệnh lao, thổ huyết mà chết. Nếu người niệm Phật trần cấu chưa sạch, khi niệm ác sinh khởi phải lập tức tự kiểm điểm. Hoặc có tâm tham lam keo kiệt, tâm sân hận, tâm si ái, tâm tật đố, tâm dối trá, tâm nhân ngã, tâm cống cao, tâm nịnh hót, tâm tà kiến, tâm khinh mạn, tâm kia đây và tất cả tâm bất thiện sinh khởi, đều do sự đắm nhiễm từ các cảnh

giới thuận nghịch.

Nếu lúc chúng sinh khởi, cần phải gấp rút to tiếng niệm Phật, nhiếp vọng niệm trở về chánh niệm, chớ để cho tâm ác tiếp nối. Ngay khi ấy dẹp trừ hết sạch, dứt hẳn không còn sinh khởi trở lại. Tất cả tâm tin sâu, tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng, tâm từ bi, tâm khiêm hạ, tâm bình đẳng, tâm phương tiện, tâm nhẫn nhục, tâm trì giới, tâm hỷ xả, tâm thiền định, tâm tinh tấn, tâm Bồ-đề cùng tất cả tâm niệm lành thường nên giữ gìn. Lại cần phải xa lìa những điều phi phạm hạnh, đoạn trừ luật nghi tà ác, cẩn thận chớ nuôi dưỡng gà, chó, heo, dê, sắn bần, bắt cá, những việc ấy đều không nên làm.

Nên biết, trong cõi nước Cực Lạc, các bậc Thượng thiện nhân do dứt bỏ việc ác làm theo các điều lành mà được sinh về Tịnh độ, không thối chuyển ở nơi đạo Bồ-đề. Người niệm Phật nên học theo Phật, lấy việc bỏ ác làm lành làm điều răn mình. Chỉ hay y theo đây mà tu trì, đó là chánh hạnh của Tịnh độ.

Như thế, thật đáng gọi là:

Gió cuốn, mây tan, tầng không tịnh

Một vầng trăng sáng giữa trời không.

Chương 5

CỨU TÊ NỂ U MINH

Sa-môn Thích tử, Bồ-tát tại gia đã tu Tịnh nghiệp Tây Phương, nên vận dụng lòng từ bi rộng lớn, đúng như pháp tiến tu, khéo làm theo lời Phật dạy, biết rõ nhân quả, phân biệt phải trái, chứa nhóm tư lương phước đức và trí tuệ xuất thế gian, tròn đầy công đức của bậc Đại trượng phu, bậc Đẳng giác⁹⁰, Diệu giác⁹¹. Thế nên, đức Thế

⁹⁰ **Đẳng giác**: cũng gọi Đẳng Chánh Giác, một trong 10 tôn hiệu của Phật. Đẳng giác nghĩa là sự giác ngộ chân chánh bình đẳng, tức giác ngộ chân lý hoàn toàn, chỉ cho sự giác ngộ của chư Phật.

Cũng gọi Đẳng Chánh Giác, Hữu Thượng Sĩ, Nhất Sinh Bồ Xứ, Kim Cương Tâm, Lân Cực.

Về nội dung thì đã ngang bằng với Phật, nhưng về mặt tu hành thực tế còn kém Phật một bậc, gọi là Đẳng giác. Trong 52 giai vị tu hành của Bồ-tát, Đẳng giác ở giai vị thứ 51; trong 6 chủng tánh thì thuộc chủng tánh thứ 5. Đây là giai vị tu hành cùng tột của Bồ-tát.

⁹¹ **Diệu Giác**: một trong 52 giai vị, một trong 42 giai vị tu hành của hàng Bồ-tát Đại thừa, chỉ cho quả Phật rốt ráo giác hạnh viên mãn; bởi thế, Diệu giác cũng là tên khác của quả Phật. Còn gọi là Diệu giác địa, biểu hiện cảnh giới lý tưởng cùng tột. Bồ-tát ở giai vị Đẳng giác đoạn trừ một phẩm vô minh cuối cùng mà được vào giai vị Diệu giác. Ở giai vị này, Bồ-tát đã dứt sạch tất cả phiền não, trí tuệ viên mãn vi diệu, đã giác ngộ lý Niết-bàn.

Khi phân tích sự sai khác giữa giai vị Diệu giác của Biệt giáo và Viên giáo, Thiên Thai tứ giáo nghi cho rằng, vị Diệu giác của Biệt giáo hiện

Tôn răn dạy nhiều lần: “Các đệ tử của ta tùy ở nơi nào thì nên bố thí giáo pháp và thức ăn, cứu tế tất cả loài hữu tình trong pháp giới, giải trừ nỗi cực khổ đói khát của chúng sinh, giáo hóa khiến họ đồng tiến đến Bồ-đề. Nếu không bố thí thức ăn thì không có tâm từ bi, người ấy chẳng phải đệ tử của ta mà là đồ chúng ác”.

Trong kinh có nói rõ ràng: “Xét kỹ tất cả chúng sinh không rõ tự tánh nên sinh khởi tham lam, tật đố, sân hận, ngu si. Trong các loài Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh bị đói khát nung nấu, ưu sầu khổ não, ở trong đêm dài tăm tối, dù mong cầu ra khỏi nhưng chẳng biết đến bao giờ. Xét theo lý, mọi chúng sinh là cha mẹ đời trước của ta. Như lời Phật nói, họ đều là kẻ oán người thân của chúng ta trong nhiều kiếp. Thế nên, vận dụng lòng từ bi của Quán Âm, tu tập hạnh nguyện Phổ Hiền, thế đều cứu tế tất cả giúp thoát khỏi trầm luân. Người có khả năng thì thiết lập trai đàn cúng dường, người không có khả năng thì trì chú thí thực, phóng sinh. Công đức của việc thí thực thù thắng rộng lớn vô biên, đầy đủ những

báo thân viên mãn, ngồi ở tòa Đại Bảo Hoa Vương dưới cây Bồ-đề thái bảo trong thế giới Liên Hoa tạng, vì các Bồ-tát độn căn mà quay bánh xe pháp vô lượng Tứ đế. Còn vị Diệu giác của Viên giáo thì thành tựu pháp thân thanh tịnh, ở trong cõi Thường Tịch Quang, lấy hư không làm tòa ngồi.

lợi ích nhiệm mầu nói không thể hết. Nay nêu sơ lược vài điều bày tỏ cùng các bậc Hiền nhân rằng:

Vừa phát tâm bố thí, hạnh vi diệu toàn bày, đầy đủ Tam đàn, tu trọn Lục độ, lợi mình lợi người, tự giác giác tha. Khéo tập hợp phước đức và trí tuệ xuất thế, mãi làm tư lương Tịnh độ, bồi đắp nền tảng rộng lớn, thành tựu thể dụng trọn vẹn. Cho đến việc chôn lấp xương khô, mai táng tử thi vô chủ, vì mọi u hồn thay thế tổ bày sám hối; bắc cầu, đào giếng, giúp đỡ khách vắng lai; ả thực, tiền tài tùy sức mình mà ban ân bố thí. Mỗi khi thấy người nghèo túng cơ hàn, thống thiết xót thương, đến như người già cả cô độc bệnh hoạn, càng thêm thương xót, thường tìm cách giúp đỡ, uyển chuyển vận dụng lòng từ bi chân thật.

Phàm tu tất cả căn lành đều nguyện chúng sinh thành Phật, đem việc lợi ích thù thắng ấy hướng về Tây Phương, mong mọi loài hữu tình cùng lên bờ giác. Thế nên, do trong nước rối loạn mà Lương Võ Đế tu nghi Thủy lục, Tam tạng Bát Không có pháp cứu tế cô hồn”.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một trận mưa khắp cùng pháp giới
Bao tâm hồn khô khát thấm tươi.*

*

Chương 6

PHÓNG SINH

Muốn tiến đến Bồ-đề, tâm từ bi là căn bản. Phàm tu Tịnh nghiệp, lấy việc cứu tế sinh vật làm đầu.

Xét các loài phi cầm, tử thú, thủy tộc cá tôm, hoặc mắc vào lưới, hoặc bị nhốt trong lồng chậu, xô mang bẻ cánh, buộc chân treo ngược. Đem chúng đến chỗ nước sôi lửa đốt, dao bén kề trên cổ, lo buồn sợ hãi, kinh hoàng hoảng hốt, trông trời mây mà hồn tiêu, nhớ suối rừng mà phách lạc. Tuy biết muôn phần chết, nhưng vẫn hy vọng một cơ hội sống còn, mắt nhắm lệ kêu thương cầu cứu vãn. Cho nên, đệ tử Phật thương xót, đem tiền của để chuộc sinh mạng, mở lồng thả chậu, cắt dây mở trói, thấp hương rải nước, chấp tay chú nguyện, việc pháp thí đã hoàn tất vui vẻ thả chúng, hoặc thả xuống ao, hoặc thả về rừng núi, đều do Phật đạo mà khai triển lòng từ bi, cho đến trên thì đối với con người, dưới thì thấm nhuần loài trùng kiến.

Nếu hay cứu tử, cần phải phóng sinh, đã phóng sinh tự nhiên trường thọ. Nhờ sự lợi ích thù thắng

này, hồi hướng Tây Phương, nguyện khắp cả chúng sinh đồng thành Phật đạo. Cho nên, Trưởng giả Lưu Thủy cứu sống đàn cá; Sa-di hộ mạng bầy kiến; Trịnh Xương Đồ thiêu đốt lưới giăng; Thiên sư Trí Khải lập ao phóng sinh; Dương Bảo chữa bệnh cho chim sẻ; Mãn Trọng thả tôm hến; Tổ sư Nguyên có bài tụng về giới sát; Thiên sư Mãn giảng thuyết về phóng sinh.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Ân cần vì mở mối Đỉnh hương
Nở thắm trên cành xuân tự tại.*

*

Chương 7

LỤC ĐỘ VẠN HẠNH ĐỒNG TU

Lục độ là sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ. Nếu người niệm Phật chuyên tu Tam-muội, học pháp xuất thế gian thì cần phải đạt đến chỗ thiện tốt cùng. Phải biết, Lục độ vạn hạnh chẳng ra ngoài nhất tâm, ở trong nhất tâm đầy đủ tất

cả pháp. Ví như tắm trong biển cả thì đã dùng nước của mọi dòng sông; như muôn loại hương làm thành viên, nếu đốt một viên thì đầy đủ các mùi hương; như người lấy vật báu, được hạt châu vương Như Ý thì tất cả các vật báu phát sinh vô tận. Tại sao biết điều đó? Vì nắm giữ một câu A-di-đà Phật nên được Tam-muội. Trong một niệm tương ứng với Lý thể, các pháp hiện tiền, Lục độ vạn hạnh thủy đều đầy đủ.

Bố thí thì tâm không nhiễm trước, Trì giới thì không khởi vọng duyên, Nhẫn nhục thì năng sở đều quên, Tinh tấn thì tâm không gián đoạn, Thiền tịnh thì động tĩnh đều lặng lẽ, Trí huệ thì chẳng thiết lập tư hào. Ở trong một độ phát sinh vô lượng độ, trong mỗi một độ như mạng lưới của Đế Thích. Chỉ cần biết nhất tâm vốn rộng lặng, tự nhiên vạn hạnh đầy đủ. Thế nên, tám muôn bốn ngàn pháp môn, tám muôn bốn ngàn trí tuệ, tám muôn bốn ngàn công đức, đều từ một tâm niệm Phật mà ra. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ-tát Hiền Thủ nói: “*Phật tử ở trong tất cả thời, khéo dùng tâm mình thì được tất cả công đức thù thắng vi diệu*”.

Như thế, thật đáng gọi là:

Một tánh viên thông tất cả tánh
Một pháp chứa đựng tất cả pháp.

Chương 8

ĐẠI SĨ DUY-MA DẠY TÁM PHÁP TỊNH ĐỘ

Kinh *Duy-ma* nói: “Chư Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương hỏi:

- Bồ-tát thành tựu mấy pháp, ở thế giới này hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh độ?

Ngài *Duy-ma-cật* đáp:

- Bồ-tát thành tựu tám pháp, ở thế giới này hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh độ.

Tám pháp ấy là:

1. Làm lợi ích chúng sinh không mong cầu đền đáp.
2. Thay thế chúng sinh chịu mọi khổ não, làm mọi công đức đều ban cho chúng sinh.
3. Tâm đối với chúng sinh bình đẳng, khiêm hạ, vô ngại; đối với chư Bồ-tát xem đồng như chư Phật.
4. Những kinh chưa nghe, khi nghe chẳng nghi ngờ.
5. Không trái ngược với hàng Thanh văn.

6. Không tật đố đối với sự cúng dường của người khác.

7. Không xem trọng lợi ích của mình, ở nơi đó điều phục tâm mình.

8. Thường tỉnh xét lỗi mình, không bàn cãi điều dở của người, thường dùng nhất tâm cầu mọi công đức.

Đó là tám pháp giúp cho hạnh không lỗi lầm, được sinh về Tịnh độ.

*

Chương 9

SƠ SÁNH SỰ KHÓ DỄ CỦA VIỆC TU HÀNH

Cõi Uế trước Ta-bà bao nỗi khổ tập hợp nên cầu đạo khó thành, Tịnh độ Lạc Bang các điều lành hội tụ dễ lên ngôi Bất thối. Người xưng danh hiệu thì chư Phật hộ niệm được vãng sinh, kẻ phát tâm Bồ-đề thì ánh sáng của Phật Di-đà chiếu soi, nhờ đó được thăng tiến. Bồ-tát, La-hán cùng làm bạn; nước chim, cây rừng thấy đều niệm Phật; bên tai thường nghe diệu pháp, trong lòng

dứt hẳn tham sân, vui vẻ vô cùng, tuổi thọ vô lượng, vừa sinh về cõi ấy liền được vào hàng Bất thối. Há lại so sánh trong cõi Trời, Người, chạm mắt có nhiều điều thuận nghịch! Trên con đường Quyền thừa, căn lành hiếm khi trọn vẹn; bậc Tam Hiền chưa lên Sơ địa⁹² còn chưa thấy đạo nên mất chánh niệm; ngài Xá-lợi-phất đã vào hàng Lục trụ⁹³, lúc gặp ác duyên còn thối tâm. Thế nên, trên hội *Pháp Hoa* có năm ngàn người bỏ đi; trong kinh *Bảo Tích*, người thối thất đạo tâm rất nhiều. Xét trong thời có Phật còn vậy, huống gì đời nay!

Trong *Hoa Nghiêm Hợp Luận* hỏi rằng: “*Như kinh Niết-bàn* nói:

- *Chỉ nghe hai chữ “thường trụ” còn không đọa*

⁹² **Sơ địa**: tức Hoan hỷ địa, là một trong mười địa của Đại thừa Bồ-tát. Bồ-tát đã đầy đủ công hạnh của một sơ A-tăng-kỳ kiếp, mới chứng đắc Thánh tánh, vì đã phá trừ rồi kiến hoặc, tỏ được lý ngã không, pháp không nên sanh lòng hoan hỷ, gọi hoan hỷ địa.

⁹³ **Lục trụ**: Sáu giai vị tu hành của Bồ-tát. Quả vị do Bồ-tát chứng được ở 6 giai vị này đều không bị thoái thất nên gọi là Trụ. Đó là:

1. Chứng tánh trụ: Thập trụ, Thập hạnh.
2. Giải hành trụ: Thập hồi hướng.
3. Tịnh tâm trụ: Sơ địa.
4. Hành đạo tích trụ: từ Nhị địa đến Thất địa.
5. Quyết định trụ: từ Bát địa đến Cửu địa.
6. Cứu cánh trụ: Thập trụ.

địa ngục trong bảy kiếp. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Giả sử nghe danh hiệu Như Lai và lời thuyết pháp mà không tin hiểu cũng có thể trở thành hạt giống Phật pháp”. Tại sao bậc Lục trụ và Bồ-tát chưa lên Sơ địa còn thối chuyển?”.

Đáp rằng:

- Từ hàng phàm phu bước vào đạo, chưa thành tựu sự hiểu biết thù thắng, chưa được cho là được, lại phát sinh kiêu mạn, chẳng gần bạn lành, không kính người hiền, vì lười biếng giải đãi nên ở trong loài Người, Trời theo duyên thuận nghịch vừa khởi niệm ác liền thành địa ngục.

Nếu lòng tin thuần nhất không kiêu mạn, thường mong cầu bạn lành thì không có lỗi lầm đó. Tại sao? Vì trong giáo lý quyền biến, hàng Lục trụ và bậc Tam Hiền chưa lên Sơ địa đều chưa thấy đạo, mọi hạnh nghiệp tu tập đều là hữu vi, chỉ có thể điều phục vô minh, người có sức mạnh thì không thối thất. Lên Bát địa mới được vào vô công dụng hạnh”.

Thế nên biết, bậc Tam thừa trải qua A-tăng-kỳ⁹⁴ kiếp công hạnh không thành, môn

⁹⁴ **A-tăng-kỳ kiếp**: là một đơn vị số lượng của Ấn Độ, là số cực lớn chẳng thể tính đếm được. Theo cách tính thì một a-tăng-kỳ có một nghìn vạn vạn vạn... triêu.

niệm Phật trong khoảng khảy móng tay liền lên bậc Bất thối. Vì thế, người sinh Tịnh độ chỉ có thiện không có ác; quả vị không thối chuyển nên quyết định thành Phật. Kinh A-di-đà nói: “*Những chúng sinh sinh về cõi nước Cực Lạc đều là bậc Bất thối chuyển*”, chính là nói nghĩa này.

Than ôi! Người mới phát tâm tu hành, lòng tin còn cạn cợt, nếu chẳng có tha lực khó mà tiến tu. Thệ nguyện của Phật sâu rộng, chỉ cần có duyên đều được nhiếp thọ. Nên tin, học đạo các môn khác như kiến bò lên non cao, vãng sinh Tịnh độ tựa đi thuyền xuôi buồm thuận gió. Phật Di-đà tiếp dẫn tiến thẳng đến Bồ-đề, các bậc Thánh nắm tay vượt qua ba cõi. Thượng phẩm thì lên quả Phật, Hạ sinh còn hơn thiên cung. Thế nên, tin khắp cả chớ nghi ngờ, cùng nhau tiến tu không thối chuyển.

*

Chương 10

NGÀI THIÊN THAI KHAI THỊ HAI HẠNH MÔN: CHÁN NẢN VÀ ƯA THÍCH CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

Trong *Thập Nghi Luận* nói: “*Muốn sinh về Tịnh độ phải đầy đủ hai hạnh: chán nản và ưa thích*”

❖ Chán nản xa lìa:

- *Thường quán xét thân này, máu mủ, phân tiểu, nhơ nhớp hôi tanh.*

1. *Quán xét người đời từ tình dục tham ái mà sinh ra, đó là hạt giống bất tịnh.*

2. *Quán xét sự hòa hợp của tinh huyết cha mẹ, đó là sự thọ sinh bất tịnh.*

3. *Khi trong thai mẹ tức là trú xứ bất tịnh.*

4. *Chỉ dùng máu huyết của mẹ làm thức ăn, tức là sự ăn uống bất tịnh.*

5. *Mười tháng đầy đủ, từ sản môn mà sinh ra tức là chỗ sinh bất tịnh.*

6. *Trong thân thể chỉ là máu huyết, tức là toàn*

thân bất tịnh.

7. Sau khi chết sinh thối rã rời, tức là rớt ráo bất tịnh.

Quán thân mình đã vậy, xét mọi người cũng thế. Kế đến, quán xét về cảnh giới như uest nơi Ta-bà đủ các thứ khổ tập hợp: sinh, già, bệnh, chết, nỗi khổ về oán ghét mà gặp gỡ, nỗi khổ về thương yêu mà xa lìa, ưu bi phiền não, ba đường⁹⁵ tám nạn⁹⁶, sáu nẻo luân hồi; đất, nước, gió, lửa vô thường bại hoại; tham, sân, si, mạn gặp cảnh sinh tâm. Cần phải chán nản xa lìa, vừa phát sinh ý chán nản xa lìa thì Tịnh độ ắt được thành tựu.

❖ Hạnh ưa thích:

Cầu sinh Tịnh độ là vì muốn giải cứu tất cả sự đau khổ cho chúng sinh. Thế nên, phát khởi tâm ưa thích Tây Phương Tịnh độ, trăm thứ báu trang nghiêm, đất vàng, rừng ngọc, ao hoa lấp lánh, thần thông tự tại, tùy ý dạo đi các cõi nước, dứt hẳn sinh tử, không còn phiền não. Phật A-di-đà tướng hảo sáng ngời, tự nhiên tỏ ngộ pháp môn, y phục và thức ăn tự nhiên hóa hiện. Tịnh độ có nhiều sự vui vẻ, cho nên cần phải ưa thích”.

⁹⁵ Ba đường: Địa ngục, Nga quỷ, Súc sinh.

⁹⁶ Xem chú thích trang

Chương 11

ĐẠO TRÀNG TỊNH NGHIỆP

Tĩnh nghiệp là hạnh vi diệu vô tướng vô vi, là tông nhiệm mầu không nhiễm không vướng mắc. Đạo tràng là chỗ trụ trì của chư Phật trong ba đời, là cảnh giới của đạo giác ngộ chân chánh Bồ-đề. Lẽ nào, danh tướng số lượng lường xét được? Chẳng phải là sự trình bày của trí thức năng sở. Đạt được ý chỉ thì lấy thành kính làm trang nghiêm, lấy hạnh nguyện làm khuôn phép. Cho nên, trong kinh *Duy-ma* khai thị về các tướng trạng của đạo tràng; Liên Xã của Tổ sư Huệ Viễn có lời tựa về tiết độ. Vì vậy, người hiểu ý nghĩa này vào nơi thật tướng, cảnh trí hợp nhất, Sự Lý đồng hành, đốt hương Ngũ phần Pháp thân⁹⁷, thấp đèn trí tuệ sáng ngời, dứt suy bật nghĩ, gọi đó là trì trai thanh tịnh.

Bảo rằng trang nghiêm nghĩa là cúng dường bình đẳng; đi, đứng, ngồi, nằm chẳng rời đạo tràng, nhất cử nhất động đều là Phật sự. Niệm niệm Di-đà xuất thế, tâm tâm Bồ-tát phóng quang; mỗi hạnh đều

⁹⁷ Ngũ phần Pháp thân: Giới Pháp thân, Định Pháp thân, Huệ Pháp thân, Giải thoát Pháp thân và Giải thoát trí kiến Pháp thân.

là Tây Phương, mỗi bước đều lên Bảo sở, không có một pháp nào mà chẳng là chánh pháp; nói một lời đều là viên âm, khởi một niệm thiên long hộ trì, hành một lệnh ma vương vỡ mặt. Thế thì, một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, đó gọi là cúng dường pháp lên Như Lai một cách chân chánh. Luận về công đức thì vô lượng vô biên, luận về quả báo thì khó nghĩ khó bàn. Lấy đó mà cầu phước, có phước nào không đạt được; lấy đây độ sinh, tất cả chúng sinh đều được độ. Đó gọi là công đức chân thật, đó gọi là đạo tràng Tịnh nghiệp.

Than ôi! Hiện nay, vào thời mạt pháp, có những kẻ si mê không cứu xét tâm mình, không biết nghĩa lý Phật dạy, chấp trước ngoại cảnh cho là thật, một mực bám vào hình tướng tu hành. Bên đây lập mấy hội đạo tràng, bên kia đốt mấy cân nhang đèn, chỗ nọ giáo hóa bao nhiêu người sám hối thọ giới, lúc nào hóa duyên được bao nhiêu. Lại xưng rằng ta là kẻ truyền tông của đạo sư này, họ là đồ đệ của sư trưởng nọ, kia hiện là chữ Phổ, đây là tông chữ Giác. Chẳng suy xét cội gốc từ đâu mà phát xuất, ai nấy lo cạnh tranh theo cành lá, chẳng thích hợp với lẽ phải.

Lại còn tiếng Hán tiếng Hồ (Ấn Độ), hễ động đến liền cho đây là đúng, cho kia là sai. Giải thích

bừa bãi về kinh Phật, bí mật trao truyền giáo lý tà
ngụy. Đánh trống miêng, đùa giỡn nơi công án của
người xưa, tranh ngã tranh nhân, luận cao luận thấp,
lượm thượm không ít, để xấu thêm nhiều. Chẳng biết
hổ thẹn lo sợ nên mới làm bừa như thế! Họ làm cho
đạo chân thật Tịnh độ biến thành một trường tạp
kịch, lấy danh hiệu Di-đà vạn đức làm thành lời ca
phù phiếm; đánh mất tông chỉ của Tổ sư, đặt giáo
môn của Liên tông vào chỗ ngu dốt. Người thấu đạt
âm thầm bi thương, kẻ hiểu biết xem thời kinh ngạc.

Lại có những kẻ đánh gõ nao bực, niệm tụng
chân ngôn, pha trộn sự ứng phó của thầy cúng, chú
nước vẽ bùa, luận bàn họa phước, giống như việc làm
của đồng bóng. Sai khiến chư Thiên, đuổi vong bắt
ma, quả mãng Tam Bảo, trị bệnh đuổi tà, trăm điều
quái lạ, muôn thứ kỳ quặc. Chân bốn ba làm tội tở
cho người, bận rộn lãng xãng; chẳng quản sinh mạng,
chỉ lo rong ruổi theo môn đồ. Khi đọc tụng sai lầm
lộn lạo, lúc lễ niệm rối loạn không còn trật tự; mở
kinh ra thì ngủ gục, xếp kinh lại thì nói chuyện đời.
Cùng nhau tụ tập, cố tình huyễn hoặc người, thành
phe thành nhóm gây âm ĩ. Chẳng xét nhân quả,
không quan tâm đến tội lỗi, mượn pháp môn rộng lớn
của Phật Tổ nhận sự lễ bái cúng dường của Trời,
Người; đẹp vốn là đẹp, tốt thì chưa tốt.

Nếu là người trì giới Phật, ở trong cửa Phật, nên học đạo của Như Lai; tụng kinh Phật, thực hành hạnh Phật mới thấu suốt tâm của Tổ sư. Chưa thể siêu phàm nhập Thánh, chỉ e không có đạo đức xứng đáng để nhận sự cúng dường. Ví như vải lau bàn làm ô uế nơi tự thân, tợ đá mài dao chưa khỏi tiêu mòn nơi bản thể. Nếu có thể giác ngộ, chỉ nên xoay đầu trở lại, ban sơ theo Phật trì trai, rốt cuộc là vì việc gì? Đã không thể cứu vãn sinh tử, chi bằng tự thối lui cảnh tỉnh tu trì, chuyên niệm Di-đà, ân cần cầu mong sám hối. Gần người trí thưa hỏi đạo lý, ở chỗ vắng cứu xét tâm vương, nhanh chóng khiến cho biển nghiệp dứt ba đào, hiển bày ly châu chiếu soi trời đất, thành tựu trọn vẹn chính mình, làm lợi ích rộng lớn cho mọi người.

Nếu gặp đạo tràng ứng cúng chớ nên buông lung xem thường, y theo tiết độ không trái ngược, tuân theo kinh điển, giữ gìn trai giới mà tuân giữ, thực hành đúng pháp, hiện tiền liền được Niệm Phật Tam-muội. Đây là pháp môn an lạc, trên có thể báo đáp bốn ân, dưới có thể cứu giúp ba cõi. Nếu làm được vậy thật chẳng uổng là Phật tử, cũng khỏi cô phụ tánh linh của chính mình. Tín nguyện trợ nhau, sự thực hành và hiểu biết đều đầy đủ. Làm được như thế tức là Phật Di-đà hiện tại, từ đây tu trì quả thật là

Thích Minh Thành dịch

mắt sáng của Trời, Người. Đó là nhân duyên lớn, chẳng phải sự lợi ích nhỏ. Thế hội hay chẳng?

*Non xanh, chốn cao thấy trời rộng
Sen trắng nở, thời nghe nước thơm.*

*

Chương 12

TỰ TU HÀNH VÀ GIÁO HÓA NGƯỜI

Đức Phật nói: “*Mình chưa được độ, trước muốn độ người là sự phát tâm của Bồ-tát. Tự giác đã tròn, lại giác ngộ cho người là Như Lai ứng thế*”. Bởi vậy, Tổ sư Liên tông sáng lập một môn niệm Phật, sự tu hành và hiểu biết phù hợp tương ứng, lợi mình lợi người, giáo hóa mọi loài có phương pháp, dạy người có đạo lý, được tôn xưng là Đạo sư. Ngài chuyên lấy Niệm Phật Tam-muội chỉ dẫn mọi người, khiến cho tất cả vượt thoát thế gian. Do đó, giáo pháp truyền khắp thiên hạ, ai nấy đều kính ngưỡng.

Người làm thầy thời nay không thông suốt đạo lý, hạn cuộc nơi danh tướng, tập hợp nhiều đồ chúng

mà không tu hạnh chân thật. Có danh xưng làm thầy sông mà không có pháp làm mẫu mực cho người, không có đức hạnh mà muốn nhận sự cung kính của mọi người. Thật đáng xấu hổ!

Trong kinh nói: *“Phàm muốn độ người, trước phải độ mình”*.

Kinh *Duy-ma* nói: *“Bệnh mình không thể chữa, sao cứu được bệnh người”*.

Kinh *Địa Ngục Báo Ứng* nói: *“Tự mình không thanh tịnh mà muốn dạy người thanh tịnh, thật là vô lý”*.

Luận Đại Trí Độ nói: *“Ví như có hai người, ai nấy đều có thân thuộc bị nước nhận chìm. Một người gấp rút nhảy liền xuống nước để cứu vớt, vì không có phương tiện nên bị nước nhận chìm. Một người khác có phương tiện qua lấy thuyền bè chèo đến cứu vớt, vì vậy mọi người đều được thoát khỏi nạn chìm đắm”*.

Thế nên, bậc làm thầy có tâm độ người mà không có trí tuệ để độ người, sao có thể khoanh tay ngồi yên? Bụng trống không tâm cao ngạo, không chịu gằn gũ mình sự, chỉ biết ngông cuồng ngã mạn, tiếp nhận sự cung kính cúng dường lễ bái của người. Do tham hư danh mà gieo trồng tai họa thật sự, ví như

phàm phu xứng bữa là Đế vương ắt chuốc lấy tội tru diệt. Đây tức là điều ở trước nói rằng “không có phương tiện mà cứu người”, đâu thể làm càn được!

Nói chung, bậc làm thầy người, muốn độ đệ tử cần phải quán xét nhân địa tu hành của Phật Tổ thuở trước, cội nguồn của việc được đạo, chánh ấn của sự truyền tông. Pháp môn niệm Phật mỗi mỗi khảo cứu rõ ràng, tự tin tự hành, tu trì từng pháp, thành tựu tất cả, đã lợi mình rồi sau đó mới làm lợi ích cho người. Đó là nương thuyền đại nguyện lực của Phật A-di-đà, cứu vớt những chúng sinh chìm đắm trong biển khổ. Mình người đều được lợi ích, vậy chẳng phải là việc nên làm hay sao? Điều này gọi là: người giác ngộ trước giúp cho người sau giác ngộ; tự mình tin pháp môn này, lại dạy cho mọi người cùng tin pháp môn này; tự mình thực hành đạo này, lại dạy cho mọi người cùng thực hành đạo này; tự mình nguyện vãng sinh Tịnh độ, lại dạy người phát nguyện vãng sinh Tịnh độ; tự mình thấy được bản tánh Di-đà, lại dạy cho người thấy được bản tánh Di-đà. Dụng tâm như thế, lẽ nào chẳng phải là hạnh của Bồ-tát?

Thầy trò đều tiếp nhận chánh nhân, đồng thực hành chánh đạo, lần lượt hóa độ đến cùng tận bờ mé vị lai. Tất cả chúng sinh cùng ngộ Phật thừa, cùng

thoát sinh tử, công đức ấy đâu thể dễ dàng suy lường được. Lấy đó để làm thầy người, có gì để ân hận. Nếu không như vậy, hai đường mê ngộ, tà chánh quả báo khác nhau.

Như thế, thật đáng gọi là:

Trong hang sư tử sinh sư tử

Dưới núi chồn hoang sinh ra chồn.

*

Chương 13

DỪNG SỰ VIỆC KIỂM XÉT TÂM

Trong *Tự Hành Lục* của Thiền sư Vĩnh Minh ghi: “*Các bậc Thánh ngày xưa chẳng khoe tài năng, thường nghĩ những bậc Hiền thuở trước cũng chẳng phô bày đạo đức của mình. Song, kinh Phật có lời dạy, trước tự mình tu hành sau mới giáo hóa mọi người. Nhà Nho có nói, tiến cử người thân có tài đức mà không sợ nghi kỵ*”.

Thiền sư thường dạy chúng rằng: “*Nhân xem trong Hoàng Minh Tập, bậc tiên đức có lập ra môn cứu xét ba nghiệp, nói rằng: Nói chung, tâm tự trách*

còn mê mờ nên ý chỉ xác thực chưa bày tỏ, cho nên dùng sự việc để kiểm xét tâm. Mọi việc tu tập đã biết chưa đến đâu, phải càng thêm hổ thẹn. Sao gọi là nghiệm xét?

Kiểm xét thân này, từ sớm đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến mỗi thời mỗi khắc, mỗi phút mỗi giây, xem xét có bao nhiêu tâm, bao nhiêu hạnh, bao nhiêu thiện, bao nhiêu ác, bao nhiêu tâm muốn chế phục phiền não, bao nhiêu tâm muốn hàng phục ma oán, bao nhiêu tâm nghĩ nhớ về Tam Bảo và Tứ đế⁹⁸, bao nhiêu tâm tỏ ngộ lý Khổ, Không, Vô thường; bao nhiêu tâm nghĩ đến báo đáp ân đức từ bi của cha mẹ, bao nhiêu tâm nguyện thay thế chịu khổ cho chúng sinh, bao nhiêu tâm phát khởi nghĩ nhớ về đạo nghiệp của Bồ-tát, bao nhiêu tâm muốn bố thí, trì giới; bao nhiêu tâm muốn nhẫn nhục, tinh tấn; bao nhiêu tâm muốn thiền định hiển bày trí tuệ, bao nhiêu tâm muốn từ bi tế độ chúng sinh trong sáu đường, bao nhiêu tâm muốn khuyến khích gắng sức làm những điều khó làm, bao nhiêu tâm muốn vượt lên để hoàn thành những điều khó hoàn thành, bao nhiêu tâm muốn nhẫn chịu đau khổ

⁹⁸ **Tứ đế:** bốn chân lý khổ, nguyên nhân của khổ, cảnh giới chấm dứt khổ và con đường dẫn đến cảnh giới ấy.

để kiến lập Phật pháp, bao nhiêu tâm muốn làm Phật để hoá độ muôn loài.

Trên đã kiểm xét tâm, kế đến kiểm xét miệng. Thời khắc như trên, từ sáng đến giờ đã diễn thuyết được mấy câu thâm nghĩa, đã xem được bao nhiêu kinh điển, đã tụng hiểu được bao nhiêu văn tự, đã tán thán công đức của Phật được mấy lần, đã hồi hương phát nguyện được mấy lần.

Kế đến lại kiểm xét về thân. Thời khắc như trên, đã lễ Phật được mấy lạy; đã lễ pháp, lễ tăng mấy lần; đã làm việc quét tháp, lau chùa được mấy lần; đã dâng hương, rải hoa, đốt đèn được mấy lần; đã quyết dọn bụi nhơ, sắp đặt những vật dụng cúng dường được mấy lần; đã treo phan, chấp tay, cúng dường được mấy lần; đã cung kính kinh hành nhiều Phật trăm ngàn vòng được mấy lần trong một ngày.

Kiểm xét như thế mới thấy rằng thể hội lý rất ít, trái ngược đạo rất nhiều. Nghiệp trắng sạch không đủ để nói, phiền não trọng chướng um tùm đầy mắt. Sự tối tăm chướng ngại cứ tích lũy thêm nhiều, làm sao giải thoát?

Kiểm xét như trên mới thấy chẳng có công phu để tự cứu mình, sao lại có thời gian rảnh rỗi để luận

Thích Minh Thành dịch

bàn việc thiện ác của người? Thế nên, cần phải dùng ba nghiệp để tự giáo huấn quả trách chính mình, biết rõ những việc làm có bao nhiêu điều lành, bao nhiêu điều dữ. Do vậy, nếu không tự kiểm xét quả trách mình trước thì sao có thể giáo hóa dẫn dắt mọi người. Bởi thế, cho nên Bồ-tát vì độ chúng sinh tự mình phải tu hành trước”.

Kinh Duy-ma nói: “Của cải vô lượng thì thâm nhiếp hóa độ dân nghèo, vâng giữ giới luật thanh tịnh thì thâm nhiếp hóa độ những người phạm giới, dùng nhẫn nhục điều hòa hành vi thì thâm nhiếp hóa độ những người sân hận, dùng đại tinh tấn thì thâm nhiếp hóa độ những người lười biếng, nhất tâm thiền định thì thâm nhiếp hóa độ những người loạn ý, dùng trí tuệ quyết định thì thâm nhiếp hóa độ những người vô trí”. Kinh còn nói: “Tự mình giữ giới mới khuyên bảo người khác giữ giới, tự mình ngồi thiền mới khuyên bảo người khác ngồi thiền”.

Luận Đại Trí Độ nói: “Phật Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni chẳng bỏ phước xỏ kim”. Bồ-tát Long Thọ giải thích rằng: như ông lão trăm tuổi nhảy múa là tại sao? Là vì chỉ dạy cho con cháu.

Huống chi, lúc chưa đạt đến bậc cứu cánh hoàn toàn đều là môn lợi mình. Từ Sơ tâm Thập tín, trải qua

Thập trụ, Thập hạnh⁹⁹, Thập hồi hương¹⁰⁰, Thập địa đến tận bậc Đẳng Giác, đạt đến ngôi vị như Bồ-tát Phổ Hiền gần kề quả Phật vẫn là lợi mình. Môn lợi người là khi lên ngôi Diệu Giác, đến quả vị Phổ Hiền sau khi thành Phật¹⁰¹ mới là hạnh lợi người.

Nhân Thiên sư Vĩnh Minh tự nói, nên ghi chép đôi điều. Hạnh đối trị đã có thể quán xét thì môn nhiếp hóa không thể bỏ. Giới luật và trí tuệ đều tu, quyền biến và chân thật song hành, thể dụng thâm nhiếp lẫn nhau, Sự Lý vô ngại. Nay dẫn bài kệ sau

⁹⁹ **Thập hạnh:** mười hạnh lợi tha mà hàng Bồ-tát từ giai vị thứ 21 đến giai vị thứ 30 phải tu tập. Đó là: 1. Hoan hỷ hạnh; 2. Nhiều ích hạnh; 3. Vô sân hận hạnh; 4. Vô tận hạnh; 5. Ly si loạn hạnh; 6. Thiện hiện hạnh; 7. Vô trước hạnh; 8. Tôn trọng hạnh; 9. Thiện pháp hạnh và 10. Chân thật hạnh.

¹⁰⁰ **Thập hồi hương:** mười địa vị, từ địa vị thứ 31 đến 40 trong 52 địa vị tu hành của Bồ-tát. Đó là: 1. Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hương; 2. Bất Hoại Hồi Hương; 3. Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương; 4. Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương; 5. Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương; 6. Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hồi Hương; 7. Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hương; 8. Như Tướng Hồi Hương; 9. Vô Phược Trước Giải Thoát Hồi Hương và 10. Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hương.

¹⁰¹ **Quả vị Phổ Hiền sau khi thành Phật:** nghĩa là sau khi đã thành Phật còn tu hạnh Bồ-tát giáo hóa làm lợi ích mọi người. Lại sau khi chứng được quả Phật, noi theo đức hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền giáo hóa, làm lợi ích chúng sinh.

Thích Minh Thành dịch

cùng trong Vạn Thiện Đồng Quy Tập để nói rõ sự tu hành viên mãn:

Bồ-đề không phát mà phát
Phật đạo vô cầu nên cầu
Diệu dụng vô hành mà hành
Chân trí vô tác mà tác
Khởi bi tỏ ngộ đồng thể
Hành từ thâm nhập vô duyên
Không xả bỏ mà bố thí
Không giữ gìn mà đủ giới
Tiến tu rõ không chỗ khởi
Tập nhẫn thấu chẳng tổn thương
Bát-nhã rõ cảnh vô sinh
Thiền định biết tâm không trụ
Tổ không thân mà đủ tướng
Chứng vô thuyết mà luận bàn
Xây dựng đạo tràng trắng nước
Trang nghiêm thế giới tánh không
Bày biện vật dụng huyền hóa
Cúng dường Như Lai bóng vang
Sám hối tội tánh vốn không
Khuyến thỉnh Pháp thân thường trụ
Hồi hướng rõ không sở đắc
Tùy hỷ phước bằng chân như
Tán thán ta, người rỗng rang

*Phát nguyện năng, sở bình đẳng
Lễ bái pháp hội ảnh hiện
Hành đạo cất bước chân không
Đốt hương thấu suốt vô vi
Tụng niệm tỏ thông thật tướng
Tán hoa hiển bày không vương
Khởi tay bày tỏ khứ trần
Thực hành Lục độ tiếng vang
Tu tập vạn hạnh không hoa
Thâm nhập pháp tánh duyên sinh
Thường đạo pháp môn như huyễn
Thệ đoạn trần lao vô nhiễm
Nguyện sinh Tịnh độ duy tâm
Bước trên thật tế lý địa
Ra vào vô đắc quán môn
Hàng phục ma quân bóng gương
Làm mọi Phật sự trong mộng
Rộng độ chúng sinh như huyễn
Đồng chứng Bồ-đề vắng lặng.*

*

LIÊN TÔNG BẢO GIÁM
QUYỀN BẢY

Thiên thứ bảy

CHÁNH NGUYỆN NIỆM PHẬT

Lý do trí dẫn đường, hạnh do nguyện hưng khởi. Hạnh nguyện cân bằng thì lý trí gồm đủ, lý trí gồm đủ thì mỗi tâm mỗi niệm đều là Di-đà, mỗi cõi nước mỗi hạt bụi đều là Tịnh độ. Nếu tự mình chẳng có sức mạnh của hạnh nguyện rộng lớn thì làm sao có thể đạt đến chỗ đó?

Muốn mọi người chứng nhập Tam-muội này, cần phải trồng sâu cội gốc ở nơi Tín, Nguyện. Nguyện nghĩa là ưa muốn, muốn sinh về Tây Phương Tịnh độ, muốn thấy Phật A-di-đà nên phát nguyện này, do dựa vào sức đại nguyện tiến thẳng đến cõi

kia. Cho nên, ngài Từ Chiếu nói: “*Luôn luôn phát nguyện ưa thích vãng sinh, ngày ngày nguyện cầu chớ cho thối thất. Nếu không có tâm phát nguyện thì căn lành chìm mất*”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Không phát đại nguyện, đó là việc làm của ma*”.

Cho nên, Bồ-tát Phổ Hiền có nguyện rộng lớn vô biên như biển cả, Phật A-di-đà có lập 48 lời đại nguyện. Thế nên biết, chư Phật trong mười phương, các bậc tiên hiền thuở xưa đều do nguyện lực mà thành tựu đạo Bồ-đề. Không hưng khởi tâm phát nguyện ưa thích thì không thể thành tựu hạnh phát nguyện và ưa thích đó, nên nói pháp môn rộng lớn không có nguyện thì chẳng thành. Đức Phật tùy theo tâm mỗi người đều làm cho họ mãn nguyện. Huống gì chúng ta chuyên tu niệm Phật, nguyện sinh về Tịnh độ, lẽ nào lại không được mãn nguyện hay sao?

Trong *Văn Sám* nói:

*Nguyện tôi không thối tâm Bồ-đề
Nguyện tôi quyết định sinh An Dưỡng
Nguyện tôi mau thấy Phật Di-đà
Nguyện tôi trọn đời không niệm khác
Duy tâm Tịnh độ chẳng rời xa.*

Kinh A-di-đà còn nói: “*Nếu có người tin phải nên phát nguyện, nguyện sinh về cõi nước kia*”.

Trong *Văn Sám* còn nói:

Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Đây gọi là bốn điều nguyện lớn. Vì thế, ngài Từ Chiếu biên tập *Văn Sám*, do sợ mọi người vướng mắc vào Sự, không rõ Lý nên mới nói:

Tự tánh chúng sinh thế nguyện độ.

Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn.

Tự tánh pháp môn thế nguyện học.

Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.

Bốn câu này nói thẳng lý chân thật rõ ràng, để khiến cho tất cả mọi người độ hết thấy chúng sinh vọng niệm ở trong tự tánh. Nghĩa là do những tâm niệm tà mê, tạp tưởng, tham lam, si mê, tật đố, sân hận, ác độc, nên khiến họ phát thế nguyện lớn tự tánh tự độ.

Lại ở trong tự tánh đoạn trừ tất cả phiền não, là tư tưởng tà, ý niệm ác, trần lao nghiệp thức, như mây mù che lấp tự tánh nên ánh sáng chẳng hiện. Vì thế, khiến họ phát thế nguyện lớn, tự đoạn trừ khiến chúng mãi mãi không cho dấy khởi.

Lại ở trong tự tánh tu học tất cả các pháp môn, nghĩa là Niệm Phật Tam-muội, bi trí, hạnh nguyện, vô lượng pháp môn. Cho nên, khiến họ phát thệ nguyện lớn, tự ngộ tự tu, thường không thối thất, tiến thẳng đến Bồ-đề, chẳng để họ được chút ít mà cho là đầy đủ.

Lại ở trong tự tánh tự tin có Phật, phát thệ nguyện lớn thường tự soi xét, tự nguyện thành tựu đạo giác ngộ của Phật.

Đó là tâm lão bà¹⁰² của ngài Từ Chiếu thiết tha mở ra cánh cửa cho người sau một cách rõ ràng. Chỉ cần mỗi người tự tin tự nhận, từ chỗ đó bước vào ngộ Di-đà tự tánh, rõ Tịnh độ duy tâm, vào cảnh giới chư Phật, thành tựu đạo giác ngộ Vô Thượng.

Than ôi! Người tốt lành ở thế gian không biết ý nghĩa này, chỉ hướng ra bên ngoài tìm cầu những thứ khác, chẳng khác nào người cầm thần châu trong tay mà lại đi xin ăn. Như thế, không phải là rất mê lầm lắm sao!

Nguyện khắp cả những người thấy nghe pháp này, lần lượt khuyên bảo nhắc nhở lẫn nhau, càng

¹⁰² **Tâm lão bà:** tấm lòng từ bi tha thiết của Thiền sư tận tình khuyên bảo, hướng dẫn người học để giúp họ lãnh ngộ.

phát khởi chánh niệm, sớm bước lên con đường diệu huyền. Biết ở trước thì ở trước chẳng phải, rõ ở sau thì ở sau là quả vị. Lập chí khí lớn, phấn phát đạo đồng mãnh, phát khởi đại thế nguyện: thế độ vô biên chúng sinh, thế đoạn vô tận phiền não, thế học vô lượng pháp môn, thế nguyện vãng sinh thế giới Cực Lạc gặp Phật A-di-đà, thế cùng tất cả người lành thành tựu trọn vẹn Phật đạo Vô thượng.

Như thế, thật đáng gọi là:

*Không có gió xuân hoa chẳng nở
Hoa tươi phải cảm ơn gió xuân.*

*

Chương 1

KHUYÊN PHÁT ĐẠI NGUYỆN

Ngài Từ Chiếu nói: “*Có hạnh không nguyện, hạnh ấy ắt trở trời; có nguyện không hạnh, nguyện ấy chỉ là nguyện suông. Không hạnh không nguyện thì sống trên cõi đời thật luống uổng; có hạnh có nguyện thì vào thẳng chỗ vô vi. Đây chính là căn bản tu Tịnh nghiệp của Phật Tổ*”.

Xem kỹ thời nay, người có lòng tin bước vào pháp hội, hoặc vì bệnh khổ phát tâm, hoặc vì báo đáp song thân mà khởi ý, hoặc vì bảo hộ gia đình, hoặc vì sợ tội mà trì trai. Tuy có lòng tin nhưng không hạnh nguyện, dù bảo rằng niệm Phật nhưng chẳng thấu suốt cội nguồn.

Phần nhiều mọi người tu tập duyên lành đều vì hoàn thành tâm nguyện nhỏ hẹp, ít có người vì sự sinh tử của chính mình mà phát nguyện niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Thường thường dâng hương đốt đèn nơi đạo tràng, những lời chúc nguyện hồi hướng đều là bày tỏ trước thần minh cầu tiêu trừ tai nạn, kéo dài tuổi thọ mà thôi. Thế nên, trái với ý chỉ của kinh sám, chẳng hợp với bản nguyện của chư Phật, dù cho cả đời tu tập tụng niệm nhưng không hiểu rõ nghĩa lý, dụng công sai lầm, đó gọi là trọn ngày đếm tiền cho người mà tự mình không có nửa đồng xu. Vì vậy, đến khi lâm chung không được vãng sinh Tịnh độ, là vì không có hạnh nguyện.

Lại có một hạng người ngu, theo Phật thọ giới, bèn ở trước Tam Bảo dâng hương thệ nguyện rằng: “Nếu tôi phá giới thì cam chịu bệnh dữ bức bách thân thể, mãi ở trong địa ngục”. Hoặc nói mắt bên trái chảy máu, mắt bên phải ra mủ, tự cam tự chịu giống

như sự cam kết ở nơi quan ty. Thấy phần nhiều họ chỉ nói trên miệng mà không có lòng thành, phá trai phạm giới, tự nguyện chịu quả báo, đau khổ nào kham, cam tâm đẩy mình vào nơi đọa lạc, tự chuốc lấy điềm tan thân mất mạng. Đâu biết rằng, Phật Tổ đại từ đại bi đâu từng dạy người như thế! Đó đều là lỗi lầm của thầy tà, đem lời nguyện rửa làm sự phát nguyện, tại sao quá mê hoặc đến thế?

Tôi từng thương xót khuyên bảo cùng nhau phát nguyện chân chánh cầu sinh Tịnh độ, nguyện cùng nhau thành Phật. Họ liền nói: tôi là phàm phu đâu dám mong về Tịnh độ và muốn thành Phật. Chúng tôi có tâm ấy, lại trở thành vọng tưởng.

Tôi đáp rằng:

- Không phải thế, Thiện tri thức! Phật là giác, tịnh độ là tâm. Tâm này ai cũng có. Giác tức là Phật, mê tức là chúng sinh. Người đời trái với tánh giác, đuối theo trần lao nên xoay vần theo nghiệp duyên thiện ác. Trong ba cõi, bốn loài, sáu đường chịu quả báo tốt xấu, đều do nhận lầm tứ đại làm thân ta, cho sáu trần là có thật, đuối theo cảnh huyễn, ngày đêm trôi nổi, chưa từng có một giây phút phản tỉnh soi sáng lại mình.

Từ lúc sinh ra cho đến già, chỉ lo việc nhà không xong, chẳng vừa lòng với tài sản, càng có nhiều càng mong cầu, càng tham lam càng không thấy đủ. Tuy nói làm lành thờ Phật, lễ bái, tạo phước, dâng hương mà chỉ nguyện vinh hoa phú quý, trường sinh bất tử. Vừa làm được vài điều tốt nhỏ liền nguyện cầu đủ thứ, mong lúa thóc đầy kho, tơ lụa chất đống, con cháu vinh hiển, trâu ngựa đầy đàn; vừa có một việc không vừa ý liền oán trách Phật không phò hộ; mỗi ngày tiền của tăng thêm, chuyện vui luôn đến mới bảo thiên long cảm ứng. Tham lam tính toán như thế chính là vọng tưởng mà tự mình không hay biết, trở lại nói việc niệm Phật cầu sinh Tịnh độ là vọng tưởng. Há chẳng phải rất là điên đảo hay sao!

Phàm nói làm phước thì đều thuộc hữu vi. Bởi lẽ, nhân hữu lậu của thế gian chẳng phải là đạo vô vi xuất thế. Phật tử tu hành nên khéo tư duy. Hôm nay có duyên gặp Phật pháp cần phải cứu xét cội gốc, chớ cạnh tranh trên ngọn cành. Một niệm soi sáng trở lại, tu pháp xuất thế, nguyện bỏ Ta-bà, nguyện sinh Tịnh độ, cũng như kẻ khách ở nơi quê người đã lâu, nghĩ nhớ muốn trở về cố hương. Tâm nguyện sinh Tịnh độ, nguyện thành Phật này, sao đồng với vọng tưởng của phàm phu được! Lẽ nào chẳng thấy trong *Sám Văn* nói:

Thích Minh Thành dịch

*Nguyện tôi lúc mạng sắp lâm chung
Diệt trừ tất cả các chướng ngại
Tận mắt thấy Phật A-di-đà
Liên được vãng sinh cõi An Lạc.*

Như thế, thật đáng gọi là:

*Một mai lạc bước con đường cũ
Mới hay từ trước dụng tâm sai.*

*

Chương 2

LỜI TỰA VÀ KỆ NIỆM PHẬT PHÁT NGUYỆN CỦA TÔNG GHỦ TỬ CHIÊU

Trong Di-đà Tiết Yếu nói: “Việc cấp thiết nhất của người niệm Phật là không khéo tương ứng. Tại sao vậy? Vì tuy bảo trì giới, niệm Phật mà chẳng hề phát tâm nguyện sinh Tịnh độ, như thế đều là chôn vùi năm tháng, tự mất sự lợi ích tốt lành. Nói chung, niệm Phật trước cần phải phát tâm; muốn vượt qua sinh tử, vãng sinh Tịnh độ phải lấy đại nguyện làm chủ ý của chính mình. Thường phải niệm Phật, sớm chiều chuyên tâm lễ bái

Di-đà, như châu Đế vương hai thời không mất. Ngày càng thêm gần gũi, tâm và miệng tương ứng với Phật, cách Phật không xa. Miệng niệm tâm tưởng, tâm nguyện thấy Phật, phát nguyện sâu sắc, tin chắc chắn không nghi ngờ, thảng rộng năm dài, công phu thuần thục, tự nhiên Tam-muội thuần thục. Lúc sắp lâm chung, Phật Di-đà tiếp dẫn, Tịnh độ hiện tiền. Lại nguyện trong hiện đời thường gặp bậc thiện tri thức, chẳng gặp thầy tà, không làm mê lầm tâm ta, chẳng phát sinh lời biếng”.

Nếu niệm Phật như thế, tin sâu, phát nguyện, đó là đầy đủ cả ba điều tư lương Tín, Hạnh, Nguyện. Lúc lâm chung thấy Phật chẳng phải từ bên ngoài đến, đều là duy tâm hiển hiện, cũng như hạt giống trên đất gặp mùa xuân thì nảy mầm, đâu phải từ bên ngoài, đều từ dưới đất mọc lên.

Nay, sự tu hành cũng vậy, niệm Phật đầy đủ Tín, Nguyện thì huân vào đất tâm tám thức¹⁰³; lúc lâm chung phát hiện Tịnh độ Di-đà chẳng phải bên ngoài đến, đều từ tâm mình phát xuất.

Kệ rằng:

¹⁰³ **Tám thức:** Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt-na thức, A-lại-da thức.

Muôn pháp từ tâm sinh
Muôn pháp từ tâm diệt
Đức Phật đại Sa-môn
Xưa đã từng tuyên thuyết.
Trì giới không tín nguyện
Chẳng được sinh Tịnh độ
Chỉ được phước nhân thiên
Phước hết luân hồi khổ.
Xoay vẫn khó thoát ra
Xem kinh không mắt tuệ
Chẳng rõ Phật thâm ý
Đời sau được thông minh
Tâm loạn khó thoát ly
Sao bằng niệm Phật tốt
Khỏi danh lợi bôn ba
Đi ngòi hằng tịnh niệm
Chính là A-di-đà
Phát nguyện trì giới luật
Hồi hướng sinh Lạc quốc
Là hành trì phù hợp
Ngàn người chẳng sót một.
Thuyết giáo có Thích-ca
Nhiếp thọ, đức Di-đà
Chư Phật đều hộ niệm
Chư Thiên khéo hộ trì
Thấy người niệm Phật này

Không cách xa đức Phật
Sẽ ngồi nơi đạo tràng
Chuyển bánh xe pháp lớn
Độ khắp cả chúng sinh.
Ví như gái nhà nghèo
Thai nghén vua Chuyển Luân
Chư Thiên thường mến hộ
Gái nghèo chẳng biết mừng
Trong bụng có con quý.
Nay người niệm Phật đây
Ý cũng đồng như thế!
Nhớ Phật thường niệm Phật
Không lâu sẽ thành Phật
Phật hộ niệm giữ gìn
Người ấy chẳng tự biết
Ta sẽ sinh Tịnh độ.
Lại muốn ở đời sau
Được sinh trong loài người
Ví như nhà kẻ nghèo
Dưới đất có kho báu
Thần kho hằng giữ gìn
Chẳng cho mất trân bảo
Người nghèo không tự biết
Trong nhà có châu báu
Đi khắp nơi làm mướn
Lo cơm áo khổ cầu!

Nay người niệm Phật này
Ý cũng đồng như thế!
Chẳng biết người niệm Phật
Đầy đủ Tạng Như Lai
Tự nói ta vô phần
Lại muốn sinh cõi người
Ví như nhà người bệnh
Có trữ sẵn thuốc tiên
Bệnh nhân không biết thuốc
Làm sao được lành yên?
Ngày đêm nằm trở trăn
Đau nhức hằng khóc than
Nay người niệm Phật này
Ý cũng đồng như thế!
Phải biết tâm niệm Phật
Trừ bệnh tham, sân, si
Hay làm đại lương y
Hay làm kho báu lớn
Hay thành Đại Pháp vương
Che chở và tế độ
Cứu khổ khắp muôn loài.
Cho là mình phàm phu
Không được sinh Tịnh độ
Chỉ giữ giới, trì trai
Nguyện đời sau làm người
Lần lượt gắng tiến tu

Mới được sinh về Tây
Thấy nhiều kẻ tu hành
Thường nói như thế ấy.
Chẳng hợp nguyện Di-đà
Không hợp kinh Tịnh độ
Tà kiến che mê lầm
Cuối cùng khó thoát ra
Đều do tâm mình ngăn
Chẳng phải người chướng ngại.
Đời nay không vãng sinh
Một lẽ thì trăm lầm
Khuyên những người tu hành
Tin lời Như Lai nói
Lời Phật hằng chân thật
Không một điểm dối hư
Chỉ nên siêng tinh tấn
Nhất tâm cầu Tịnh độ
Như gió thổi vào lửa
Chẳng tổn nhiều công sức.
May mắn biết niệm Phật
Nguyện vượt ra ba cõi
Gặp báu chẳng chịu lấy
Gặp cơm cam đối khổ
Quê thay đại trượng phu
Chẳng rõ lẽ chân thật.
Nay viết kệ khuyên bảo

*Xin lần lượt truyền nhau
Thay tôi lưu thông rộng
Làm sứ giả Như Lai
Đó mới là con Phật
Mới thật báo Phật ân
Nguyện làm theo lời dạy
Đồng sinh cõi Cực Lạc.*

*

Chương 3

CẦU SINH TỊNH ĐỘ

CHỦ YẾU Ở SỰ PHÁT NGUYỆN

Trong *Luận Đại Trí Độ* quyển 8, hỏi rằng:

- Chư Bồ-tát hạnh nghiệp thanh tịnh tự nhiên được quả báo thù thắng, cần gì phải lập thệ nguyện rồi sau đó mới thành tựu? Ví như nhà nông được hạt giống, lẽ nào lại chờ đợi nguyện cầu hay sao?

Đáp:

- Làm phước mà không nguyện thì không có điểm đến. Nguyện là kẻ dẫn đường có thể đưa đến thành

tự. Như lời Phật dạy: “Nếu người tu ít phước, ít giới không biết chánh nhân giải thoát, nghe nói về niềm vui của cõi Người, cõi Trời, tâm thường mong cầu ưa thích. Sau khi mạng chung, người ấy sinh vào cõi Nhân, Thiên, đó là đều do nguyện lực dẫn dắt. Bồ-tát cầu sinh về Tịnh độ do nơi chí nguyện mạnh mẽ, sau đó mới được thành tựu”. Vì thế nên biết, nhân nguyện lực kia mà được thọ hưởng quả báo thù thắng. Bậc Cao đức ngày xưa nói: quả Phật cao xa, muốn lên thì có thêm bậc; mây pháp chót vót, muốn đến phải dần dần. Tâm rộng lớn vừa phát thì đức huyền diệu soi sáng đến đời sau, thế lớn lao vừa hưng khởi thì nguyện nhiệm mầu cùng khắp hư không. Một niệm ý chí phát khởi tức là hoa Linh Thoại trong muôn kiếp, nửa khắc thành kính tức là cam lồ rưới khắp Đại thiên.

Luận Đại Trang Nghiêm nói: “Vãng sinh cõi Phật là việc lớn, nếu chỉ dùng công đức tu hành riêng lẻ thì không thể thành tựu, cần phải nhờ nguyện lực trợ giúp dẫn dắt mới làm nên. Do nguyện lực nên phước đức tăng trưởng, không mất không hoại sẽ sinh về cõi Phật, tùy nguyện được thấy Phật”.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “Người ấy lúc sắp mạng chung, khoảnh khắc sau cùng, tất cả các căn thấy đều tan hoại, tất cả thân thuộc thấy đều rời bỏ, tất cả uy thế thấy đều mất hết, cho đến voi, ngựa, xe cộ, kho

Thích Minh Thành dịch

tàng, của báu, tất cả đều không mang theo được. Chỉ có nguyện vãng này là không bỏ rời; trong tất cả thời dẫn đường phía trước, trong khoảnh khắc liền được vãng sinh Cực Lạc”.

*

Chương 4

NGHI THỨC PHÁT NGUYỆN TU HÀNH CỦA HÒA THƯỢNG THIÊN ĐẠO

Khi quán tưởng và trước khi ngủ, người tu Tịnh độ nên phát nguyện này. Hoặc ngồi hoặc đứng nhất tâm chấp tay, hướng mặt về phương Tây niệm mười câu A-di-đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ-tát, xong rồi phát nguyện rằng: “*Đệ tử chúng con, hiện là phàm phu, trong vòng sinh tử, tội chướng sâu nặng, luân chuyển sáu đường, khổ không nói được. Nay gặp tri thức, được nghe danh hiệu, bản nguyện công đức, của Phật Di-đà, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sinh. Nguyện Phật từ bi, xót thương chẳng bỏ, phóng quang nhiếp thọ. Đệ tử chúng con, chưa biết thân Phật, tướng hảo quang minh,*

nguyện Phật thị hiện, cho con được thấy. Lại thấy tướng mâu, Quán Âm Thế Chí, các chúng Bồ-tát, và thế giới kia, thanh tịnh trang nghiêm, vẻ đẹp quang minh, xin đều thấy rõ”.

Phát nguyện này rồi, nhất tâm chánh niệm, tùy ý quán tưởng. Hoặc phát nguyện trước lúc ngủ nghỉ, hoặc có quy định thời khóa phát nguyện thì liền được thấy Phật, hoặc khi ngủ được thấy. Chỉ cần chuyên chí, tự nhiên trọn vẹn sở nguyện.

*

Chương 5

VĂN PHÁT NGUYỆN CẦU SINH TỊNH ĐỘ CỦA BẠCH CƯ DỊ

Sách Ký ghi rằng: “Đức Phật Thích-ca nói, từ đây qua phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc, vì thế giới ấy không có tám thứ khổ¹⁰⁴ và bốn đường ác¹⁰⁵. Cõi nước ấy gọi là

¹⁰⁴ Tám thứ khổ:

1. Sinh khổ (nỗi khổ do sự sinh): mẹ khổ vì mang nặng đẻ đau, con khổ vì trong thai bị thức ăn nóng lạnh, cảm xúc... của mẹ tác động; đến khi sinh ra lại bị chèn ép đau đớn thống khổ. Đó chính là một trong những nguyên nhân mà chúng sinh đều bị quên tiền kiếp khi chuyển thân cách âm, vì quá khổ.
2. Già khổ (khổ do tuổi già): dễ bị bệnh tật, sức yếu, năng lực làm việc, suy tư giảm, không còn hoặc giảm sáng suốt, thậm chí không thể giúp người mình muốn giúp và dễ làm gánh nặng cho người khác
3. Bệnh khổ (nỗi khổ khi mắc phải bệnh tật): đau đớn, thống khổ, rên siết, không ai chia sẻ được, có khi các cảm giác thống siết này tồn tại rất lâu, lại có khi gây ra các di chứng tệ hại phải chịu về lâu dài.
4. Chết khổ (khổ vì đau đớn khi thời khắc phải chết đến): nỗi khổ khi tử đại trong thân phân ly, như kinh nói là “như con rùa bị lột mai, như con cua bị bỏ vào nồi nước sôi”, không thể nào tả xiết. Lại, trong 8 giờ sau khi chết, thần thức vẫn còn tồn lưu trong thân, nếu có người hay vật nào tác động đến thì dù nhẹ đến đâu cũng đau đớn không thể tả nổi, dễ nổi tâm sân hận mà đọa lạc theo niệm đó. Lại, sau khi xuất ra khỏi thân thì trong trạng thái Trung ấm thân tồn tại lâu nhất là đến 49 ngày, cứ cách 7 ngày

Tịnh độ, bởi không có tam độc, ngũ trược. Đức Phật ấy hiệu là A-di-đà vì tuổi thọ vô lượng, nguyện lực vô lượng, công đức tướng hảo ánh sáng vô lượng”.

Xét kỹ chúng sinh ở thế giới Ta-bà này, không luận là hiền ngu, sang hèn, già trẻ, nếu ai khởi tâm hướng về Phật thì đều chấp tay hướng về Tây Phương; ai sợ hãi khổ não nguy ách thì lúc mở miệng thốt lên đều niệm Phật A-di-đà trước tiên. Hơn nữa, khi đúc tượng, nắn đất, khắc vào đá, thêu trên vải, cho đến trẻ con chơi đùa nhóm cát, vẽ trên nước, thường lấy Phật A-di-đà làm bậc nhất. Vì sao lại như

phải chết một lần, cảm giác đau đớn khổ não cũng như cũ, dễ theo nghiệp mà thọ sinh cảnh xấu, nên tử khổ có thể dẫn đến sinh khổ trong đời sau.

5. Khổ vì thương yêu chia lìa (ái biệt ly khổ): khổ vì phải chia lìa người thân hay vật mình yêu thích, nên sinh tâm đau buồn luyến tiếc mà chìm đắm trong khổ não. Thông thường, khổ này nặng nhất khi sinh ly tử biệt với người thân.

6. Khổ vì oán thù gặp gỡ (oán tắng hội khổ): khổ khi thù ghét nhau, khó chịu với nhau mà phải ở chung, ở gần, phải chịu đựng nhau.

7. Khổ vì mong cầu không được (cầu bất đắc khổ): khổ khi mong cầu một điều gì đó mà không toại ý nên sinh tâm buồn bực, khổ não, đau buồn.

8. Khổ vì ngũ uẩn nung nấu (ngũ ấm xí thanh khổ): khổ vì ngũ ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức nung nấu chống trái nhau trong thân tâm, khiến ta chịu các loại phiền não và khổ đau. Thật ra, đây chính là nguyên nhân chính của tất cả các khổ trên, nhưng vì phải phân loại ra cho rõ nghĩa, để hình dung nên phải nói nhiều loại.

¹⁰⁵ **Bốn đường ác:** Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh và A-tu-la. Ác đạo là nơi khổ sở xấu xa mà chúng sinh sẽ sinh về sau khi tạo nghiệp.

thế? Bởi vì đức Phật A-di-đà có thế nguyện lớn đối với chúng sinh ở cõi này, chúng sinh ở cõi này có nhân duyên lớn với thế giới Cực Lạc. Điều đó đã rõ ràng, nếu không thì chư Phật ở các phương Đông, Tây, Nam, Bắc, từ quá khứ, hiện tại, vị lai rất nhiều, sao chỉ đặc biệt tôn kính Phật A-di-đà như thế?

Trung Đại phu Thái phó Bạch Cư Dị ở đời Đường, lúc tuổi già bị bệnh tê liệt, bèn đem tiền của sai Đỗ Kính Tông dựa theo hai kinh *A-di-đà* và *Vô Lượng Thọ* vẽ một bộ Tây Phương Thế Giới cao chín thước, rộng mười ba thước. Phật A-di-đà ngồi ở giữa, hai vị Đại sĩ Quán Âm, Thế Chí hầu hai bên phải trái; Người, Trời chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh, lầu đài kỹ nhạc, nước cây chim hoa, bảy báu¹⁰⁶ nghiêm sức, năm sắc¹⁰⁷ phô bày, sáng rực huy hoàng, công đức thành tựu. Đệ tử Bạch Cư Dị dâng hương cúi đầu quỳ trước Phật, khởi lòng từ bi

¹⁰⁶ **Bảy báu** (七寶 - The seven precious things): bảy thứ quý báu:

1. Kim (vàng); 2. Ngân (bạc); 3. Lưu ly; 4. Pha lê; 5. Xa cừ; 6. Trân châu; 7. Mã não.

¹⁰⁷ **Năm sắc**: cũng gọi Ngũ chính sắc, Ngũ đại sắc, tức chỉ cho 5 màu căn bản: xanh, vàng, đỏ, trắng và đen.

Tại Ấn Độ, chư tăng trong giáo đoàn không được dùng 5 màu này làm màu của áo pháp vì cho rằng 5 màu này là màu lờ loẹt, hoa mỹ. Nhưng màu sắc trang nghiêm cõi Tịnh độ và mây 5 sắc trong vật cầm tay của Bồ-tát Quán Âm nghìn tay đều là 5 màu này.

phát nguyện lớn: “*Nguyện đem công đức này hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh có người già như con, có chúng bệnh như con, nguyện lìa khổ được vui, diệt trừ việc ác, tu tập điều lành, chẳng ra khỏi Nam Thiệm Bộ Châu*¹⁰⁸ *liền thấy được Tây Phương Cực Lạc, ánh sáng bạch hào rộng lớn, tùy theo tâm niệm mà cảm ứng ngay, sen xanh Thượng phẩm, tùy nguyện vãng sinh. Từ thân hiện tại này, cùng tận bờ mé vị lai thường được thân cận gần gũi cúng dường Phật*”.

¹⁰⁸ **Nam Thiệm Bộ Châu** (Jambudvīpa - có nghĩa là đất), còn gọi là Nam Diêm Phù Đề. Diêm Phù Đề tức là tên của một loài cây ở Thiệm Bộ. Đề là nghĩa của châu. Nơi đất nầy có cây Thiệm Bộ, cho nên đem nó để đặt tên châu. Ở trong Diêm Hải, Nam Thiệm Bộ Châu nằm ở phía Nam núi Tu-di.

Tên của miền Nam của tứ đại châu, người ta nói nó hình tam giác, được gọi theo tên của một cái là Thiệm Bộ khổng lồ trên núi Tu-di, hay gọi theo tên loại vàng “thiệm bộ đàn” tìm thấy dưới gốc cây. Nó được chia ra làm bốn vùng:

- Nam Tượng Chủ: từ Tuyết Sơn trở xuống phía Nam - South of Himalayas by the lord of elephants, because of of their innumerable number of elephants.

- Bắc Mã Chủ: từ Tuyết Sơn trở lên phía Bắc (vì có nhiều ngựa) - North of Himalayas by the lord of horses.

- Tây Bảo Chủ: phía Tây của Tuyết Sơn (vì có nhiều châu báu): West of Himalayas by the lord of jewels.

- Đông Nhân Chủ: phía Đông của Tuyết Sơn (vì có nhiều người ở): East of Himalayas by the lord of men.

Thích Minh Thành dịch

Ông muốn trùng tuyên ý nghĩa này mà nói lời khen ngợi rằng:

*Thế giới Cực Lạc cõi thanh tịnh
Không mọi đường ác và các khổ
Nguyện người già bệnh như thân con
Đồng sinh cõi Phật Vô Lượng Thọ.*

*

Chương 6

VĂN THÍ KINH PHÁT NGUYỆN TỊNH ĐỘ GỮA PHÒNG TẾ XUYÊN

Văn ấy đại khái ghi rằng: “Một việc bố thí kinh của tôi mà có đủ hai sự bố thí. Dùng tiền của để in sách ấn tống đó là tài thí, đem kinh để truyền bá đó là pháp thí. Theo lời Phật nói, bố thí tiền của đời sau sẽ được quả báo phước đức nơi cõi Trời, Người; bố thí giáo pháp sẽ được thế trí biện thông¹⁰⁹. Đó là quả báo thế gian. Nên biết hai

¹⁰⁹ Thế trí biện thông: trí thông minh sắc sảo về mặt thế tục của phàm phu, 1 trong 8 nạn.

quả báo ấy đều là nhân trong luân hồi, cội gốc của đau khổ.

Thế nên, nay tôi phát nguyện: nguyện hồi hướng hai quả báo này, lúc sắp mạng chung trang nghiêm vãng sinh Tây Phương Cực Lạc. Lấy hoa sen làm bào thai, gói hình chất trong hoa, thấy Phật nghe pháp ngộ Vô sinh nhẫn, lên bậc Bất thoái, vào vị Bồ-tát, rồi trở lại trong thế giới ở khắp mười phương, nơi cõi đời ngũ trước, hiện thân khắp cả để làm Phật sự.

Dem nhân của hai sự bố thí tiền của và giáo pháp hôm nay, nguyện được như Bồ-tát Quán Thế Âm đầy đủ đại từ bi, dạo đi trong sáu nẻo, tùy loại hóa thân, nói các pháp mâu, khai phát cho người chưa ngộ, rời hẳn con đường đau khổ, khiến họ được trí tuệ, cùng với tất cả chúng sinh thấy đều thành Phật.

Đó là lời nguyện của tôi về việc bố thí kinh”.

Người phàm phu chỉ ham mê học tập kinh sách ngoại đạo, không có khả năng tin nhận chánh pháp xuất thế, trở thành chướng nạn cho việc tin hiểu Phật đạo.

Cũng có người cho rằng Thế trí biện thông là giàu kiến thức thế gian, giỏi biện luận, khéo xử thế.

Đại Thừa Nghĩa Chương, quyển 8 (Đại 44, 629 thượng) nói: “Vì thế trí biện thông chỉ làm tăng thêm điều ác cho nên gọi là nạn, tà kiến này trái với chánh đạo”.

Phùng Tế Xuyên bố thí kinh chẳng cầu sự giàu sang thông minh trên đường Trời, Người, mà đem công đức này hồi hướng về Tịnh độ, nguyện thấy Phật Di-đà. Thật đáng gọi là người Đại thừa trí thức cao minh, đạt sâu lý Phật. Than ôi! Thấy người trong Liên Xã trọn ngày niệm Phật chỉ cầu phước báo ở đời sau, há chẳng phải là sai lầm sao?

Tôi nguyện tất cả mọi người cùng sinh về Tịnh độ, nên dẫn lời văn bố thí kinh phát nguyện Tịnh độ của Phùng Tế Xuyên để làm khuôn phép cho mọi người. Nếu có tu phước niệm Phật, cho đến việc lành chừng bằng mấy tờ, thấy đều nên phát nguyện hồi hướng Tây Phương, có chỗ hướng về thì lúc lâm chung quyết định vãng sinh Tịnh độ.

*